NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM
NGUYỄN THỊ NGỌC THUÝ – TRẦN LÊ HOA TRANH – ĐOÀN THỊ THU VÂN

Chân trời sáng tạo

NGỮ VĂN

10

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM
NGUYỄN THỊ NGỌC THUÝ – TRẦN LÊ HOA TRANH – ĐOÀN THỊ THU VÂN

NGỮ VĂN



TẬP HAI

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

BÀI 6: NÂNG NIU KỈ NIỆM (THƠ) 4

ĐỌC 5

Chiếc lá đầu tiên (Hoàng Nhuận Cầm) 5

Tây Tiến (Quang Dũng) 8

Dưới bóng hoàng lan (Thạch Lam) 10

Thực hành tiếng Việt 15

Nắng mới (Lưu Trọng Lư) 16

VIẾT 17

Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình 17

NÓI VÀ NGHE 22

Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học 22

Nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói; nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó 25

Ôn tập 28

BÀI 7: ANH HÙNG VÀ NGHỆ SĨ (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN – TÁC GIẢ NGUYỄN TRÃI) 29

ĐỌC 32

Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi) 33

Thư lại dụ Vương Thông (Nguyễn Trãi) 40

Bảo kính cảnh giới – bài 43 (Nguyễn Trãi) 43

Thực hành tiếng Việt 44

Dục Thuý sơn (Nguyễn Trãi) 46

Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ (A-ma-đu Ma-ta Mơ Bâu) 47

VIẾT 50

Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm 50

NÓI VÀ NGHE 56

Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội 56

Ôn tập 58

BÀI 8: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI (TRUYỆN) 59

ĐỌC 61

Đất rừng phương Nam (Đoàn Giỏi) 62

Giang (Bảo Ninh) 69
Xuân về (Nguyễn Bính) 76
Thực hành tiếng Việt 77
Buổi học cuối cùng (An-phông-xơ Đô-đê) 78
VIẾT 81
Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch 81
NÓI VÀ NGHE 86
Giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch 86
Ôn tập 89

BÀI 9: KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP VÀ TỰ DO (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN) **90**
ĐỌC 91
Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn) 92
Nam quốc sơn hà – bài thơ Thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước (Theo Nguyễn Hữu Sơn) 96
Đất nước (Nguyễn Đình Thi) 99
Thực hành tiếng Việt 100
Tôi có một giấc mơ (Mác-tin Lu-thơ Kinh) 101
VIẾT 104
Viết bài luận về bản thân 104
NÓI VÀ NGHE 110
Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ 110
Ôn tập 113

Ôn tập cuối học kì II **114**
Bảng tra cứu thuật ngữ **116**
Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt **117**
Bảng tra cứu tiếng nước ngoài **123**

Chân trời sáng tạo

BÀI 6

NÂNG NIU KỈ NIỆM

(THƠ)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản; nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.
- Nhận biết được lỗi về trật tự từ và cách sửa.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân); nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.
- Biết trân trọng, gìn giữ những kỉ niệm, đồng thời có trách nhiệm với hiện tại và tương lai.

Chân trời sáng tạo

TRI THỨC NGỮ VĂN

Trong bài *Giao cảm với thiên nhiên*, bạn đã học một số vấn đề về thể loại thơ như *chủ thể trữ tình, vần và nhịp, từ ngữ, hình ảnh trong thơ*. Trong bài này, bạn sẽ tiếp tục tìm hiểu một số khái niệm về thơ.

Tình cảm, cảm xúc trong thơ là những rung động nội tâm, những cảm nhận của nhà thơ về cuộc sống. Tình cảm, cảm xúc trong thơ đánh thức những rung động tinh tế trong trái tim người đọc.

Cảm hứng chủ đạo trong thơ: *Cảm hứng* là trạng thái tâm lí dạt dào cảm xúc và sự lôi cuốn, thôi thúc mãnh liệt đối với con người khi tiếp xúc với một hiện tượng, sự vật hay thực hiện một công việc, một hành động nào đó. *Cảm hứng chủ đạo trong thơ* là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm thơ, tác động đến cảm xúc của những người tiếp nhận tác phẩm. Một tác phẩm thơ có thể có nhiều cảm hứng, nhưng chỉ có một cảm hứng chủ đạo vì đó là cảm hứng chính, bao trùm tác phẩm.

Lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa

Trật tự từ có ý nghĩa rất quan trọng trong câu tiếng Việt. Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ. Mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Việc sắp xếp sai trật tự các thành phần trong câu có thể làm cho câu mơ hồ về nghĩa, sai lô-gíc hoặc không diễn đạt đúng nội dung mà người viết muốn thể hiện.

Ví dụ 1: *Người máy là một trong những phát minh của thế kỉ XXI quan trọng nhất.*

Trong câu trên, việc sắp xếp cụm từ "quan trọng nhất" sau "thế kỉ XXI" (thay vì sau "phát minh") khiến câu mơ hồ về nghĩa.

Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: *Người máy là một trong những phát minh quan trọng nhất của thế kỉ XXI.*

Ví dụ 2: *Nó nhắm mắt lại, nằm xuống giường và cố gắng ngủ.*

Trong câu trên, việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí khiến câu sai lô-gíc.

Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ theo thứ tự trước sau của hành động: *Nó nằm xuống giường, nhắm mắt lại và cố gắng ngủ.*



ĐỌC

Quá khứ và kỉ niệm luôn có ý nghĩa đặc biệt đối với hiện tại và tương lai. Những kỉ niệm tươi vui, hạnh phúc mang đến cho chúng ta nguồn năng lượng sống, những kỉ niệm buồn có thể mang lại cho ta những bài học kinh nghiệm. Thơ ca cần cho đời sống, một phần vì thơ ca giúp ta thêm quý trọng quá khứ, biết nâng niu những kỉ niệm quý giá đối với mỗi người.

Những bài thơ trong bài học này sẽ giúp bạn hiểu được giá trị của kỉ niệm, từ đó lựa chọn cách ứng xử phù hợp.

VĂN BẢN 1

CHIẾC LÁ ĐẦU TIÊN

Hoàng Nhuận Cầm

Trước khi đọc

Kỉ niệm nào về mái trường khiến bạn xúc động nhất? Hãy chia sẻ với các bạn về điều đó.

Đọc văn bản

Em thấy không, tất cả đã xa rồi
Trong tiếng thở của thời gian rất khẽ 1
Tuổi thơ kia ra đi cao ngạo thế
Hoa súng tím vào trong mắt lắm mê say.

Chùm phượng hồng yêu dấu ấy rời tay
Tiếng ve trong veo xé đôi hồ nước
Con ve tiên tri[1] vô tâm báo trước
Có lẽ một người cũng bắt đầu yêu.

Muốn nói bao nhiêu, muốn khóc bao nhiêu
Bài hát đầu xin hát về trường cũ
Một lớp học bâng khuâng màu xanh rủ
Sân trường đêm – Rụng xuống trái bàng đêm. 2

Nỗi nhớ đầu anh nhớ về em
Nỗi nhớ trong tim em nhớ về với mẹ
Nỗi nhớ chẳng bao giờ nhớ thế
Bạn có nhớ trường nhớ lớp, nhớ tên tôi.

"– Có một nàng Bạch Tuyết các bạn ơi
Với lại bảy chú lùn rất quấy!"
"– Mười chú chứ, nhìn xem, trong lớp ấy"
(Ôi những trận cười trong sáng đó lao xao). 3

Những chuyện năm nao, những chuyện năm nào
Cứ xúc động, cứ xôn xao biết mấy
Mùa hoa mơ rồi đến mùa phượng cháy
Trên trán thầy, tóc chớ bạc thêm 4

Thôi đã hết thời bím tóc trắng ngủ quên
Hết thời cầm dao khắc lăng nhăng lên bàn ghế cũ
Quả đã ngọt trên mấy cành đu đủ
Hoa đã vàng, hoa mướp của ta ơi.

Suy luận

1 Bạn hiểu thế nào về hai dòng thơ đầu?

Liên hệ

2 Khổ thơ này gợi lên trong bạn cảm xúc gì về ngôi trường của mình?

Tưởng tượng

3 Bạn hình dung thế nào về cảnh được miêu tả trong đoạn thơ này?

Suy luận

4 Bạn cảm nhận như thế nào về tình cảm của chủ thể trữ tình được thể hiện qua khổ thơ này?

[1] *Tiên tri*: biết trước được những việc sẽ xảy ra.

Chân trời sáng tạo

Em đã yêu anh, anh đã xa rồi
Cây bàng hẹn hò chìa tay vẫy mãi
Anh nhớ quá! Mà chỉ lo ngoảnh lại
Không thấy trên sân trường – chiếc lá buổi đầu tiên.

(In trong *Xúc xắc mùa thu*, NXB Hội Nhà văn, 1992, tr. 11 – 12)

Sau khi đọc

1. Theo bạn, các từ ngữ "một người" (dòng 8), "tôi" (dòng 16), "anh" (các dòng thơ khác) trong bài thơ chỉ những ai? Cách sử dụng các từ ngữ nhân xưng như vậy có tác dụng gì?
2. Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ 3, 4, 6 và nêu tác dụng của chúng.
3. Nhận xét về tác dụng của việc sử dụng đối thoại ở khổ thơ 5.
4. Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh bộc lộ tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình. Từ đó, nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
5. Bạn cảm nhận như thế nào về hình ảnh "chiếc lá buổi đầu tiên" ở cuối bài thơ?
6. Bài thơ gợi lên trong bạn những kỉ niệm hoặc những suy nghĩ gì về tuổi học trò?

❋ **Bài tập sáng tạo:** Hãy sử dụng một trong những cách sau đây: ngâm thơ, đọc diễn cảm, hoạt cảnh sân khấu hoá, vẽ tranh, phổ nhạc,... để thể hiện cách cảm nhận của mình về bài thơ.

Chân trời sáng tạo



Hoàng Nhuận Cầm

Hoàng Nhuận Cầm (1952 – 2021) sinh ra ở Hà Nội. Ông được mệnh danh là nhà thơ của học sinh, sinh viên bởi có nhiều bài thơ viết về kỉ niệm của tuổi trẻ, tình yêu với giọng điệu trẻ trung, sôi nổi. Bên cạnh việc làm thơ, ông còn viết kịch bản phim, tham gia đóng phim.

Hoàng Nhuận Cầm có một số tập thơ nổi tiếng như: *Xúc xắc mùa thu* (1992), *Hò hẹn mãi cuối cùng em cũng đến* (2007).

VĂN BẢN 2

TÂY TIẾN

Quang Dũng

Trước khi đọc

Bạn biết gì về vùng đất Tây Bắc và những người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp? Hãy chia sẻ với mọi người.

Đọc văn bản

Sông Mã xa rồi Tây Tiến[1] ơi!
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi 1
Sài Khao[2] sương lấp đoàn quân mới
Mường Lát[3] hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông[4] mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch[5] cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi 2

*

Tưởng tượng

1 Từ láy "chơi vơi" giúp bạn cảm nhận như thế nào về nỗi nhớ của nhà thơ?

Tưởng tượng

2 Đoạn thơ này giúp bạn hình dung như thế nào về hình ảnh thiên nhiên rừng núi?

---

[1] *Tây Tiến*: tên của một đơn vị quân đội được thành lập đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào cũng như ở miền tây Bắc Bộ Việt Nam. Địa bàn đóng quân và hoạt động của đoàn quân Tây Tiến khá rộng, bao gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình, miền tây Thanh Hoá và Sầm Nưa (Lào). Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên (như Quang Dũng), chiến đấu trong những hoàn cảnh rất gian khổ, vô cùng thiếu thốn về vật chất, bệnh sốt rét hoành hành dữ dội. Tuy vậy, họ vẫn sống rất lạc quan và chiến đấu dũng cảm.

[2] *Sài Khao*: một bản ở huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá. Nơi đây có nhiều con dốc cheo leo, quanh co theo triền núi.

[3] *Mường Lát*: huyện vùng cao biên giới nằm ở tận cùng phía tây bắc tỉnh Thanh Hoá, phía bắc và phía tây giáp với Lào.

[4] *Pha Luông*: một đỉnh núi nằm ở huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, gần khu vực biên giới Việt – Lào. Nằm ở độ cao 2 000 m so với mực nước biển, đỉnh Pha Luông được mệnh danh là "nóc nhà của Mộc Châu".

[5] *Mường Hịch*: nay là xã Mai Hịch, huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, đây là một trong những địa bàn đóng quân và hoạt động chủ yếu của đoàn quân Tây Tiến.

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn[1] lên man điệu[2] nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc[3]
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

*

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm[4]
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào[5] thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành 3

*

Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa[6] chẳng về xuôi.

Phù Lưu Chanh, 1948
(In trong *Quang Dũng – Tác phẩm văn học được giải thưởng nhà nước*, NXB Hội Nhà văn, 2014, tr. 95 – 98)

Suy luận

3 Bạn cảm nhận như thế nào về hình ảnh người lính được miêu tả trong đoạn thơ? Qua đó, tác giả đã thể hiện tình cảm gì đối với người lính Tây Tiến?

Sau khi đọc

1. Xác định bố cục bài thơ và nội dung chính của từng đoạn. Từ đó, chỉ ra mạch cảm xúc của bài thơ.
2. Liệt kê các dòng thơ trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả và nêu tác dụng của chúng. Xác định chủ thể trữ tình và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

---

[1] *Khèn*: loại nhạc khí quen thuộc của một số dân tộc miền núi, gồm nhiều ống trúc ghép lại, một đầu cắm xuyên qua bầu gỗ hình bắp chuối làm hộp cộng hưởng, thổi bằng miệng.
[2] *Man điệu*: ở đây được hiểu là điệu nhạc, điệu múa của dân tộc thiểu số ở miền núi.
[3] *Độc mộc*: thuyền dài và hẹp, làm bằng thân một cây gỗ to, khoét trũng thành khoang thuyền.
[4] *Dáng kiều thơm*: dáng vẻ xinh đẹp, đáng yêu của người con gái.
[5] *Áo bào*: áo của tướng lĩnh thời phong kiến mặc khi ra trận.
[6] *Sầm Nứa*: một vùng đất ở Thượng Lào, nằm ở biên giới phía tây tỉnh Thanh Hoá.

3. Phân tích bức tranh thiên nhiên và hình ảnh đoàn quân Tây Tiến trong đoạn 1. Chỉ ra một số nét đặc sắc trong cách sử dụng hình ảnh, từ ngữ, vần, nhịp của đoạn thơ.

4. Phân tích vẻ đẹp của hình ảnh người lính Tây Tiến trong đoạn 3. Vẻ đẹp của người lính trong đoạn này có gì khác so với đoạn 2?

5. Bài thơ *Tây Tiến* giúp bạn hiểu thêm những gì về:

a. Hình ảnh anh bộ đội và con người Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp?

b. Vai trò, ý nghĩa của kí ức và kỉ niệm trong đời sống tinh thần của con người cũng như trong sáng tác thơ ca?



Quang Dũng

Quang Dũng (1921 – 1988), tên thật là Bùi Đình Diệm, quê ở làng Phượng Trì, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Ông là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc. Tuy nhiên, thành công nổi bật của Quang Dũng là ở lĩnh vực thơ ca.

Thơ của ông, nhất là những bài nổi tiếng như *Đôi mắt người Sơn Tây, Tây Tiến*,... được nhiều thế hệ người đọc yêu thích, bởi đó là tiếng nói của một tâm hồn phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa.

Chân trời sáng tạo

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN

(Trích)

Thạch Lam

Đọc văn bản

Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người; trên con đường lát gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thong thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bậc cửa.

Thanh bước lên thềm, đặt va li trên chiếc trường kỉ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch đến nỗi Thanh trở nên nghẹn họng; mãi mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ:

– Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vụt ra, rơi xuống mặt bàn; Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh dương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mãn[1]:

– Bà mày đâu?

Thanh bước xuống giàn thiên lí. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

– Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

– Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ. [...]

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỉ, ngọn đèn con và cái điếu cũ kĩ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thong thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đấy bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng.

– Ấy, bà làm gì thế? Bà để mặc cháu.

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc phất trần lên đầu giường:

– Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy khắp cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

---

[1] *Mãn*: mèo.

– Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường, duỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: "Cây hoàng lan!", mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhặt hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quấn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm, tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần săn sóc buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẳn. Tiếng dép nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không, hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Chàng lẳng lặng ngồi dậy, tì trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:

– Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhặt rau nghe tiếng gọi vội ngửng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng:

– Anh Thanh! Anh đã về đấy à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa trả lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ nhỏ, bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà chàng. Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô Nga nói:

– Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhớn quá.

– Tôi vẫn thế đấy chứ.

Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu đáp:

Chân trời sáng tạo

– Cô trông em có phải gầy đi không. Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngửng nhìn Thanh, cười:

– Đấy em có nói sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui vẻ và vẫn đậm, có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

***

[...]

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lí pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lí non và thơm rủ liền trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi:

– Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

Nga cũng cười hơi thẹn:

– Vẫn nhặt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, nắng như tụ lại những hình ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

[...]

Bữa ăn xong. Thanh với Nga đã trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi thăm vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành, Nga bảo Thanh:

– Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nắng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

– Bao giờ anh lên tỉnh?

– Ngày mai thôi. Kì này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về ở đây lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại. Nga đến bên bể múc nước rửa hoa, rồi xếp bầy lên trên quả trầu. Bà cụ nhìn cô, âu yếm:

– Hoa hãy còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Nga thưa:

– "Anh con hái đấy ạ" và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Đêm ấy, một bà, một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong gió ngát. Không lưỡng lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình, Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

– Thôi em về.

Thanh đi trở vào rất thong thả. Có cái gì dịu ngọt chăng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỉ ngồi ở bên đèn.

***

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc va li chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cầm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà dưới giàn hoa lí. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tới cổng, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhảu cầm đỡ va li cho chàng, Thanh dặn khẽ:

– Bảo tôi có nhời chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

(In trong *Sợi tóc*, NXB Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, 1995, tr. 5 – 14)

Chân trời sáng tạo

Sau khi đọc

1. Khi bước vào khu vườn có ngôi nhà của bà, điều gì đã khiến Thanh cảm thấy *nghẹn họng, mừng rỡ, bình yên, thư thái, dịu ngọt,...*? Điều đó cho thấy sự khác biệt thế nào giữa không gian bên trong và bên ngoài khu vườn?
2. Tìm một vài hình ảnh trong văn bản thể hiện sự đan xen giữa quá khứ và hiện tại. Ý nghĩa của sự đan xen đó là gì?
3. Những kỉ niệm tuổi thơ nào đã trở về với Thanh khi anh về thăm bà? Những kỉ niệm ấy gợi lên trong Thanh cảm xúc gì? Qua đó, bạn cảm nhận như thế nào về nhân vật này?
4. Bạn cảm nhận như thế nào về tình cảm giữa Thanh và Nga? Dựa vào đâu mà bạn có thể cảm nhận như vậy?
5. Bạn hiểu thế nào về câu nói *đi để trở về* sau khi đọc xong truyện này?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra và sửa lại lỗi về trật tự từ trong các câu sau:

a. *Giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có duy nhất ở Việt Nam trên kênh VTC.*

b. *Tên trộm khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm ở trụ sở công an.*

c. *Họ úp cái nón lên mặt, nằm xuống ngủ một giấc cho đến chiều.* (Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

d. *Anh ấy đóng cửa lại, từ tốn nói lời chào tôi rồi đi vào nhà.*

đ. *Đây là bộ phim về ngày tận thế nổi tiếng của Mỹ.*

e. *Trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp kiên cường, nhân dân ta đã thể hiện một sức sống mãnh liệt.*

2. Hãy tìm 2 câu sai về trật tự từ trên một tờ báo và chữa lại cho đúng.

3. Đọc các câu sau:

a_1. *Chàng lẳng lặng ngồi dậy, tì trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao.* (Thạch Lam)

a_2. *Chàng cúi mình nhìn ra phía ao, lẳng lặng ngồi dậy, tì trên cửa sổ.*

b_1. *Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào.* (Thạch Lam)

b_2. *Thanh nhẹ nhàng bước vào, lách cánh cửa gỗ để khép.*

c_1. *Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó.* (Thạch Lam)

c_2. *Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân của Nga xinh xắn, ngày nào, đi trên đó.*

Câu a_2, b_2, c_2 đã thay đổi trật tự từ so với câu a_1, b_1, c_1. Việc thay đổi như vậy có phù hợp không? Vì sao?

4. Nhận xét về việc sắp xếp trật tự các vế trong câu sau:

Thanh bước lên thềm, đặt va li trên chiếc trường kỉ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. (Thạch Lam)

5. Phân tích nét độc đáo của các từ ngữ được sử dụng trong câu thơ:

Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm

(Quang Dũng)

6. Đọc đoạn thơ thứ ba của bài thơ *Tây Tiến* và thực hiện các yêu cầu:

a. Chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng các từ Hán Việt trong đoạn thơ.

b. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong cụm từ *về **đất*** và phân tích hiệu quả của biện pháp đó.

Chân trời sáng tạo

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) kể về một kỉ niệm có ý nghĩa sâu sắc đối với bạn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

NẮNG MỚI

Tặng hương hồn thầy me[1]

Lưu Trọng Lư

Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác, gà trưa gáy não nùng,
Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ me tôi thuở thiếu thời,
Lúc người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi.

Hình dáng me tôi chửa xoá mờ,
Hãy còn mường tượng lúc vào ra:
Nét cười đen nhánh sau tay áo,
Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa.

(In trong *Tiếng thu*, NXB Hội Nhà văn,
Hội Nghiên cứu và Giảng dạy Văn học TP. Hồ Chí Minh, 1992, tr. 13)

Hướng dẫn đọc

1. Nhân vật "tôi" đã thể hiện tình cảm, cảm xúc gì trong bài thơ? Tình cảm, cảm xúc đó được thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào?
2. Bạn có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ, ngắt nhịp, gieo vần và tác dụng của chúng trong bài thơ?
3. Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào trong tâm tưởng nhân vật "tôi"?
4. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì? Cảm hứng đó thể hiện giá trị đạo đức truyền thống nào của người Việt Nam?

[1] *Me*: mẹ (chỉ dùng để xưng gọi).



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRỮ TÌNH

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ, bằng chứng để làm rõ ý nghĩa, giá trị chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm trữ tình ấy.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

Ngoài những yêu cầu về nội dung và kĩ năng nghị luận văn học nói chung, khi thực hiện bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình (thơ/ văn xuôi trữ tình), cần nêu và phân tích thoả đáng những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật theo đặc trưng thể loại của tác phẩm và tác dụng của chúng.

- Với các tác phẩm thơ trữ tình, cần tập trung phân tích, đánh giá các yếu tố như *dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình, cách gieo vần, ngắt nhịp, ngắt dòng, chia đoạn,...*
- Với các tác phẩm văn xuôi trữ tình như tuỳ bút, tản văn, cần tập trung phân tích, đánh giá *cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình qua mạch suy tư, cảm xúc; cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nhằm thể hiện suy tư, cảm xúc ấy,...*

Bố cục bài viết gồm 3 phần:

Mở bài: giới thiệu tác phẩm, tác giả; nêu nhận xét khái quát về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

Thân bài: lần lượt phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.

Kết bài: khẳng định lại giá trị chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm; nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ về tác phẩm.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Phân tích, đánh giá tác dụng của các biện pháp tu từ trong bài thơ *Mây và sóng* (Tagore)[1].

[...]

Bài thơ sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, điệp ngữ,... để biểu đạt những ý nghĩa sâu sắc. [1a] Hình ảnh mây và sóng ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, đầy hấp dẫn. Những hình ảnh đó cũng gợi liên tưởng tới những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí, những cám dỗ ở đời,... [2a]

[1a], [1b], [1c]: Nêu tên các biện pháp nghệ thuật.

[1] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Để miêu tả buổi sớm mai, nhà thơ đã kết hợp danh từ *bình minh* (dawn) với tính từ *vàng* (golden). [3a] Tính từ *golden* trong ngữ cảnh bài thơ không phải chỉ có ý nghĩa về màu sắc mà còn mang nghĩa *quý giá*. Biện pháp ẩn dụ "buổi sớm mai vàng" (the golden dawn) đã mở ra một không gian tràn ngập ánh sáng mặt trời rực rỡ, lấp lánh: ánh sáng chan hoà khắp không trung, dát vàng lên vạn vật, đồng thời gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian. Tương tự, nhà thơ đã miêu tả vầng trăng trong thế giới của những người trên mây là "vầng trăng bạc" (the silver moon). [3b] Sự kết hợp giữa danh từ *vầng trăng* với từ vừa chỉ chất liệu bạc, vừa chỉ màu sắc ánh bạc đã tạo nên một hình ảnh ẩn dụ có tác dụng mĩ lệ hoá vẻ đẹp của vầng trăng: sáng lấp lánh như một chiếc đĩa làm bằng bạc. Bằng những hình ảnh ẩn dụ, nhà thơ đã dẫn người đọc bước vào một không gian thiên nhiên rực rỡ sắc màu, lấp lánh ánh sáng, từ đó khơi dậy tình yêu thiên nhiên tươi đẹp và sự trân trọng mỗi khoảnh khắc quý giá của cuộc sống. [2b]

Trong đoạn thơ: *Nhưng con biết trò chơi khác hay hơn./ Con là sóng và mẹ sẽ là bến bờ kì lạ,/ Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ./ Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào*, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ: [1b] lặp từ *con* và *lăn* (roll on, roll on and roll on). [3c] Điệp từ *con* vừa khẳng định vai trò chủ thể của em bé, vừa gợi cảm giác về sự hiếu động, linh lợi, nhanh nhẹn của em trong những trò chơi. Điệp từ *lăn* gợi hình ảnh em bé vô tư hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con. Em sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác giống như những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỗ vào bờ cát. Những hình ảnh gợi lên cảnh gia đình đầm ấm hạnh phúc, tình mẹ con sâu nặng, khơi dậy trong lòng người đọc cảm xúc êm đềm và bình yên. [2c]

Nhân vật trữ tình trong bài thơ là một em bé rất đáng yêu với trái tim tràn đầy yêu thương, trí tưởng tượng phong phú và giàu óc sáng tạo. [1c] Khi nghe những người trên mây và trong sóng kể và tả về xứ sở tuyệt đẹp và cuộc sống vui vẻ của họ, em thốt ra những câu hỏi: *Nhưng tôi làm sao mà đến đó được?, Nhưng làm cách nào mà tôi đến đó được?* [3d] Những câu hỏi này thể hiện niềm yêu thích được vui chơi, tình yêu thiên nhiên, khát vọng được đặt chân đến những thế giới xa xôi, huyền bí để khám phá. Tuy nhiên, cuối cùng, em đã từ chối lời mời của những người trên mây và trong sóng vì nhớ ra: [2d] *Buổi chiều, mẹ tôi luôn muốn tôi trở về với mẹ*. [3d] Em hiểu rằng, mẹ rất yêu thương em, luôn mong muốn em ở bên mẹ, để mẹ âu yếm, che chở, chăm sóc. Và em cũng muốn được ở bên mẹ, được mẹ yêu thương và mang lại niềm vui cho mẹ. Lời của em đã nói hộ tấm lòng của mỗi chúng ta đối với mẹ của mình: *Đi đâu mà bỏ mẹ già/ Gối nghiêng ai sửa, kỉ trà ai dâng?* (ca dao); *Mẹ già ở chốn lều tranh/ Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con* (ca dao). [4]

[...]

(Nguyễn Thị Mai Liên, trích từ *Đọc bài thơ Mây và sóng của Tagore theo đặc trưng thể loại*, in trong Tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 9 (482 + 483), 2021)

[2a], [2b], [2c]: Nêu ý kiến nhận xét.

[3a] [3b], [3c], [3c], [3d], [3đ]: Dẫn bằng chứng từ văn bản để làm sáng tỏ nhận định.

[4]: Liên hệ, mở rộng.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Ngữ liệu trên là một bài viết hoàn chỉnh hay trích đoạn? Dựa vào đâu để nhận định như vậy?
2. Xác định luận điểm được nêu trong ngữ liệu.
3. Luận điểm đó được làm sáng tỏ bằng những lí lẽ, bằng chứng nào?
4. Nêu tác dụng của câu cuối trong ngữ liệu.

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một tác phẩm thơ hoặc văn xuôi trữ tình.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

• Với đề bài này bạn sẽ chọn phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một bài thơ trữ tình hay một tác phẩm văn xuôi trữ tình (tuỳ bút, tản văn,...)?

Bạn có thể chọn một tác phẩm đã học ở bậc trung học cơ sở như:

Thơ: *Đợi mẹ* (Vũ Quần Phương), *Sang thu* (Hữu Thỉnh), *Bếp lửa* (Bằng Việt),...

Văn xuôi trữ tình: *Cốm Vòng* (Vũ Bằng), *Mùa phơi sân trước* (Nguyễn Ngọc Tư),...

• Phạm vi yêu cầu của đề bài như thế nào?

Lưu ý: đề bài không yêu cầu phân tích, đánh giá mọi mặt của tác phẩm văn học mà chỉ giới hạn ở một số nét đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của tác phẩm.

Xác định mục đích viết và người đọc

• Bạn viết bài này nhằm mục đích gì?

• Người đọc của bạn có thể là ai?

Thu thập tư liệu

Để viết được bài văn đáp ứng yêu cầu của đề bài, hãy tìm đọc các bài viết, ý kiến liên quan đến tác phẩm đã chọn và tự hỏi:

• Sẽ chọn tác phẩm văn học nào để viết?

• Tìm tác phẩm đó ở đâu?

• Có những tác phẩm nào cùng đề tài với tác phẩm đã chọn?

Bạn có thể tìm và chọn một tác phẩm đã học trong sách giáo khoa hoặc một tác phẩm bất kì mà bạn yêu thích và muốn phân tích, đánh giá về tác phẩm đó.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

• Đọc kĩ tác phẩm văn học đã chọn để hiểu được chủ đề tác phẩm.

• Tuỳ thể loại cụ thể của tác phẩm trữ tình mà nêu và trả lời các câu hỏi tìm ý. Chẳng hạn:

– Khi tìm ý cho việc phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm trữ tình, cần trả lời các câu hỏi: *Trong tác phẩm, cách sử dụng các yếu tố hình thức nào sau đây có thể xem là đặc sắc: chủ thể trữ tình, cách gieo vần, ngắt nhịp, ngắt dòng, chia đoạn, từ ngữ, hình ảnh,...? Cách sử dụng các yếu tố đó có tác dụng thế nào trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?,...*

– Khi tìm ý cho việc phân tích, đánh giá chủ đề của tác phẩm trữ tình, cần trả lời các câu hỏi: *Chủ đề của tác phẩm này là gì? Chủ đề đó có gì sâu sắc, mới mẻ? Chủ đề đó bao gồm các khía cạnh nào?,...*

• Đọc một vài tác phẩm cùng đề tài để hiểu tác phẩm đã chọn có những nét đặc sắc gì về chủ đề, các biện pháp nghệ thuật và ghi lại thông tin (tham khảo bảng sau):

TT	Tên tác phẩm	Chủ đề	Các biện pháp nghệ thuật tiêu biểu
...	Tác phẩm A	...	...
...	Tác phẩm B	...	...
...	...	...	...

• Chọn những nét đặc sắc nhất của tác phẩm và liệt kê các ý bằng một vài cụm từ.

Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý. Phần thân bài cần:

• Lần lượt chi tiết hoá từng luận điểm.

Thân bài gồm ít nhất hai luận điểm. Một luận điểm phân tích, đánh giá về chủ đề. Một luận điểm phân tích, đánh giá: nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng của chúng (gắn với đặc trưng thể loại) trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm. Ví dụ: dàn ý cho bài nghị luận về bài thơ *Bếp lửa* (Bằng Việt) có thể được sắp xếp như sau:

Luận điểm thứ nhất: Những nét đặc sắc trong hình thức nghệ thuật trữ tình của bài thơ *Bếp lửa*.

– Nét đặc sắc thứ nhất: sáng tạo hình ảnh bếp lửa (lí lẽ và bằng chứng).

– Nét đặc sắc thứ hai: chuyển hoá hình ảnh bếp lửa từ nghĩa đen sang nghĩa bóng (lí lẽ và bằng chứng).

– Nét đặc sắc thứ ba: giọng điệu trữ tình (lí lẽ và bằng chứng).

Luận điểm thứ hai: Chủ đề tình bà cháu đã được khơi sâu và làm mới trong *Bếp lửa*.

– Xác định chủ đề của tác phẩm: tình bà cháu.

– Phân tích đánh giá: chủ đề tuy quen thuộc nhưng vẫn sâu sắc, mới mẻ, nhờ các sáng tạo nghệ thuật của tác giả (lí lẽ và bằng chứng).

• Nêu rõ ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết về những nét đặc sắc của tác phẩm.

• Làm sáng tỏ các ý kiến nhận xét, đánh giá về chủ đề và nghệ thuật bằng việc trích dẫn các hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

Bước 3: Viết bài

Khi đã có một dàn ý tốt, bạn có thể lần lượt viết mở bài, các đoạn thân bài và kết bài.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Đọc lại bài viết và chỉnh sửa theo những gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu tác phẩm trữ tình (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...).		
	Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.		
Thân bài	Xác định chủ đề của tác phẩm trữ tình.		
	Phân tích, đánh giá chủ đề của tác phẩm.		
	Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (phù hợp với đặc trưng của thơ trữ tình hoặc văn xuôi trữ tình).		
	Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.		
	Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về tác phẩm.		
	Có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		

Chân trời sáng tạo

Kết bài	Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của tác phẩm.		
	Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức tác phẩm.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Sắp xếp luận điểm, lí lẽ và bằng chứng hợp lí.		
	Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ.		

Dựa vào kết quả kiểm tra, bạn hãy điều chỉnh, bổ sung những điểm chưa đạt của bài viết.



NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói

• Đề tài: giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học mà bạn đã đọc và yêu thích (có thể giới thiệu về tác phẩm đã chọn trong bài viết).

• Mục đích nói: giúp người nghe hiểu được nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học đồng thời hiểu được ý kiến đánh giá của người nói về tác phẩm.

• Đối tượng người nghe có thể là bạn học cùng lớp, giáo viên.

• Địa điểm giới thiệu, trao đổi có thể là trong lớp học hoặc trong một hội trường.

Việc xác định những vấn đề trên giúp bạn chuẩn bị nội dung bài giới thiệu tốt hơn.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

• Chọn một tác phẩm văn học mà bạn yêu thích và mong muốn giới thiệu, chia sẻ với người khác.

• Đọc kĩ tác phẩm để hiểu rõ nội dung và giá trị của tác phẩm đó.

• Ghi lại một số ý về:

– Tên sách/ tên tác phẩm/ tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

– Nội dung tác phẩm: Đối với một tác phẩm truyện, ghi chép một số ý sau: nhân vật, cốt truyện, chủ đề, thông điệp tác giả muốn gửi gắm. Đối với một bài thơ, cần ghi chép một số ý về nội dung chính của từng khổ/ đoạn thơ, chủ đề, thông điệp.

– Những biện pháp nghệ thuật đặc sắc, tác dụng của chúng.

– Nhận xét, đánh giá về tác phẩm.

Lập dàn ý

Dựa vào những ý đã tìm, bạn có thể phác thảo dàn ý giới thiệu một tác phẩm văn học theo những gợi ý dưới đây:

Phiếu giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học

Tên tác phẩm văn học: .....

Tên tác giả: .....

Đối với một tác phẩm truyện	Đối với một tác phẩm thơ
Bối cảnh xảy ra câu chuyện: ..... Các nhân vật: ..... Tóm tắt cốt truyện: mâu thuẫn, sự kiện gắn với nhân vật chính, cách giải quyết mâu thuẫn: ..... Nêu những điểm nổi bật về nghệ thuật (người kể chuyện, nhân vật, không gian, thời gian, ngôn ngữ,...) kết hợp với một số bằng chứng tiêu biểu trong tác phẩm để chứng minh:	Xác định mạch cảm xúc, chủ đề: .... Tóm tắt nội dung các khổ thơ, đoạn thơ: ..... Nêu những điểm nổi bật về nghệ thuật (hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, cách gieo vần,...) kết hợp với một số bằng chứng tiêu biểu trong tác phẩm để chứng minh: ....

Nêu chủ đề, thông điệp: .....

Nêu ý kiến nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật: .....

(Có thể sử dụng một số ý trong bài văn đã viết để đưa vào phiếu này).

Luyện tập

Dựa vào phiếu giới thiệu trên, bạn có thể luyện nói một mình hoặc với bạn bè.

Bước 2: Trình bày bài nói

Dựa vào phiếu giới thiệu, bảng kiểm (trang 25) và một số gợi ý sau để trình bày:

– Giới thiệu tên và nội dung tác phẩm:

Tác phẩm mà tôi muốn giới thiệu với các bạn có nhan đề..., được viết bởi nhà văn...; Câu chuyện xảy ra ở... ; Truyện gồm các sự kiện sau...; Các nhân vật trong câu chuyện này gồm...; Nhân vật chính là...

Tác phẩm mà tôi muốn giới thiệu với các bạn có nhan đề..., được viết bởi nhà thơ...; Bài thơ này gồm... khổ thơ/ đoạn thơ; Trong khổ thơ thứ nhất, tác giả thể hiện...; Ở khổ thơ thứ hai, tác giả viết về...; Cảm xúc chủ đạo xuyên suốt cả bài thơ là...

– Giới thiệu những điểm nổi bật về nghệ thuật, chủ đề và thông điệp của tác phẩm: *Biện pháp nghệ thuật nổi bật được tác giả sử dụng trong tác phẩm là...; Các biện pháp nghệ thuật đó góp phần thể hiện...; Chủ đề tác phẩm này là...; Tôi nhận thấy, qua tác phẩm này, tác giả muốn gửi gắm thông điệp về...*

– Nhận xét, đánh giá về tác phẩm: *Nét đặc sắc/ thành công nổi bật của tác phẩm này, theo tôi là...; Sức hấp dẫn của tác phẩm được tạo nên từ...*

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

- Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe.
- Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.

Đánh giá

Lần lượt đóng hai vai: người nói và người nghe. Dựa vào bảng kiểm dưới đây để tự kiểm soát bài nói của mình và góp ý cho bạn.

Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Giới thiệu tác phẩm văn học: tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả.		
	Nhận xét khái quát về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.		

Chân trời sáng tạo

Nội dung chính	Trình bày ý kiến đánh giá về nội dung của tác phẩm.		
	Trình bày ý kiến đánh giá về nghệ thuật của tác phẩm.		
	Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.		
	Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

NGHE VÀ NẮM BẮT Ý KIẾN, QUAN ĐIỂM CỦA NGƯỜI NÓI; NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ Ý KIẾN, QUAN ĐIỂM ĐÓ

Lớp bạn tổ chức buổi giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học. Làm thế nào để có thể nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người khác về một tác phẩm văn học, sau đó, có thể nêu nhận xét và đánh giá xác đáng? Trong phần bài học dưới đây bạn sẽ được học về những kĩ năng này.

Bước 1: Chuẩn bị nghe

Trước khi nghe ý kiến của người nói, bạn nên:

- Tìm hiểu về tác phẩm mà người nói sẽ trình bày.
- Liệt kê tất cả những gì bạn đã biết về tác phẩm và những gì cần trao đổi với người trình bày.

Chân trời sáng tạo

• Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.

• Tìm vị trí thích hợp để bạn có thể theo dõi và tương tác với người nói một cách tốt nhất.

Bước 2: Lắng nghe và ghi chép

Trong khi nghe người nói trình bày ý kiến, quan điểm của họ, bạn nên:

• Lắng nghe để nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói.

• Tương tác bằng ánh mắt với người nói, tập trung vào những nội dung quan trọng.

• Không vội nhận xét, kết luận,...

• Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói:

– Các kiểu câu như: *Ý kiến/ quan điểm của tôi là...; Tôi nghĩ...; Theo tôi...; Tôi cho rằng...*

– Những ý kiến được trình bày ở phần mở đầu và kết thúc.

– Những ý mà người nói nhấn mạnh, nói chậm hoặc kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ.

• Tổ chức, sắp xếp các thông tin thu nhận được trong khi nghe để tìm hiểu ý nghĩa của thông tin bằng cách: tìm mối quan hệ giữa các ý; dự đoán ý tiếp theo; đánh dấu ý kiến quan trọng,...

• Suy ngẫm về giá trị của những ý kiến, quan điểm của người nói.

Kết hợp nghe và ghi chép:

• Ghi chép thông tin chính dưới dạng từ, cụm từ, viết tắt hoặc dàn ý, sơ đồ, bảng biểu (tham khảo mẫu dưới đây):

TÊN BÀI TRÌNH BÀY

Các thông tin chính	Nội dung ghi chép
Ghi chép thông tin chính dưới dạng: – Từ khoá. – Ý chính. – Câu hỏi quan trọng liên quan đến nội dung trình bày.	Ghi chép, diễn giải, nội dung của thông tin chính theo cách: – Trả lời những câu hỏi như: ... *là gì?... như thế nào?... làm sao?...* – Tóm tắt thông tin được trình bày trên bảng hoặc màn chiếu. – Sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh,...

• Ghi những câu hỏi, ý kiến muốn trao đổi với người nói.

Chân trời sáng tạo

Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá

• Nhận xét, đánh giá về những điểm thú vị trong ý kiến, quan điểm của người nói.

• Khi trao đổi, bạn nên:

– Xác nhận lại ý kiến, quan điểm của người nói.

– Trình bày điểm tương đồng, thống nhất (nếu có) giữa ý kiến, quan điểm của bạn với người nói.

– Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất với ý kiến, quan điểm của người nói.

• Tránh ngắt lời; dùng giọng điệu nhẹ nhàng.

• Tôn trọng ý kiến, quan điểm của người nói, tránh công kích cá nhân.

Bảng kiểm kĩ năng nghe

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Liệt kê được những gì đã biết và muốn trao đổi khi nghe.		
	Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.		
Lắng nghe và ghi chép	Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khoá, sơ đồ.		
	Phân biệt thông tin quan trọng và thông tin chi tiết bằng các màu mực khác nhau, bằng cách gạch chân thông tin quan trọng.		
	Ghi lại câu hỏi về những điều chưa rõ trong khi nghe.		
Trao đổi, nhận xét, đánh giá	Xác nhận lại quan điểm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân.		
	Nhận xét, đánh giá về những điểm thú vị trong ý kiến, quan điểm của người nói.		
	Khẳng định sự đồng tình với ý kiến, quan điểm của người nói.		
	Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất ý kiến với người nói.		
	Nhận xét về cách trình bày bài nói.		
Thái độ và ngôn ngữ	Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá.		
	Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói.		

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP

1. Tóm tắt những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của hai văn bản đã đọc theo bảng dưới đây (làm vào vở):

Văn bản	Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật
Chiếc lá đầu tiên	
Tây Tiến	

2. Trong bốn văn bản đã đọc của bài học này, văn bản nào gợi cho bạn nhiều cảm xúc nhất? Vì sao?

3. Sau khi học xong bài học này, bạn thu nhận thêm được điều gì mới về những kĩ năng sau:

– Cách đọc một văn bản thơ.

– Cách sắp xếp trật tự từ trong câu.

– Cách viết một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

– Cách giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học.

– Cách nghe người khác trình bày ý kiến, quan điểm và trao đổi, nhận xét, đánh giá về các ý kiến đó.

4. Kỉ niệm có giá trị gì đối với cuộc sống của chúng ta?

Chân trời sáng tạo

BÀI 7

ANH HÙNG VÀ NGHỆ SĨ

(VĂN BẢN NGHỊ LUẬN – TÁC GIẢ NGUYỄN TRÃI)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.
- Xác định được ý nghĩa của văn bản. Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội từ văn bản.
- Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.
- Nhận biết được lỗi dùng từ (từ Hán Việt) và biết cách sửa các lỗi đó.
- Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội.
- Biết yêu lẽ phải, sự thật, biết ơn và quý trọng di sản văn hoá của dân tộc.

Chân trời sáng tạo

TRI THỨC NGỮ VĂN

NGUYỄN TRÃI (1380 – 1442)

1. Nguyễn Trãi, hiệu Úc Trai, là một tác gia ở thế kỉ XV với những tác phẩm văn học lớn, đặc biệt là văn nghị luận và thơ trữ tình. Ông cũng là một nhà chiến lược quân sự tài ba đã góp công lớn trong công cuộc kháng chiến chống giặc Minh của nghĩa quân Lam Sơn dưới sự lãnh đạo của Bình Định Vương Lê Lợi. Nguyễn Trãi đã có những đóng góp đặc sắc cho tư tưởng yêu nước thương dân truyền thống và nâng nó lên một tầm cao mới ở thời đại mình. Xem dân là gốc của nước nên suốt đời Nguyễn Trãi đeo đuổi lí tưởng nhân nghĩa "trừ bạo, yên dân". Nhân nghĩa trước hết hướng đến nhân dân Đại Việt đang chịu cảnh lầm than dưới ách áp bức của giặc Minh; mở rộng hơn, lí tưởng nhân nghĩa của ông còn hướng đến việc xây dựng cuộc sống thanh bình, yên vui cho nhân dân ở khắp mọi nơi. Năm 1980, UNESCO đã tổ chức kỉ niệm trọng thể năm sinh của ông, như một danh nhân văn hoá.



Hình: *Nguyễn Trãi*
(Nguồn: *Từ điển văn học bộ mới*, tr. 1313)

2. Nguyễn Trãi đã để lại một sự nghiệp văn chương phong phú, đa dạng.

Về văn, Nguyễn Trãi có các tác phẩm như: *Bình Ngô đại cáo* (bản tuyên bố trước toàn dân về công cuộc đánh dẹp giặc Minh thắng lợi), *Quân trung từ mệnh tập* (tập sách tập hợp các thư từ và mệnh lệnh trong quân đội), *Lam Sơn thực lục* (sách lịch sử ghi chép về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn), *Dư địa chí* (sách ghi chép về địa lí nước Việt), *Chí Linh sơn phú* (bài phú núi Chí Linh), *Vĩnh Lăng bi kí* (bài văn bia Vĩnh Lăng, ghi chép về sự nghiệp của Lê Thái Tổ), *Băng Hồ di sự lục* (sách ghi chép chuyện cũ về Băng Hồ tướng công – Trần Nguyên Đán), các *chiếu, biểu* (các bài chiếu soạn theo lệnh vua Lê Thái Tổ để dạy bảo thái tử, khuyên răn các quan, ban bố mệnh lệnh và bài *Biểu tạ ơn*).

Về thơ, sáng tác của ông có những đóng góp quan trọng cả về chữ Hán lẫn chữ Nôm. Trong đó, *Ức Trai thi tập* là tập thơ chữ Hán gồm 105 bài, *Quốc âm thi tập* là tập thơ chữ Nôm gồm 254 bài.

3. Thơ văn Nguyễn Trãi thể hiện một tấm lòng ưu ái sắt son, một tâm hồn phong phú, nồng hậu yêu thương đối với con người, vạn vật và một nhân cách thẳng ngay, cao thượng.

Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Trãi là "bài ca yêu nước và tự hào dân tộc" (Phạm Văn Đồng). Với tư cách người anh hùng – nhà chiến lược quân sự trong kháng chiến chống giặc Minh, Nguyễn Trãi đã để lại những áng văn nghị luận hùng hồn, sắc bén trong những bức thư dụ hàng tướng giặc như *Thư lại dụ Vương Thông*, *Thư gửi Phương Chính*,... (*Quân trung từ mệnh tập*), trong đó nổi bật là *Bình Ngô đại cáo* – tác phẩm được đời sau xem là "thiên cổ hùng văn".

Trong tư cách nhà thơ, Nguyễn Trãi đã để lại những bài thơ trữ tình tinh tế, thấm đẫm tình yêu thiên nhiên, tình yêu đất nước và tấm lòng luôn hướng về dân như: *Dục Thuý sơn*, *Bảo kính cảnh giới* – bài 43, *Thuật hứng* – bài 24,... Đặc biệt, ông có nhiều đóng góp quan trọng cho thơ quốc âm, là một trong những người tiên phong đặt nền móng cho thơ ca tiếng Việt phát triển và có những thành tựu rực rỡ ở những thế kỉ sau.

Văn nghị luận là loại văn bản chủ yếu sử dụng lí lẽ và bằng chứng nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một quan điểm, tư tưởng. Người viết nghị luận phải thể hiện được chính kiến, luận đề và các luận điểm nhất quán, lí lẽ và bằng chứng chặt chẽ, rõ ràng, thuyết phục, giúp người đọc, người nghe tán đồng, chia sẻ quan điểm, tư tưởng của mình. Sức mạnh của văn nghị luận là ở tính hệ thống của luận điểm, ở tính sắc bén, chặt chẽ của lập luận, ở bằng chứng xác thực, ở niềm tin vào chân lí, chính nghĩa; sự trung thực, chân thành trong tình cảm, cảm xúc của người viết, người nói.

Văn nghị luận trung đại mang các đặc điểm của văn nghị luận nói chung nhưng cũng có một số khác biệt đáng lưu ý: tính quy phạm về thể văn, ngôn ngữ và thường có tính chất tổng hợp "bất phân" giữa văn với sử, với triết, giữa văn hình tượng với văn luận lí...

Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong văn bản nghị luận

Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội là điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội liên quan đến văn bản, giúp cho việc hiểu văn bản được sâu sắc hơn. Với việc đọc hiểu văn bản nghị luận cũng vậy, cần tìm hiểu bối cảnh ra đời của tác phẩm để hiểu rõ mục đích viết, nội dung của văn bản.

Ví dụ khi đặt *Bình Ngô đại cáo* vào bối cảnh nhân dân ta chịu biết bao thống khổ dưới ách cai trị của giặc Minh ở đầu thế kỉ XV mới hiểu rõ ý chí "căm giặc nước thề không cùng sống", sự kiên trì "nếm mật nằm gai" của người lãnh tụ nghĩa quân cũng như sự hội tụ của lòng dân đã mang đến thắng lợi tất yếu cho đội quân chính nghĩa. Hay khi đặt *Thư lại dụ Vương Thông* vào bối cảnh giặc Minh đang liên tục bại trận, bị vây hãm, "kế cùng lực kiệt" mới thấy được sự xuất hiện hợp thời và hiệu quả tâm lí của bức thư với sự phân tích thời và thế cùng những nguyên nhân tất bại của quân giặc một cách sắc bén, có cơ sở, đủ chứng cứ thuyết phục.

Chân trời sáng tạo

Lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa

• *Dùng từ không đúng hình thức ngữ âm*

Ví dụ: *Ông ấy là một **đọc giả** khó tính.*

Cách sửa: Nên dùng từ *độc giả* hoặc từ ngữ thuần Việt *người đọc*.

• *Dùng từ không đúng nghĩa*

Ví dụ: *Tự ti là một trong những **yếu điểm** của anh ấy.*

Ở câu này, người viết dùng sai từ *yếu điểm* (điểm quan trọng).

Cách sửa: Thay từ *yếu điểm* bằng từ *nhược điểm* hoặc *điểm yếu*.

• *Dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp*

Ví dụ: *Những **văn nhân** và **người làm thơ** thời trung đại thường chuộng dùng điển cố.*

Ở câu này, việc kết hợp *văn nhân* (từ Hán Việt) và *người làm thơ* (cụm từ thuần Việt) không phù hợp.

Cách sửa: Nên dùng cả hai từ ngữ Hán Việt là *văn nhân* và *thi sĩ* hoặc cả hai từ ngữ thuần Việt là *người viết văn* và *người làm thơ*.

• *Dùng từ không phù hợp với phong cách*

Ví dụ: *Dạo này sức khoẻ thân mẫu bạn thế nào?*

Đây là câu hỏi giao tiếp thông thường giữa hai người bạn nên cần giản dị, gần gũi hơn là trang trọng, kiểu cách; do đó việc dùng từ Hán Việt là không cần thiết.

Cách sửa: Dùng từ thuần Việt *mẹ* thay cho từ Hán Việt *thân mẫu*.



ĐỌC

Chân trời sáng tạo

Trong lịch sử văn học nước ta, có những tác gia vừa là anh hùng vừa là nghệ sĩ. Là anh hùng, họ cống hiến quên mình cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, viết nên những trang sử đầy tự hào của dân tộc. Là nghệ sĩ, họ say mê sáng tạo cái đẹp điểm tô cho đời. Đó là những người mang cốt cách và tâm hồn Việt Nam, "Lưng đeo gươm, tay mềm mại bút hoa" (Huy Cận). Trong số các tác gia ấy, người hội tụ hài hoà và tuyệt đẹp hai phẩm chất nêu trên chính là Nguyễn Trãi. Văn chương ông, cả văn luận chiến lẫn thơ trữ tình, đều kết tinh sinh động tâm hồn, trí tuệ của ông, một anh hùng – nghệ sĩ. Với bài học này, qua việc đọc hiểu những áng văn nghị luận bất hủ và những vần thơ tuyệt tác của Nguyễn Trãi, bạn sẽ có dịp hiểu thêm về sự kết hợp hài hoà giữa phẩm chất nghệ sĩ và cốt cách anh hùng trong thơ văn ông.

VĂN BẢN 1

BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO

Nguyễn Trãi

Cáo là một thể văn chính luận cổ vừa có chức năng thông báo vừa có chức năng nghị luận về một vấn đề trọng đại liên quan đến đất nước, dân tộc. Cáo thường được viết theo thể văn biền ngẫu, tức văn xuôi có đối, đọc lên nghe nhịp nhàng, hài hoà, tạo mĩ cảm cao.

Bình Ngô*[1] *đại cáo là bản tuyên bố trước toàn thể nhân dân về công cuộc kháng chiến chống giặc Minh thắng lợi. Bài cáo được Nguyễn Trãi viết theo lệnh của Lê Lợi, trong đó thể hiện được tâm huyết, ý chí của người lãnh tụ nghĩa quân và cũng là của chính tác giả.

Trước khi đọc

Bạn biết những tác phẩm nào trong văn học Việt Nam gắn với các sự kiện trọng đại, thể hiện sâu sắc tình cảm yêu nước, tự hào dân tộc? Hãy kể tên tác phẩm và tác giả.

Đọc văn bản



Hình: *Trang đầu tiên của Bình Ngô đại cáo, nguyên bản chữ Hán, lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước*
(Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Bình_Ngô_đại_cáo)

[1] *Ngô*: Đất Ngô (Trung Hoa) là quê quán của Chu Nguyên Chương, người sáng lập triều đại nhà Minh. Khi khởi nghiệp đánh giặc Nguyên, Chu Nguyên Chương xưng là Ngô quốc công, sau đó xưng là Ngô Vương. "Bình Ngô", do đó, có hàm ý đánh đuổi tận gốc rễ họ Chu – Thái Tổ nhà Minh.

[1] Từng nghe:
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân;
Quân điếu phạt[1] trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước;
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia;
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập;
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau;
Song hào kiệt thời nào cũng có.
Vậy nên:
Lưu Cung[2] tham công nên thất bại;
Triệu Tiết[3] thích lớn phải tiêu vong.
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô;
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã[4].
Việc xưa xem xét;
Chứng có còn ghi. 1

Suy luận

1 Tác giả nêu ra quan niệm về nhân nghĩa ở đầu bài cáo nhằm mục đích gì?

[2] Vừa rồi:
Nhân họ Hồ chính sự phiền hà;
Để trong nước lòng dân oán hận.
Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây hoạ;
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn;
Vùi con đỏ[5] xuống dưới hầm tai vạ.
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế;
Gây binh kết oán trải hai mươi năm.
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời;
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng;
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu, nước độc.
Vét sản vật, bắt dò chim trả, chốn chốn lưới chăng;

[1] *Điếu phạt*: do câu "Điếu dân phạt tội" trong *Kinh Thư*, nghĩa là thương xót dân mà đánh dẹp kẻ có tội.
[2] *Lưu Cung*: vua Nam Hán, đã sai con là Hoằng Thao đem quân sang xâm lược nước ta, bị Ngô Quyền đánh bại.
[3] *Triệu Tiết*: tướng nhà Tống, vào đời Lý đã đem quân sang đánh nước ta, bị Lý Thường Kiệt đuổi chạy.
[4] *Toa Đô, Ô Mã (Ô Mã Nhi)*: hai tướng nhà Nguyên dẫn quân sang xâm lược nước ta đời nhà Trần.
[5] *Con đỏ*: dịch chữ "xích tử" trong *Kinh Thi*, chỉ người dân bé mọn, yếu ớt như đứa con mới sinh ra, cần phải được yêu thương, bảo vệ.

Nhiễu nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ;
Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán;
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa.
Nặng nề những nỗi phu phen;
Tan tác cả nghề canh cửi.
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội;
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.
Lẽ nào trời đất dung tha,
Ai bảo thần dân chịu được? 2

Theo dõi

2 Ở đoạn 2, tác giả cho thấy giặc Minh đã gây ra những tội ác gì trên đất nước ta?

[3a] Ta đây:
Núi Lam Sơn dấy nghĩa;
Chốn hoang dã nương mình.
Ngẫm thù lớn há đội trời chung;
Căm giặc nước thề không cùng sống.
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời;
Nếm mật nằm gai[1], há phải một hai sớm tối.
Quên ăn vì giận, sách lược thao[2] suy xét đã tinh;
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kĩ.
Những trằn trọc trong con mộng mị;
Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi[3].
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên;
Chính lúc quân thù đang mạnh.
Lại ngặt vì:
Tuấn kiệt như sao buổi sớm;
Nhân tài như lá mùa thu,
Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần;
Nơi duy ác[4] hiếm người bàn bạc.

---

[1] *Nếm mật nằm gai*: chỉ sự nếm trải đau khổ để rèn luyện ý chí. Câu này lấy từ điển tích Việt Vương Câu Tiễn thất trận bị Ngô Vương Phù Sai cầm tù nếm trải nhiều khổ nhục, khi được về nước đã hằng ngày nằm gai nếm mật để quyết chí báo thù, rửa nhục.

[2] *Lược thao*: do chữ "tam lược" (tên bộ sách về mưu kế đánh giặc do Hoàng Thạch Công viết) và "lục thao" (tên bộ sách về binh pháp do Thái Công Vọng viết).

[3] *Đồ hồi*: trở về khôi phục cơ đồ sự nghiệp.

[4] *Nơi duy ác*: *duy*: cái màn che, *ác*: tấm màn lớn che cửa; đây chỉ nơi bàn việc quân, nơi ở của tướng chỉ huy.

Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muốn tiến về đông[1];
Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chắm còn dành phía tả[2].
Thế mà:
Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn bể khơi;
Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.
Phần vì giận quân thù ngang dọc;
Phần vì lo vận nước khó khăn.
Khi Linh Sơn[3] lương hết mấy tuần;
Lúc Khôi Huyện[4] quân không một đội.
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn;
Ta gắng chí khắc phục gian nan.
Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới;
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào[5].
Thế trận xuất kì, lấy yếu chống mạnh;
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều. 3

[3b] Trọn hay:
Đem đại nghĩa để thắng hung tàn;
Lấy chí nhân để thay cường bạo.
Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật;
Miền Trà Lân[6] trúc chẻ tro bay.
Sĩ khí đã hăng;
Quân thanh[7] càng mạnh.
Trần Trí, Sơn Thọ[8] nghe hơi mà mất vía;
Lý An, Phương Chính[9], nín thở cầu thoát thân.
Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh[10] quân ta chiếm lại;
Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô[11] đất cũ thu về.

Dự đoán

3 Dựa vào những hình ảnh ở cuối đoạn 3a ("Nhân dân... lấy ít địch nhiều"), bạn hãy dự đoán về diễn biến tiếp theo của cuộc khởi nghĩa.

---

[1] *Tiến về đông*: cụm từ lấy từ Hán Thư, trong câu nói của Lưu Bang khi bị Hạng Vũ đẩy vào đất Tây Thục: "Dư diệc dục đông nhĩ, an năng uất uất cửu cư thử hồ?" (Ta cũng muốn trở về Đông, sao chịu bó buộc mãi ở chốn này?).

[2] *Dành phía tả*: cụm từ lấy từ điển cố thời Xuân Thu. Tín Lăng Quân nước Ngụy nghe tiếng Hầu Doanh là bậc hiền tài đem xe tới đón, mình ngồi bên hữu (bên phải) để trống bên tả (bên trái) dành cho Hầu Doanh, với ý tôn trọng. Đây ý nói mong mời đón được người hiền tài cùng tham gia chống giặc.

[3] *Linh Sơn*: hay Chí Linh Sơn, tức dãy núi Pù Rinh, nằm ở ranh giới hai huyện Lang Chánh và Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá hiện nay.

[4] *Khôi Huyện*: nay là xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá.

[5] Ý cả câu: lấy từ điển tích xưa có viên tướng giỏi được tặng một bình rượu, bèn đổ xuống dòng sông để ba quân cùng múc uống, tỏ ý tướng sĩ một lòng, đồng cam cộng khổ.

[6] *Bồ Đằng*: tên một ngọn núi ở Quỳ Châu (Nghệ An); *Trà Lân*: còn gọi là Trà Long, một địa điểm thuộc huyện Con Cuông (Nghệ An).

[7] *Sĩ khí*: khí thế của binh sĩ; *quân thanh*: tiếng tăm của quân đội.

[8] *Trần Trí, Sơn Thọ*: các tướng giặc Minh chiếm giữ thành Nghệ An.

[9] *Lý An, Phương Chính*: tướng giặc Minh chiếm giữ thành Đông Quan.

[10] *Tây Kinh*: tức thành Tây Nhai (Thanh Hoá) do nhà Hồ xây dựng.

[11] *Đông Đô*: tức thành Đông Quan (Thăng Long – Hà Nội).

Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm;
Tốt Động[1] thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
Phúc tâm quân giặc: Trần Hiệp đã phải bêu đầu;
Mọt gian kẻ thù: Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
Vương Thông gỡ thế nguy mà đám lửa cháy lại càng cháy;
Mã Anh[2] cứu trận đánh mà quân ta hăng lại càng hăng.
Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt;
Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công[3].
Tưởng chúng biết lẽ ăn năn nên đã thay lòng đổi dạ;
Ngờ đâu vẫn đương mưu tính lại còn chuốc tội gây oan.
Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác;
Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.
Bởi thế:
Thằng nhãi con Tuyên Đức[4] động binh không ngừng;
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng[5] đem dầu chữa cháy.
Đinh Mùi tháng Chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn kéo lại;
Năm ấy tháng ấy, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.
Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong;
Ta sau lại sai tướng chẹn đường, tuyệt nguồn lương thực.
Ngày mười tám, trận Chi Lăng[6], Liễu Thăng thất thế;
Ngày hai mươi, trận Mã Yên[7], Liễu Thăng cụt đầu.
Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong;
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn.
Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá;
Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau.
Lại thêm quân bốn mặt vây thành;
Hẹn đến giữa tháng Mười diệt giặc.
Sĩ tốt kén người hùng hổ;
Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh.
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn;

---

[1] *Ninh Kiều, Tốt Động*: tên các xã thuộc huyện Chương Mỹ (nay thuộc Hà Nội).
[2] *Trần Hiệp, Lý Lượng, Vương Thông, Mã Anh*: các tướng trong đội viện binh của giặc Minh do Vương Thông chỉ huy kéo sang cứu nguy cho bọn Phương Chính ở thành Đông Quan.
[3] *Mưu phạt tâm công*: đánh bằng mưu trí và đánh bằng tâm lí.
[4] *Tuyên Đức*: niên hiệu vua Tuyên Tông nhà Minh.
[5] *Thạnh, Thăng*: Mộc Thạnh và Liễu Thăng, hai tướng giặc Minh dẫn quân sang cứu viện lần thứ hai.
[6] *Chi Lăng*: địa điểm thuộc Lạng Sơn, nơi Liễu Thăng thua to.
[7] *Mã Yên*: tên núi thuộc xã Mai Sơn, Lạng Sơn, nơi Liễu Thăng bị chém đầu.

Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kình ngạc;
Đánh hai trận, tan tác chim muông.
Nổi gió to trút sạch lá khô;
Thông tổ kiến phá toang đê vỡ.
Đô đốc Thôi Tụ lê gối dâng tờ tạ tội;
Thượng thư Hoàng Phúc trói tay để tự xin hàng.
Lạng Giang, Lạng Sơn, thây chất đầy đường;
Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước.
Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi!
Thảm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ!
Bị ta chẹn ở Lê Hoa[1], quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật;
Nghe Thăng thua ở Cần Trạm[2], quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.
Suối Lãnh Câu, máu chảy trôi chày, nước sông nghẹn ngào tiếng khóc;
Thành Đan Xá[3], thây chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.
Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp;
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng.
Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng;
Thần Vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh.
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc;
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run.
Họ đã tham sống sợ chết mà hoà hiếu thực lòng;
Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.
Chẳng những mưu kế kì diệu;
Cũng là chưa thấy xưa nay. 4
[4] Xã tắc từ đây vững bền;
Giang sơn từ đây đổi mới.
Càn khôn tắc rồi lại suốt[4];
Nhật nguyệt tối rồi lại quang[5].

Tưởng tượng

4 Bạn hình dung như thế nào về khí thế chiến thắng của nghĩa quân trong đoạn 3b?

---

[1] *Lê Hoa*: tên ải, nơi giáp giới giữa Lào Cai và Vân Nam (Trung Quốc).
[2] *Cần Trạm*: địa điểm thuộc vùng Kép, Hà Bắc, nay thuộc tỉnh Bắc Giang.
[3] *Lãnh Câu, Đan Xá*: hai địa điểm ở gần ải Lê Hoa.
[4] Ý cả câu: trời đất qua cơn khốn khó đến lúc thông suốt, thuận lợi.
[5] Ý cả câu: mặt trời, mặt trăng hết lúc mờ tối đến lúc sáng rỡ.

Muôn thuở nền thái bình vững chắc;
Ngàn thu vết nhục nhã sạch làu.
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông linh thiêng ngầm giúp đỡ mới được như vậy.
Than ôi!
Một cỗ nhung y[1] chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm;
Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn.
Xa gần bá cáo;
Ai nấy đều hay. 5

Suy luận

5 So với các đoạn trên, giọng nghị luận ở đoạn này có gì khác biệt?

(Theo bản dịch của Bùi Kỷ, in trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X – XVII*, Đinh Gia Khánh (Chủ biên), NXB Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 363 – 369)

Sau khi đọc

1. Xác định hoàn cảnh ra đời, mục đích viết của bài cáo. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết *Bình Ngô đại cáo* là một văn bản nghị luận?
2. Có người nhận định rằng: *Bình Ngô đại cáo* là một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc và tính chất tuyên ngôn ấy thể hiện rõ ngay trong phần mở đầu của bài cáo. Cho biết ý kiến của bạn về nhận định trên.
3. Chứng minh "nhân nghĩa" trong câu mở đầu: *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân; Quân điếu phạt trước lo trừ bạo* là một tư tưởng quan trọng xuyên suốt cả bài cáo. Lời mở đầu này cùng với những câu văn tiếp theo ở phần 1 có quan hệ nối kết như thế nào với các phần 2, 3a, 3b, 4 trong bài cáo?
4. Dựa vào bố cục của văn bản, hãy tóm tắt các luận điểm chính trong bài cáo và nhận xét về cách tổ chức, sắp xếp hệ thống luận điểm của tác giả. (Có thể dùng lời, bảng biểu hay sơ đồ tư duy).
5. Phân tích cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả trong phần 1 hoặc phần 2 của bài cáo.
6. Phân tích sự kết hợp giữa yếu tố tự sự (lược thuật về sự việc) với nghị luận trong phần 3a (hoặc phần 3b) của bài cáo.
7. Cách sử dụng từ ngữ, các thủ pháp nghệ thuật (liệt kê, đối, ẩn dụ, thậm xưng,...) trong việc xây dựng hình ảnh, tạo nhịp điệu ở bài cáo có tác dụng biểu cảm như thế nào?
8. Nhận xét về sự thay đổi giọng điệu nghị luận của bài cáo qua từng đoạn. Theo bạn, việc xem *Bình Ngô đại cáo* là một "thiên cổ hùng văn" có thích đáng không? Vì sao?

[1] *Nhung y*: trang phục tướng lĩnh ngày xưa mặc khi ra trận.

VĂN BẢN 2

THƯ LẠI DỤ VƯƠNG THÔNG (TÁI DỤ VƯƠNG THÔNG THƯ)

(Trích *Quân trung từ mệnh tập*)

Nguyễn Trãi

Quân trung từ mệnh tập là một tập hợp các thư từ và mệnh lệnh trong quân đội do Nguyễn Trãi biên soạn trong giai đoạn kháng chiến chống Minh (1418 – 1427) theo lệnh của Bình Định Vương Lê Lợi. Phần chính trong tác phẩm là những bức thư gửi các tướng giặc Minh. Đây là những áng văn luận chiến sắc sảo, đanh thép với lập luận chặt chẽ, phân tích sáng rõ, lời lẽ khi cứng rắn, lúc mềm dẻo linh hoạt, nhằm dụ hàng quân giặc, tránh tổn thất nặng nề cho cả đôi bên.

Thư lại dụ Vương Thông[1] là bức thư số 35 trong *Quân trung từ mệnh tập*, được Nguyễn Trãi viết vào khoảng tháng 2 năm Đinh Mùi (1427) nhằm phân tích tình hình khó khăn của nhà Minh và vạch rõ nguy cơ bại vong của quân giặc nếu vẫn ngoan cố giữ thành chờ viện binh.

Trước khi đọc

Bài thơ *Bảo kính cảnh giới* – bài 56 của Nguyễn Trãi có câu: "Đao bút phải dùng tài đã vẹn". Hình ảnh "đao bút" đã nói lên quan niệm gì về vai trò của nhà văn và văn chương trong hoàn cảnh đất nước có ngoại xâm?

Đọc văn bản

Kính cẩn gửi thư tới trước cửa quân của quan Tổng binh cùng các vị đại nhân.

Kể ra người dùng binh giỏi là ở chỗ biết rõ thời thế mà thôi. Được thời có thế thì mất biến thành còn, nhỏ hoá ra lớn; mất thời thất thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại chuyển nguy. Sự thay đổi ấy chỉ trong khoảnh khắc trở bàn tay mà thôi. Nay các ông không hiểu rõ thời thế, lại trang sức bằng lời dối trá, thế chẳng phải là bọn thất phu hèn kém ư? Sao đáng để cùng bàn việc binh được? ❶

Theo dõi

❶ Những từ nào được nhắc lại nhiều lần trong đoạn này? Điều đó có ý nghĩa gì?

Trước đây bề ngoài thì giả cách giảng hoà, bên trong ngầm mưu gian trá, cứ đào hào đắp luỹ, ngồi đợi viện binh, tâm tích không minh bạch, trong ngoài lại khác nhau, sao có thể khiến tôi tin tưởng mà không nghi ngờ cho được. Cổ nhân có nói: "Bụng dạ người khác ta lường đoán biết", nghĩa là thế đó. Xưa kia, Tần thôn tính sáu nước, chế ngự bốn phương, mà đức chính không sửa, nên thân mất nước tan.

[1] *Vương Thông*: Tổng binh Vương Thông, tướng giặc Minh, do vua nhà Minh sai dẫn 5 vạn quân sang cứu viện cho quân giặc trong thành Đông Quan. *Dụ*: khuyên bảo, thuyết phục. *Thư lại dụ Vương Thông*: thư thuyết phục Vương Thông một lần nữa.

Nay Ngô mạnh không bằng Tần, mà hà khắc lại quá, không đầy mấy năm nối nhau mà chết, ấy là mệnh trời, không phải sức người vậy. Huống nay phương bắc có giặc Đại Nguyên, phía nam lo nội loạn các xứ Tầm Châu, một vùng Giang Tả còn không tự giữ xong, huống lại mưu đồ sang nước khác ư? Các ông không hiểu sự thế, bị người đánh thua, lại còn chực mượn cái oai Trương Phụ[1], thế là đấng đại trượng phu chăng? (...) Sự thế ngày nay, cho dẫu ngôi cao[2] có đem quân cả nước sang chăng nữa, cũng chỉ thúc nhanh sự bại vong mà thôi, huống là Trương Phụ chỉ tự đến nộp mạng thì đâu có gì đáng nói! Xưa Hán Chiêu Liệt[3], chỉ là chi nhánh đời xa của họ Lưu, mà Khổng Minh làm cho đại nghiệp phục hưng được, huống hồ con cháu vua Trần, mệnh trời đã cho, lòng người đã theo, thì Ngô làm sao có thể cướp được! Vả kẻ hào kiệt ngày xưa, chưa gặp thời thì ẩn, thấy thời cơ thì trỗi dậy. Cho nên Y Doãn[4] là người cày ruộng ở đồng Sằn, Thái Công là kẻ câu cá ở sông Vị, rồi sau một người thì làm vương tá, một người thì làm đế sư, đấy là người cao quý chăng? Là người bần tiện chăng? Còn như Mộ Dung nước Yên, Thạch Lặc nước Triệu, đó là người Trung Quốc chăng? Hay là người man rợ chăng? Ngẫm kĩ lời các ông nói, thật là lời nói của tiểu nhân man rợ chứ không phải là lời nói của người Trung Quốc vậy. 2

Suy luận

2 Tác giả nhắc đến những chuyện xưa nhằm mục đích gì?

Nay sức hết kế cùng, quân sĩ nhọc mệt, trong thiếu lương thực, ngoài không viện binh, bám hờ cụm đất nhỏ nhoi, nghỉ tạm cái thành trơ trọi, há chẳng phải như thịt trên thớt, cá trong nồi sao? Thế mà lại còn muốn lừa dối dân nước tôi, dụ dỗ những điều phi nghĩa. Họ là những kẻ trung thần nghĩa sĩ, ngay cả khi thời cùng vận khốn, nếm mật nằm gai, cũng còn chẳng chịu mưu đồ kia khác, lẽ nào ngày nay lại đi tin nghe những lời bất nghĩa của bọn các ông hay sao? Chỉ e người Nam trong thành nhớ mến chủ cũ, cũng như người Ngô ở đây không kham nổi khốn khổ, họ sẽ cùng hùa hại lại các ông rồi dẫn nhau ra hàng, giống như Trương Phi, Lã Bố[5], lại bị chính bộ hạ giết hại, đó là lẽ tất nhiên thôi. Nay ở các thành, từ Đô ti trở xuống, đều căm giận bọn các ông đã lừa dối họ, ai cũng buông lời oán thán. Hoặc đã có người hiến kế hạ thành, lại có kẻ trèo luỹ trốn ra ngoài, chế tạo chiến cụ, sửa đóng xe thang. Bọn người đang bị khốn ấy lại sẽ giết lẫn nhau, hà tất phải đợi đến quân sĩ của tôi nữa. Nay tính hộ các ông thì có sáu điều phải thua. Nước lũ mùa hạ chảy tràn, cầu sàn, rào luỹ sụp lở, củi cỏ thiếu thốn, ngựa chết quân ốm. Đó là điều phải thua

---

[1] *Trương Phụ*: viên tướng nhà Minh mượn tiếng sang giúp nhà Trần diệt nhà Hồ để cướp nước ta.

[2] *Ngôi cao*: dịch chữ Hán "thượng vị", chỉ vua nhà Minh.

[3] *Hán Chiêu Liệt*: tức Lưu Bị, vốn là dòng dõi nhà Hán, được Khổng Minh (Gia Cát Lượng) giúp đánh lại Tào Tháo, lấy Kinh Châu, bình định Ích Châu, lập nên nước Thục, là một trong ba nước thời Tam Quốc.

[4] *Y Doãn*: công thần của nhà Thương. Trước ông cày ruộng ở Hữu Sằn, vua Thành Thang nghe tiếng ba lần đem lễ vật đến đón mời, ông mới ra giúp đánh bại vua Kiệt nhà Hạ, lập nên nhà Thương.

[5] *Trương Phi, Lã Bố*: hai dũng tướng thời Tam Quốc ở Trung Hoa, đều bị bộ hạ giết.

thứ nhất. Xưa Đường Thái Tông bắt Kiến Đức mà Thế Sung ra hàng[1]. Nay các con đường, cửa ải xa xôi hiểm trở đều bị binh lính và voi chiến của tôi đồn giữ, nếu viện binh có đến, thì cũng muôn phần tất phải thua; viện binh đã thua, bọn các ông tất bị bắt. Đó là điều phải thua thứ hai. Quân mạnh ngựa khoẻ nay đều đóng cả ở biên giới phía bắc để phòng bị quân Nguyên, không rỗi nhìn đến miền nam. Đó là điều phải thua thứ ba. Luôn luôn động binh đao, liên tiếp bày đánh dẹp, dân sống không yên, nhao nhao thất vọng. Đó là điều phải thua thứ tư. Gian thần chuyên chính, bạo chúa giữ ngôi, người cốt nhục hại nhau, chốn cung đình sinh biến[2]. Đó là điều phải thua thứ năm. Nay tôi dấy nghĩa binh, trên dưới cùng lòng, anh hùng hết sức, quân sĩ càng luyện, khí giới càng tinh, vừa cày ruộng lại vừa đánh giặc. Còn quân sĩ trong thành thì đều mỏi mệt, tự chuốc bại vong. Đó là điều phải thua thứ sáu. 3

Theo dõi

3 Chỉ ra các nguyên nhân tác giả cho rằng quân giặc tất yếu phải thua.

Nay giữ cái thành cỏn con để chờ sáu điều tất bại, tôi lấy làm tiếc cho các ông lắm! Người xưa có câu: "Nước xa không cứu được lửa gần". Giá viện binh có đến, cũng chẳng ích gì cho sự bại vong. Trước Phương Chính, Mã Kỳ chuyên làm điều hà khắc bạo ngược, dân chúng lầm than, thiên hạ oán thán. Đào phần mộ ở làng ấp tôi, bắt vợ con của dân tôi, người sống bị hại, người chết ngậm oan. Nếu các ông biết xét kĩ sự thế, nhận rõ thời cơ, chém lấy đầu Phương Chính, Mã Kỳ đem nộp trước cửa quân, thì sẽ tránh cho người trong thành khỏi bị giết, hàn gắn vết thương trong nước, hoà hảo lại thông, can qua dứt hẳn. Như muốn kéo quân về nước, thì cầu đường sửa sang, thuyền ghe sắm đủ, thuỷ bộ hai đường, tuỳ theo ý muốn, đưa quân ra cõi, yên ổn muôn phần. Tôi sẽ giữ phận bề tôi, không thiếu chức cống. Nếu như không nghe theo như thế, thì nên chỉnh quân bày trận, giao chiến với tôi ở chốn đồng bằng, quyết một trận được thua, để xem khéo vụng, chứ không nên ở chúi trong xó hang cùng (...) mà mang cái nhục khăn yếm[3] như thế! 4

Suy luận

4 Giải pháp tác giả đưa ra hợp lí như thế nào cho cả đôi bên?

(Phan Duy Tiếp dịch, Nguyễn Văn Nguyên hiệu đính, in trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, quyển I, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, NXB Văn học, 1999, tr. 544 – 547)

---

[1] Thời nhà Đường, Lý Thế Dân (sau lên ngôi tức Đường Thái Tông) vây đánh Vương Thế Sung; Đậu Kiến Đức đem quân đến cứu Thế Sung. Lý Thế Dân bắt được Kiến Đức, vì vậy Thế Sung phải đầu hàng.

[2] Sau khi Minh Thái Tổ chết, cháu là Chu Doãn Văn lên nối ngôi (Huệ Tông) được 4 năm thì con của Thái Tổ là Yên Vương Chu Đệ đem quân đánh đuổi mà cướp ngôi, tức Thành Tổ. Đến đời Tuyên Tông (cháu của Thành Tổ), Hán Vương Chu Cao Hú (con của Thành Tổ) lại làm phản. Tuyên Tông đem quân đi đánh, bắt được Cao Hú, giết hết cả nhà.

[3] *Cái nhục khăn yếm*: khăn yếm là trang phục của phụ nữ. Cái nhục khăn yếm chỉ việc người nam nhi mạnh mẽ mà phải chịu xấu hổ khi cư xử nhút nhát, yếu đuối như phụ nữ.

Sau khi đọc

1. Cho biết mục đích và đối tượng của bức thư. Việc tác giả chọn cách nghị luận dưới hình thức một bức thư có tác dụng như thế nào?
2. Trong đoạn trích dưới đây, câu văn nào nêu luận điểm, câu văn nào nêu lí lẽ, bằng chứng?

Kể ra người dùng binh giỏi là ở chỗ biết rõ thời thế mà thôi. Được thời có thế thì mất biến thành còn, nhỏ hoá ra lớn; mất thời thất thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại chuyển nguy. Sự thay đổi ấy chỉ trong khoảnh khắc trở bàn tay mà thôi. Nay các ông không hiểu rõ thời thế, lại trang sức bằng lời dối trá, thế chẳng phải là bọn thất phu hèn kém ư? Sao đáng để cùng bàn việc binh được?

3. Ở phần 2, tác giả nhiều lần vạch rõ sự giả trá, gian dối của quân Minh và cho rằng như thế là trái với "mệnh trời". Hãy dẫn ra một số từ ngữ, câu văn cho thấy điều đó. Theo bạn, vì sao việc nói đến "mệnh trời" lại cần thiết trong bức thư này?
4. Khái quát những nguyên nhân thất bại tất yếu của quân Minh mà tác giả đã vạch rõ trong phần 3. Điều gì đã tạo nên tính chất đanh thép, quyết đoán trong phần này?
5. Trong phần 4, tác giả đã gợi ra cho Vương Thông những lựa chọn nào? Từ đó, bạn hiểu gì về cách ứng xử của Nguyễn Trãi, Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn?
6. Nêu những lưu ý trong cách đọc hiểu văn bản nghị luận mà bạn rút ra được sau khi đọc *Thư lại dụ Vương Thông* của Nguyễn Trãi. Nhận xét về nghệ thuật viết văn nghị luận của Nguyễn Trãi.

Chân trời sáng tạo

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

BẢO KÍNH CẢNH GIỚI – BÀI 43

Nguyễn Trãi

Bài thơ được trích trong *Quốc âm thi tập* (tập thơ Nôm gồm 254 bài) của Nguyễn Trãi. Chùm thơ *Bảo kính cảnh giới* (*Gương báu răn mình*) trong tập thơ trên có 61 bài, đây là bài thứ 43.

Bài thơ được viết theo thể Đường luật thất ngôn xen lục ngôn. Đây là thể thơ được Việt hoá, xuất hiện từ đời Trần và được phát triển phong phú với nhiều sáng tạo trong thơ Nôm Nguyễn Trãi.

Đọc văn bản

Rồi[1] hóng mát thuở ngày trường,
Hoè lục đùn đùn tán rợp giương.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tạn[2] mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ,
Dắng dỏi[3] cầm ve lầu tịch dương.
Lẽ có Ngu cầm[4] đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi[5] phương.

(In trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập III, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, NXB Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 1025)

Sau khi đọc

1. Nhận xét về cách quan sát và miêu tả bức tranh ngày hè của Nguyễn Trãi (chú ý cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, huy động các giác quan,...).
2. Chỉ ra nét đặc sắc của bài thơ qua một số yếu tố hình thức nghệ thuật như: cách gieo vần, số tiếng, cách ngắt nhịp trong các dòng thơ (chú ý dòng thơ đầu, dòng thơ cuối) và tác dụng của chúng trong việc thể hiện cảm xúc của chủ thể trữ tình.
3. Chỉ ra mạch cảm xúc của tác giả trong bài thơ. Từ đó nhận xét vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra lỗi dùng từ Hán Việt trong những câu sau đây. Phân tích những lỗi ấy và sửa lại cho đúng.
   a. *Song thân của thằng bé ấy đều làm công nhân ở xí nghiệp in.*
   b. *Ông ấy vừa giỏi về cơ khí lại vừa giỏi về kinh doanh, thật là tài hoa.*
   c. *Sáng mai, các bạn tập họp đúng giờ nhé.*
   d. *Đọc sách nơi không đủ ánh sáng dễ làm giảm sút thị giác.*
   đ. *Chú tôi thường lợi dụng những vật phế thải để tạo nên những món đồ trang trí xinh xắn.*

[1] *Rồi*: từ Nôm cổ, nghĩa là rỗi rãi.
[2] *Tạn*: từ Nôm cổ, nghĩa là hết.
[3] *Dắng dỏi*: inh ỏi.
[4] *Ngu cầm*: cây đàn của vua Ngu, tức vua Ngu Thuấn, một vị minh quân thời cổ đại Trung Quốc. Theo truyền thuyết, vua Ngu Thuấn có khúc hát *Nam phong*, trong đó có câu: "Nam phong chi thì hề, khả dĩ phụ ngô dân chi tài hề" (Gió nam thuận thì có thể làm cho dân ta thêm nhiều của). Cả câu ý nói: ước chi có được cây đàn vua Ngu Thuấn để đàn một khúc *Nam phong* khiến cho gió hoà mưa thuận, mùa màng sung túc, dân được no ấm.
[5] *Đòi*: từ Nôm cổ, nghĩa là nhiều.

Chân trời sáng tạo

e. *Nông nghiệp và nghề đánh cá nước ta phát triển mạnh ở quý III năm nay.*

ê. *Năm mới cháu chúc ông luôn được an khang và bách niên giai lão.*

g. *Hoa xuân đua nở tân trang cho đời thêm những sắc màu tươi thắm.*

h. *Cảnh vật nơi đây trông rất kiều diễm.*

2. Chọn từ Hán Việt ở cột B có ý nghĩa tương đương với từ ngữ hoặc cách nói ở cột A (làm vào vở):

A	B
1. non sông đất nước	a. phong vân
2. yêu thương người và chuộng lẽ phải	b. hiếu sinh
3. tự mình làm chủ, không phụ thuộc vào người khác	c. hào kiệt
4. người có tài năng, chí khí hơn người	d. kì diệu
5. chạy vạy nhọc nhằn để lo toan việc gì đó	đ. cầu hiền
6. mong tìm được người tài đức	e. bôn tẩu
7. gió mây	ê. giang sơn
8. yêu thương, trân trọng sự sống	g. nhân nghĩa
9. lạ và hay khác thường	h. duy tân
10. đổi mới	i. độc lập

3. Thay thế các câu sau đây bằng các câu có dùng từ Hán Việt sao cho tương đồng về ý nghĩa và trang nhã hơn:

a. *Ăn uống ở Việt Nam có rất nhiều thứ.*

b. *Tổng thống Pháp và vợ sẽ đến thăm chơi nước ta vào khoảng từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 11 năm nay.*

c. *Bẻ bông, giẫm lên cỏ trong vườn hoa chung, xả rác nơi ở chung là hành động cần phải dẹp bỏ.*

d. *Người đứng đầu các nước đều bày tỏ sự lo sợ trước tình hình làm ăn buôn bán đang có nhiều thay đổi rắc rối hiện nay.*

đ. *Tiền công viết báo của ông ấy rất cao.*

e. *Anh ấy bảo tôi thay anh ấy làm hết những giấy tờ này.*

ê. *Nền kinh tế nước ấy đã mạnh trở lại và từ chỗ đi sau dần trở thành đi trước.*

g. *Các nghĩa sĩ Cần Giuộc đã bạo dạn đánh vào đồn giặc Pháp, không sợ chết chóc.*

h. *Những điều ông ấy nói trong cuộc họp đã bị nhiều người chống lại.*

Chân trời sáng tạo

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nhận xét về tài năng văn chương của Nguyễn Trãi.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VÀ TÁC GIẢ

Văn bản đọc mở rộng 1

DỤC THUÝ SƠN

Nguyễn Trãi

Hải khẩu hữu tiên san,
Niên tiền lũ vãng hoàn.
Liên hoa phù thuỷ thượng,
Tiên cảnh truỵ nhân gian.
Tháp ảnh trâm thanh ngọc,
Ba quang kính thuý hoàn.
Hữu hoài Trương Thiếu bảo[1],
Bi khắc tiển hoa ban.

(In trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập I, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, NXB Văn học, Hà Nội, 1999, tr. 42)

Chân trời sáng tạo

Cửa biển có ngọn núi tiên,
Năm trước thường đi về.
Hoa sen nổi trên mặt nước,
Cảnh tiên sa xuống cõi trần.
Bóng tháp như cài chiếc trâm ngọc xanh,
Ánh sáng trên sóng soi gương búi tóc biếc,
Chạnh nhớ quan Thiếu bảo họ Trương,
Tấm bia khắc nay đã lốm đốm hoa rêu.

[1] *Trương Thiếu bảo*: Thiếu bảo là một chức quan ở đời Trần. Trương Thiếu bảo tức Trương Hán Siêu, một danh sĩ đời Trần, quê ở Ninh Bình, ông có bài thơ nổi tiếng về Dục Thuý sơn được khắc bên sườn núi.

Dịch thơ:

Cửa biển có non tiên
Từng qua lại mấy phen
Cảnh tiên rơi cõi tục
Mặt nước nổi hoa sen
Bóng tháp hình trâm ngọc
Gương sông ánh tóc huyền
Nhớ xưa Trương Thiếu bảo
Bia khắc dấu rêu hoen[1]

(In trong *Thơ văn Nguyễn Trãi*, Khương Hữu Dụng dịch, NXB Giáo dục, 1980)

Hướng dẫn đọc

1. Núi Dục Thuý được miêu tả với vẻ đẹp như thế nào? Chỉ ra cách miêu tả độc đáo của tác giả trong hai câu thực của bài thơ.
2. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong hai câu luận? Những hình ảnh "trâm thanh ngọc", "kính thuý hoàn" có tác dụng biểu cảm ra sao?
3. Chỉ ra mạch cảm xúc của tác giả trong bài thơ. Vì sao ở hai câu kết tác giả nhắc đến Trương Thiếu bảo? Điều này có ý nghĩa gì?
4. Hình ảnh nào trong bài thơ để lại trong bạn ấn tượng sâu sắc nhất?

Văn bản đọc mở rộng 2

NGUYỄN TRÃI – NHÀ NGOẠI GIAO, NHÀ HIỀN TRIẾT, NHÀ THƠ[2]

A-ma-đu Ma-ta Mơ Bâu[3]

Theo đề nghị của Uỷ ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam, Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) đã quyết định ghi tên Nguyễn Trãi vào danh sách những danh nhân thế giới được kỉ niệm trọng thể năm sinh, trong năm 1980. Việc tổ chức lần thứ 600 năm sinh của nhà thơ cổ điển này của Việt Nam chứng tỏ những cố gắng của UNESCO nhằm đưa vào di sản thế giới những đại biểu ưu tú nhất của mỗi nền văn hoá dân tộc. Thật vậy, thời đại chúng ta là thời đại đầu tiên trong lịch sử lấy toàn bộ những biểu tượng tinh thần hay vật chất, văn học hay nghệ thuật của thế giới làm một di sản không thể chia cắt của nhân loại.

---

[1] Bia nói ở đây là bài văn bia *Dục Thuý sơn Linh Tế tháp kí* do Trương Hán Siêu viết năm 1343 dưới đời Trần Dụ Tông, khắc ở tháp Linh Tế trên núi sau khi tháp được xây dựng lại (tháp đã có từ đời Lý nhưng qua thời gian đã bị hư hại).

[2] Nhan đề bài viết do nhóm biên soạn đặt.

[3] Amadou – Mahtar M' Bow, Tổng Giám đốc UNESCO giai đoạn 1974 – 1987.

Các nhà thơ của một đất nước thường là sứ giả của dân tộc họ. Họ càng xứng đáng với danh hiệu ấy khi, hàng thế kỉ sau lúc họ qua đời, những điều gửi gắm của họ, đêm đêm vẫn thức dậy trong tâm trí của những thế hệ nối tiếp. Đó chính là vai trò dành cho sự nghiệp của Nguyễn Trãi trong lịch sử Việt Nam. Tiếng nói của ông vẫn nguyên vẹn trong đó, một cách tuyệt diệu, tiếng nói "của một nhà yêu nước vĩ đại, da diết trong lòng Tổ quốc mình.".

Nhà thơ Việt Nam, đồng thời là một thành viên kiệt xuất của cộng đồng loài người ấy, để lại cho chúng ta bài học gì? Có nên phân biệt tách bạch ở ông nhà ngoại giao, nhà hiền triết và nhà thơ không?

Những người chuyên nghiên cứu tác phẩm của Nguyễn Trãi khẳng định rằng không thể tiến hành một sự cắt xén trong công trình của ông. Mỗi thành tố trong bộ óc sớm uyên thâm của ông gắn liền với những thành tố khác: nhà thơ không tách khỏi nhà ngoại giao; nhà triết học, khỏi nhà chính trị; nhà đạo đức học, khỏi nhà hành động. Cuộc đời và sự nghiệp của ông, hành vi và tư tưởng của ông cùng tiến triển và chín muồi cho tới lúc cùng hoàn mãn, theo những đòi hỏi của thế kỉ XV ở Việt Nam.

Nguyễn Trãi sống từ 1380 đến 1442. Vào thời kì này, Việt Nam đã là một quốc gia lâu đời với những tín ngưỡng, phong tục, thể chế, văn học và nghệ thuật biểu thị một cá tính dân tộc đặc thù. Sinh ra trong một gia đình nhà nho, Nguyễn Trãi đỗ tiến sĩ năm hai mươi tuổi. Lúc trẻ, ông đưa tài năng phục vụ triều đại nhà Hồ. Nhưng sau khi nhà Hồ thất bại, ông toàn tâm toàn ý gắn bó với triều đại của vua Lê Lợi.

Viết theo một văn phong cực kì giản dị, *Quân trung từ mệnh tập* biểu thị sáng chói cơ sở tư tưởng của Nguyễn Trãi. Đối với ông, "đạo làm tướng phải lấy nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm nền"[1]. Nguyễn Trãi đưa vào "binh thư" truyền thống một phạm vi đặc biệt, bộc lộ tầm rộng lớn của quan điểm nhân đạo của ông: đó là khái niệm "đánh vào lòng người". Theo ông, vây hãm thành trì cũng quan trọng như tấn công bằng tinh thần, khiến kẻ địch phải hổ thẹn về hành động chiến tranh của chúng và mở ra cho chúng một lối thoát để cứu vãn danh dự.

Cũng chính những tình cảm nhân nghĩa này đặc trưng cho quan niệm của Nguyễn Trãi về nhân dân. Từ buổi thiếu thời, dưới ảnh hưởng của thân sinh ông – Nguyễn Phi Khanh, một nhà nho lỗi lạc – Nguyễn Trãi đã tập hiểu biết và yêu mến nhân dân, không ngừng lo lắng nỗi niềm lo lắng của dân. Ông viết:

Lo trước bình sinh ôm một chí,

Thức chong ngồi lạnh chỉ ôm chiên[2].

Ông hết lòng nâng niu năng lực sáng tạo của nhân dân, mà ông thường ví như "sức nước chở được thuyền mà cũng có thể lật úp được thuyền"[3]. Bao giờ ông cũng nói tới nhân dân với một niềm ưu ái đặc biệt, trong văn xuôi, cũng như trong thơ ca.

---

[1] *Thư gửi Phương Chính – Nguyễn Trãi toàn tập*, NXB Khoa học Xã hội, 1976.

[2] *Hải khẩu dạ bạc hữu cảm* (Cảm xúc đêm đậu thuyền ở cửa biển) – *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd.

[3] *Chiếu về việc làm bài "Hậu tự huấn" để răn bảo Thái tử – Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd.

Ở Nguyễn Trãi, niềm ưu ái ấy – vốn là cái nguồn khích lệ cuộc đời chịu đựng thiếu thốn và hi sinh của ông – kết hợp với một quan điểm khoáng đạt về thiên nhiên, như hai câu thơ dưới đây bộc lộ:

Đêm vắng tựa không xem tạo biển,
Gió thu thừa hứng cưỡi kình bơi[1].

Ở Việt Nam, người ta thường xem bài *Đại cáo bình Ngô* là kiệt tác của Nguyễn Trãi. Đây là một tác phẩm sử thi lớn, trong đó ngày nay người Việt Nam vẫn còn tìm thấy một cách xúc động một trong những ngọn nguồn tươi mát nhất của cá tính dân tộc. Ngay từ những câu đầu tiên, Việt Nam được giới thiệu và ca ngợi với tất cả những gì tạo nên tính đặc thù của đất nước:

Xét như nước Đại Việt ta,
Thật là một nước văn hiến.
Bờ cõi non sông đã riêng,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Ngoài *Quân trung từ mệnh tập* nổi tiếng và *Dư địa chí* – một tiểu luận địa lí học xưa nhất của Việt Nam – ngoài thơ bằng tiếng Hán cổ, Nguyễn Trãi còn có một tập thơ 254 bài viết bằng tiếng Việt. Cùng với ý nghĩa trữ tình thực sự của những viên ngọc này, là giá trị to lớn của chúng trên các bình diện ngữ văn học, ngôn ngữ học và tu từ học [...].

Trong những ngày cuối cùng, sau khi làm tròn bổn phận, Nguyễn Trãi, nhà hiền triết hơn là nhà thơ, về ẩn ở Côn Sơn, mảnh đất thanh bình đã từng để lại dấu ấn cho quãng đời niên thiếu của ông. Đề tài chủ yếu trong thơ ông là vẻ đẹp của nơi ẩn dật, niềm vui bốn mùa trong cảnh trí xung quanh. [...] Ông tự ví mình như một chiếc thuyền con bị những sự nhiễu nhương trên vũ đài chính trị vùi dập:

Thuyền mọn còn chèo chăng khứng đỗ,
Trời ban tối ước về đâu[2].

Phía sau cái giọng ưu tư và thất vọng ấy, đó đây lại nổi lên niềm phấn chấn của một cá tính ít cam chịu nhẫn nhục:

Bui một tấc lòng ưu ái cũ,
Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông[3].

Con thuyền "ưu ái cũ" ấy, một sáng sớm, đã tan vỡ ở Lệ Chi viên, gần Côn Sơn. Là nạn nhân của những mưu đồ đen tối, Nguyễn Trãi bị hành hình cùng với hầu hết gia tộc [...].

Sáu trăm năm sau, nỗi thao thức canh cánh của nhà hành động và nhà thơ Nguyễn Trãi vẫn là nỗi thao thức canh cánh bên lòng của tất cả những người yêu công lí và nhân đạo trên đời này.

(Nguyễn Trọng Định dịch, in trong *Nguyễn Trãi – Về tác gia và tác phẩm*, Nguyễn Hữu Sơn (tuyển chọn và giới thiệu), NXB Giáo dục, 1999, tr. 1023 – 1026)

---

[1] *Chu trung ngẫu thành, II* (Ngẫu nhiên làm trong thuyền, bài 2) – *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd.

[2] *Ngôn chí – bài 13 (Quốc âm thi tập) – Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd.

[3] *Thuật hứng – bài 5 (Quốc âm thi tập) – Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd.

Hướng dẫn đọc

1. Theo bạn, chủ đề của văn bản và quan điểm của tác giả thể hiện tập trung ở câu văn nào trong bài?
2. Chỉ ra mạch lập luận của văn bản (có thể sử dụng sơ đồ).
3. Chỉ ra những yếu tố biểu cảm của văn bản.
4. Xác định ý nghĩa của văn bản trên.
5. Tìm một số từ ngữ, câu văn trong văn bản, nhất là ở đoạn cuối, thể hiện tình cảm của tác giả đối với Nguyễn Trãi.



VIẾT

VIẾT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm là kiểu bài nghị luận dùng lí lẽ và bằng chứng để chỉ ra sự sai trái và tác hại của một thói quen hay quan niệm nhằm giúp họ từ bỏ thói quen hay quan niệm ấy.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Nêu rõ thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ; mục đích lí do viết bài luận.
- Trình bày các luận điểm: tác hại của thói quen/ quan niệm, lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm, những gợi ý về giải pháp thực hiện.
- Sử dụng lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục, có lí, có tình.
- Sắp xếp luận điểm, lí lẽ theo trình tự hợp lí.
- Diễn đạt mạch lạc, gãy gọn, lời lẽ chân thành.
- Bố cục bài luận gồm 3 phần:

Mở bài: nêu thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ; lí do hay mục đích viết bài luận.

Thân bài: lần lượt đưa ra ít nhất hai luận điểm (lí lẽ, bằng chứng) làm rõ mặt trái và tác hại của thói quen hay quan niệm; nêu lợi ích/ giải pháp khắc phục, từ bỏ thói quen hay quan niệm.

Kết bài: khẳng định lại ý nghĩa, lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm; thể hiện niềm tin vào sự cố gắng và thành công của người thực hiện.

Chân trời sáng tạo

Đọc ngữ liệu tham khảo

Bài văn thuyết phục bạn từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động

Bạn thân mến, Sác-lơ Điu-hít (Charles Duhigg), tác giả của cuốn sách *Sức mạnh của thói quen* cho rằng: "Thói quen định hình cuộc sống của chúng ta theo cách ta khó có thể hình dung được". Quả vậy, có những thói quen tốt giúp ta học tập hiệu quả, giao tiếp thành công, và cũng có những thói quen xấu gây ra nhiều tác hại cho cuộc sống của chúng ta. Nhân phong trào "Cùng nhau tiến bộ" mà nhà trường phát động, mình viết bài này trao đổi đôi điều suy nghĩ với bạn để chúng ta cùng nhau từ bỏ một thói quen có hại, đó là thói quen lạm dụng điện thoại di động. [1]

[1]: Nêu vấn đề (thói quen có hại): lạm dụng điện thoại di động.

Lạm dụng điện thoại di động là sử dụng điện thoại di động một cách thiếu kiểm soát, gây ảnh hưởng đến cuộc sống. Không chỉ mình và bạn, mà còn nhiều bạn trẻ khác đang lạm dụng điện thoại mà có khi bản thân không nhận ra điều đó. Chẳng hạn, không khó để bắt gặp hình ảnh các bạn trẻ lúc nào cũng chăm chú vào màn hình điện thoại, bất kể thời gian, nơi chốn, dù là đang đi bộ trên đường, ngồi chờ ở trạm xe buýt. Ở trong lớp học, các bạn ấy không chú ý nghe giảng mà lén lút sử dụng điện thoại di động để lên mạng, hoặc chơi điện tử. Thậm chí, hai, ba giờ sáng các bạn ấy vẫn chăm chú vào màn hình điện thoại để theo dõi những dòng cập nhật trên mạng xã hội. Những hình ảnh ấy không xa lạ gì với chúng ta, phải không bạn? Bởi chúng ta cũng đã từng như vậy. Chúng ta cần từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động, bởi đây là thói quen gây ra rất nhiều tác hại nghiêm trọng. [2a]

[2a]: Giải thích khái niệm làm cơ sở cho việc đưa ra các luận điểm.

Trước hết, việc lạm dụng điện thoại di động khiến chúng ta mất tập trung trong giờ học, từ đó ảnh hưởng đến kết quả học tập. Bạn thử nghĩ xem, nếu trong lớp ta không nghe giảng mà chỉ chú tâm vào màn hình điện thoại để chơi điện tử hay lướt web, thì liệu ta có thể nắm bài được không? Vì những thú vui vô bổ mà để kết quả học tập sa sút thì thật đáng tiếc, phải không bạn? [2b]

[2b]: Những tác hại: Tác hại đến kết quả học tập.

Bên cạnh đó, việc lạm dụng điện thoại di động ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của chúng ta. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình điện thoại gây tổn thương mắt, từ đó dẫn đến chứng mỏi mắt, chóng mặt, suy giảm thị lực. Hơn nữa, việc sử dụng điện thoại di động thiếu kiểm soát sẽ dẫn đến rối loạn giấc ngủ. Trong cuốn sách *Thiện, ác và smartphone*, Tiến sĩ Đặng Hoàng Giang đã đề cập đến hội chứng "sợ bỏ lỡ thông tin", nguyên nhân khiến người sử dụng không thể rời mắt khỏi màn hình điện thoại. Hệ quả là, những thông tin liên tục đổ vào tâm trí khiến chúng ta khó ngủ, thức khuya để xem điện thoại. Lâu dần, chúng ta sẽ bị thiếu ngủ, sức khoẻ bị suy kiệt, tâm trí không còn được tỉnh táo nữa. [2c]

[2c: Những tác hại: Tác hại đến sức khoẻ.

Ngược lại, nếu ta từ bỏ được thói quen lạm dụng điện thoại di động, tức là sử dụng một cách có ý thức, đúng nơi, đúng lúc, thì chiếc điện thoại

di động lại trở thành công cụ hữu ích cho cuộc sống của chúng ta. Điều này chắc bạn cũng đã biết, nhờ có chiếc điện thoại thông minh mà chúng ta có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin, phục vụ học tập. Các ứng dụng trên điện thoại di động cũng giúp ích cho chúng ta rất nhiều trong việc soạn thảo văn bản, chụp ảnh, dựng phim, phục vụ đắc lực cho các bài thuyết trình trên lớp. Để phát huy tối đa công dụng của chiếc điện thoại thông minh và giảm thiểu các tác hại, ta cần sử dụng một cách tự chủ, tránh để bản thân phụ thuộc vào nó. [2d]

Vậy làm thế nào để khắc phục thói quen lạm dụng điện thoại di động? Mình đã thử và thấy những cách sau hiệu quả với bản thân. Mình xin chia sẻ ở đây, biết đâu các giải pháp mình đưa ra sẽ hữu ích với bạn. Trước hết, ta cần giới hạn thời gian sử dụng điện thoại bằng cách lên kế hoạch cụ thể các công việc cần làm trong ngày. Đối với những công việc không cần sử dụng điện thoại, ta tránh để điện thoại bên mình. Khi đi học, trừ trường hợp sử dụng điện thoại để thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, ta nên tắt nguồn điện thoại và bỏ vào trong cặp. [2e]

Để tránh ảnh hưởng giấc ngủ, ta tránh sử dụng điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác khoảng hai tiếng trước khi ngủ. [2e]

Bạn thân mến, việc điều chỉnh thói quen sử dụng điện thoại di động ban đầu có thể rất khó khăn, nhưng mình tin bằng sự quyết tâm, kiên trì bạn sẽ làm được. Nếu cần, mình sẽ hỗ trợ bạn. Mình tin rằng việc từ bỏ thói quen xấu này là bước khởi đầu cho những thành công trong tương lai. Chúng ta cùng cố gắng, bạn nhé! [3]

(Nhóm biên soạn)

[2d]: Ích lợi của việc từ bỏ thói quen.

[2e]: Giải pháp khắc phục thói quen có hại.

[3]: Khẳng định ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen, thể hiện niềm tin và sự khích lệ.

Chân trời sáng tạo

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Các phần mở bài, thân bài, kết bài trong ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu về bố cục đối với kiểu bài *thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm* chưa?
2. Bài viết đã chỉ ra tác hại của thói quen và lợi ích của việc từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động bằng các lí lẽ, bằng chứng nào? Các lí lẽ, bằng chứng ấy có được sắp xếp hợp lí không?
3. Quan điểm, thái độ của người viết về vấn đề có được thể hiện rõ ràng, nhất quán không?
4. Cách sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu của người viết đã phù hợp với mục đích của bài luận hay chưa?
5. Bạn rút được kinh nghiệm hay lưu ý gì khi thực hiện một bài luận tương tự?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Đề 1: Hãy viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen có hại.

Đề 2: Hãy viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một quan niệm sai lệch, phiến diện.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài: Với đề bài nêu trên, bạn cần chọn một thói quen hay quan niệm của một đối tượng cụ thể nào đó trong đời sống để trình bày ý kiến thuyết phục họ từ bỏ.

Chẳng hạn, bạn có thể chọn các thói quen:

- Ăn quà vặt không đúng lúc, đúng chỗ.
- Cười nói to hoặc gây tiếng ồn nơi công cộng.
- Xả rác, chất thải không đúng nơi quy định.
- Đến lớp học hay đi họp muộn so với giờ quy định.
- Không học bài làm bài cũ ở nhà, đến lớp mới tìm cách học qua loa, đối phó.
- ...

Hoặc một số quan niệm sai lệch, phiến diện:

- Chỉ có không gian ảo trên mạng mới đem lại cho mỗi người tri thức, tự do, hứng thú nhiều nhất.
- Xem văn chương là phù phiếm.
- Đề cao quá đáng cái tôi cá nhân.
- Cần ăn mặc khác người để tỏ ra sành điệu.
- ...

Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc

Bạn cần trả lời các câu hỏi dưới đây nhằm lựa chọn nội dung và cách viết phù hợp:

– Việc viết văn bản này nhằm mục đích gì?

– Ai sẽ là người đọc văn bản?

Thu thập tư liệu: Tư liệu liên quan đến thói quen có hại hay quan niệm tiêu cực trong đời sống có thể thu thập từ những nguồn khác nhau, bao gồm tài liệu thực tế và tài liệu lưu trữ. Có thể thu thập từ truyền thông và từ những quan sát, trải nghiệm đời sống của chính bạn; nên ưu tiên thu thập tư liệu liên quan đến tác hại hay mặt trái của thói quen hoặc quan niệm mà mình muốn bác bỏ.

Chân trời sáng tạo

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

• Xác định hướng nghị luận về vấn đề: chẳng hạn bạn sẽ tập trung khẳng định hay bác bỏ hay kết hợp khẳng định với bác bỏ khi nghị luận về vấn đề.

• Ghi lại bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong đầu trong quá trình thu thập tài liệu và tìm ý cho bài viết.

• Phác hoạ một số luận điểm chính, rồi tìm lí lẽ, bằng chứng cho các luận điểm ấy.

• ...

Lập dàn ý: Bạn sắp xếp nội dung các phần mở bài, thân bài, kết bài; các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong thân bài.

Riêng với phần thân bài, bạn cần chi tiết hoá các luận điểm, định hướng lí lẽ và bằng chứng. Ví dụ, với đề bài "Viết bài luận thuyết phục bạn từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động" như tham khảo ngữ liệu trên đây, bạn cần nêu rõ tên các luận điểm, định hướng lí lẽ, bằng chứng trong dàn ý nhằm chỉ ra tác hại của thói quen, ích lợi của việc từ bỏ thói quen, gợi ý về giải pháp thực hiện. Dàn ý của phần thân bài, theo đó, gồm các luận điểm chính:

1. Thói quen lạm dụng điện thoại di động và tác hại.

(Luận điểm thứ nhất: Lí lẽ và bằng chứng)

2. Ích lợi của việc từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động.

(Luận điểm thứ hai: Lí lẽ và bằng chứng)

3. Giải pháp khả thi đối với việc từ bỏ thói quen lạm dụng điện thoại di động.

(Luận điểm thứ ba: Lí lẽ và bằng chứng)

...

Một ví dụ khác. Nếu cần thuyết phục người khác từ bỏ quan niệm cho rằng: *ngày nay, chỉ có không gian ảo trên mạng mới đem lại cho mỗi người tri thức, tự do, hứng thú*, có thể lập ý cho phần thân bài như sau:

1. *Không gian ảo trên mạng* thực ra chỉ là một trong nhiều nguồn đem lại cho mỗi người tri thức.

(Luận điểm thứ nhất: Lí lẽ và bằng chứng)

2. *Không gian ảo trên mạng* cũng có các kiểu luật lệ riêng, nếu vi phạm có thể đồng nghĩa với phạm pháp và chuốc lấy hậu quả khôn lường.

(Luận điểm thứ hai: Lí lẽ và bằng chứng)

3. *Không gian ảo trên mạng* có thể mang lại cho người dùng một số hứng thú nhưng cũng có thể để lại nhiều tác hại.

(Luận điểm thứ ba: Lí lẽ và bằng chứng)

Chân trời sáng tạo

Bước 3: Viết bài

• Khi đã có một dàn ý tốt, bạn có thể lần lượt viết mở bài, các đoạn thân bài và kết bài.

• Kết hợp nghị luận với tự sự và biểu cảm.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

• Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo những gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Nêu rõ thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ.		
	Nêu lí do hay mục đích viết bài luận.		
Thân bài	Trình bày tác hại của thói quen/ quan niệm cần từ bỏ.		
	Trình bày ích lợi của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm.		
	Gợi ý giải pháp từ bỏ thói quen/quan niệm.		
	Làm sáng tỏ vấn đề bằng các lí lẽ và bằng chứng.		
Kết bài	Khẳng định lại ích lợi của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm.		
	Thể hiện niềm tin vào sự cố gắng hay hi vọng ở sự thành công của người được thuyết phục.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Sắp xếp luận điểm hợp lí.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn.		
	Sử dụng lời lẽ chân thành, tôn trọng người đọc.		
	Tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ bằng ngôn từ thích hợp.		

• Bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc mờ nhạt để hoàn chỉnh thêm bài viết.

• Bạn có thể đặt một số câu hỏi, tự trả lời nhằm đánh giá bài viết và rút kinh nghiệm cho bài viết sau.



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Đề bài:

Trình bày bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm.

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói

• Trong trường hợp này, đề tài bài nói chính là thói quen hay quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ mà bạn đã chọn cho bài viết của mình.

• Người nghe là các bạn cùng lớp.

• Không gian nói là lớp học.

• Thời gian nói do thầy cô giáo hay người chủ trì quy định.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

• Dựa vào bài viết lựa chọn các ý chính, các chỗ có thể lược bỏ.

• Tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe.

• Sử dụng công cụ hỗ trợ như: bản tóm tắt các ý chính để khi cần chỉ nhìn lướt qua là nhớ; chuẩn bị tìm hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu để trình chiếu nhằm tăng tính thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng (nếu có điều kiện);...

• Dự kiến trước một số điểm thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên để tìm cách trả lời, giải đáp.

Lập dàn ý

• Thực hiện giống như đối với bài viết.

• Cần ước lượng thời gian trình bày các ý tưởng sao cho phù hợp với thời gian được quy định cho bài nói.

• Cần sắp xếp và dự kiến thời điểm, cách thức sử dụng các công cụ hỗ trợ trong khi trình bày bài nói.

Chân trời sáng tạo

Luyện tập

Bạn tiến hành như đã thực hiện ở các bài nói trước.

Bước 2: Trình bày bài nói

• Nên giới thiệu hệ thống các luận điểm chính trước rồi mới đi vào triển khai từng luận điểm (có thể dùng power point).

• Nên có tờ giấy ghi tóm tắt những ý tưởng, nội dung chính dưới dạng gạch đầu dòng.

• Thể hiện sự tự tin, tự nhiên, thân thiện; tạo được tương tác tích cực với người nghe.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

Trong vai người nói (thực hiện như bài nói trước).

Trong vai người nghe (thực hiện như bài nói trước).

Lưu ý khi trao đổi

Dù là người nói hay người nghe, khi trao đổi cũng cần có thái độ hoà nhã và tôn trọng các ý kiến khác biệt.

Đánh giá

Trong vai người nói (thực hiện như bài nói trước).

Trong vai người nghe (thực hiện như bài nói trước).

Sau đó, bạn có thể sử dụng bảng kiểm dưới đây để đánh giá bài nói cả trong vai trò người nói lẫn vai trò người nghe.

Bảng kiểm kĩ năng thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu (nếu cần).		
	Giới thiệu vấn đề: thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.		
	Nêu khái quát nội dung bài nói (có thể điểm qua các phần/ ý chính).		

Nội dung chính	Trình bày những biểu hiện sai trái, tác hại của thói quen/ quan niệm.		
	Trình bày những lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm.		
	Gợi ý giải pháp thực hiện.		
	Nội dung ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
Kết thúc	Tóm lược và nhấn mạnh nội dung trình bày.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Sử dụng lời lẽ chân thành, tôn trọng người đọc.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

ÔN TẬP

Chân trời sáng tạo

1. Hãy khái quát:
   a. Một số đặc điểm chính của văn chính luận Nguyễn Trãi qua *Bình Ngô đại cáo*, *Thư lại dụ Vương Thông*.
   b. Một số nét đặc sắc của thơ Nguyễn Trãi qua *Bảo kính cảnh giới* – bài 43, *Dục Thuý sơn*.
   c. Những nét nổi bật về tư tưởng, con người Nguyễn Trãi qua văn thơ của ông.
2. Nêu những điểm lưu ý khi thực hiện bài viết và bài nói thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
3. Nêu một số kinh nghiệm của bạn trong việc nhận biết lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa các lỗi này.
4. Từ các văn bản đã học, đã đọc, cho biết Nguyễn Trãi đã cống hiến những gì cho đất nước với tư cách là người anh hùng và người nghệ sĩ?

BÀI 8

ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI

(TRUYỆN)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm truyện muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.
- Biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, yêu đất nước, con người Việt Nam.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Câu chuyện là sự việc, chuỗi sự việc xảy ra trong đời sống, liên quan đến một hoặc một số người nào đó. Câu chuyện thường có khởi đầu, có diễn biến và kết thúc.

Cốt truyện là câu chuyện được tổ chức một cách nghệ thuật với biến cố, tình huống, xung đột làm cho câu chuyện trở nên có nghĩa.

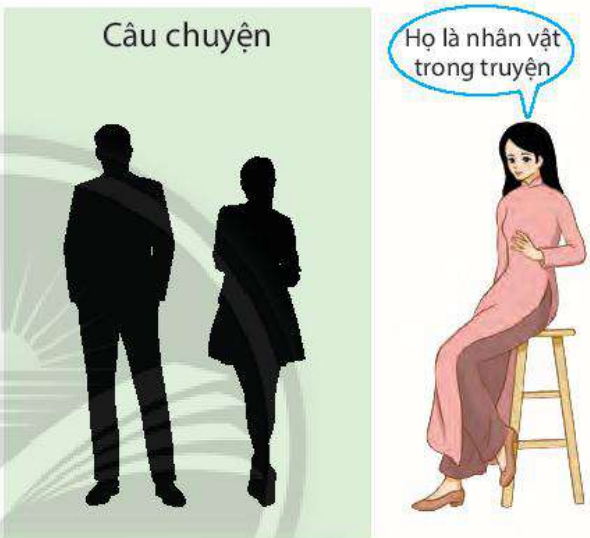
Thông điệp của tác phẩm văn học là điều mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua hình tượng nghệ thuật. Đó là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà văn bản văn học muốn truyền đến người đọc.

Tư tưởng của tác phẩm văn học là nhận thức, quan niệm, thái độ, cách lí giải về các vấn đề đời sống và khát vọng của tác giả được thể hiện trong tác phẩm. Tư tưởng của tác phẩm được thể hiện sinh động qua nhiều yếu tố: đề tài, chủ đề, thế giới hình tượng.

Đặc điểm, tính cách nhân vật là những nét riêng về ngoại hình, hành động, tình cảm, tâm lí, ngôn ngữ,... của nhân vật, giúp phân biệt với nhân vật khác. Khi đọc truyện, người đọc có thể nhận biết đặc điểm, tính cách, tư tưởng, tình cảm của một nhân vật qua lời của người kể chuyện, qua hành động, lời nói, ý nghĩ của nhân vật, hoặc qua nhận xét, đánh giá của nhân vật khác về nó.

Người kể chuyện: một vai được tác giả tạo ra, đảm nhiệm việc kể lại câu chuyện trong văn bản truyện. Người kể chuyện có thể là nhân vật hoặc không, có thể dùng các điểm nhìn khác nhau.

Điểm nhìn là vị trí của người kể chuyện trong tương quan với câu chuyện. Tuỳ trường hợp, câu chuyện có thể được kể theo điểm nhìn từ ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất, điểm nhìn của người kể chuyện hoặc điểm nhìn của nhân vật (xưng "tôi" hay không xưng "tôi"), điểm nhìn cố định hay dịch chuyển, thay đổi,... Có thể phân biệt điểm nhìn ngôi thứ nhất với điểm nhìn ngôi thứ ba như trong hình sau:

Điểm nhìn ngôi thứ nhất	Điểm nhìn ngôi thứ ba
	
Người kể chuyện ngôi thứ nhất ("hạn tri"): – Là một nhân vật trong truyện. – Xưng "tôi".	Người kể chuyện ngôi thứ ba (thường là "toàn tri"): – Không phải nhân vật trong truyện. – Không xưng "tôi".

Biện pháp tu từ chêm xen

Chêm xen là biện pháp chêm vào câu một từ, một cụm từ, một câu, thậm chí một chuỗi câu để bổ sung thông tin cần thiết hay bộc lộ cảm xúc. Thành phần chêm xen thường đứng sau dấu phẩy, dấu gạch ngang hoặc được đặt trong ngoặc đơn.

Ví dụ:

*Cô bé nhà bên (**có ai ngờ**)*
Cũng vào du kích!
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
*Mắt đen tròn (**thương thương quá đi thôi**)*

(Giang Nam)

Biện pháp tu từ liệt kê

Liệt kê là biện pháp sắp xếp nối tiếp các từ, các cụm từ cùng loại để diễn tả những khía cạnh khác nhau của thực tế, của tư tưởng, tình cảm đồng thời tạo ấn tượng mạnh về hình ảnh và cảm xúc cho người đọc.

Xét theo cấu tạo, có kiểu liệt kê theo từng cặp và kiểu liệt kê không theo từng cặp.

Ví dụ:

– *Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả* ***tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.*** (Hồ Chí Minh)

– ***Một chiếc giường đơn, một ngọn đèn hoa kì trên chiếc chõng tre, bộ ấm tích, điếu bát.*** (Bảo Ninh)

Xét theo ý nghĩa, có thể phân biệt kiểu liệt kê tăng tiến và liệt kê không tăng tiến.

Ví dụ:

– *Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì* ***khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ.*** (Nam Cao)

– *Mặc dù ông xuống "kiềng" cùng với một nhóm khá đông trợ lí và trinh sát, mặc dù ông cũng trang bị và nai nịt như mọi người,* ***tiểu liên AK, dép đúc, mũ cối, áo lính Tô Châu,*** *nhưng trong bóng rừng nhập nhoạng tôi vẫn nhận ra ông ngay.* (Bảo Ninh)



ĐỌC

Chân trời sáng tạo

Tình yêu đất nước, một tình cảm cao cả, thiêng liêng của con người, từng được ví như biển cả. Nhưng sẽ không có biển cả ấy nếu không có trăm ngàn sông suối nhỏ hoà góp nước vào đại dương. Chân thành rung động trước vẻ đẹp bình dị của quê hương, vui buồn với vận mệnh của dân tộc, yêu thương đồng bào, tự nguyện góp sức mình xây dựng, phát triển đất nước, quê hương,... đó đều là những biểu hiện cụ thể trong muôn vàn biểu hiện của tình yêu đất nước, con người.

Trong bài học này, qua việc đọc hiểu một số văn bản như *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Giang* (Bảo Ninh), *Buổi học cuối cùng* (An-phông-xơ Đô-đê[1]), bạn sẽ được rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện, hiểu thêm về đất nước và tình cảm của con người đối với quê hương đất nước mình.

[1] Anfonse Daudet

VĂN BẢN 1

ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM

(Trích)

Đoàn Giỏi



Hình: *Cảnh lấy kèo ong ở vùng U Minh Hạ*

(Nguồn: https://vtv.vn/doi-song/nghe-gac-keo-ong-o-vung-rung-u-minh-ha-131836.htm)

Đất rừng phương Nam là tiểu thuyết của nhà văn Đoàn Giỏi. Ra đời năm 1957, cuốn tiểu thuyết miêu tả hành trình lưu lạc tìm người cha của cậu bé An dọc các tỉnh miền Tây Nam Bộ vào những năm chống Pháp. Trong suốt cuộc phiêu lưu đó, An đã đón nhận tình thương chân chất và hào sảng của những người dân Nam Bộ, đồng thời, cậu cũng học được nhiều bài học từ thiên nhiên trù phú. Được đánh giá là một trong những cuốn sách viết về thiếu nhi hay nhất của nước ta, *Đất rừng phương Nam* còn đem lại cho độc giả những hiểu biết về văn hoá và con người Nam Bộ. Tác phẩm gồm 20 chương. Phần văn bản dưới đây trích từ chương 9 (*Đi lấy mật*) trong tác phẩm.

Trước khi đọc

1. Bạn từng hình dung thế nào về thiên nhiên và cuộc sống con người ở vùng đất Nam Bộ cách đây gần một thế kỉ? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp về điều đó.
2. Dựa vào nhan đề *Đất rừng phương Nam*, suy đoán xem phần văn bản dưới đây sẽ kể với bạn những chuyện gì?

Đọc văn bản

Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh. Cái lành lạnh của hơi nước sông ngòi, mương rạch, của đất ẩm và dưỡng khí thảo mộc thở ra từ bình minh. Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh trên những đầu hoa tràm rung rung, khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thuỷ tinh.

Tía[1] nuôi tôi đi trước, bên hông lủng lẳng chiếc túi da beo, lưng mang cái gùi tre đan đã trát chai[2], tay cầm chà gạc[3]. Lâu lâu, ông vung tay lên một cái, đưa con dao rừng rất sắc phạt ngang một nhánh gai và dùng cái mẩu cong ở đầu lưỡi dao dài có đến sáu bảy tấc ấy lôi phăng nhánh gai chắn đường vứt ra một bên để lấy lối đi. Thằng Cò đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm và cái áo ướt mồ hôi nó vừa cởi ra cuộn lại, trên thúng úp chiếc nón lá rách. Tôi đã chen vào giữa, quảy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã boi xuống đi mượn của nhà ai ngoài xóm bìa rừng từ chiều hôm qua. Con Luốc chạy tung tăng sục sạo trong các bụi cây.

Lần đầu tiên tôi theo tía nuôi và thằng Cò đi "ăn ong" đây. Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được "ăn ong" ra sao. Những điều má nuôi tôi kể, trong các sách giáo khoa không thấy nói. Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho tôi một khái niệm chung chung về xã hội loài ong, về những lợi ích của con ong, đại khái vậy thôi. Hiển nhiên từ những thời xa xôi, thuở con người ăn lông ở lỗ cho đến ngày nay, người ta vẫn đi tìm lấy mật rừng bằng cách theo dấu đường bay của những con ong về tổ. Người ta phải khó nhọc lắm mới đưa được con ong rừng về nuôi thành con ong nhà, vì như thế, việc lấy mật sẽ dễ dàng và bảo đảm hơn.

Trong kho tàng kinh nghiệm của những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong các sách vở mà tôi được nghe thầy giáo tôi kể, không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo như má nuôi tôi đã bảo cho tôi nghe vừa rồi. 1

Theo dõi

1 Bạn hiểu thế nào là "ăn ong"?

[1] *Tía*: cách gọi cha, ba của người Nam Bộ.
[2] *Chai*: một loại dầu nhựa cây.
[3] *Chà gạc*: một loại dao đi rừng.

– Thôi, dừng lại nghỉ một lát. Bao giờ thằng An đỡ mệt, ăn cơm xong hẵng đi! – Tía nuôi tôi ra lệnh cho chúng tôi như vậy.

Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu! Chúng tôi đã bơi xuồng đi từ lúc gà vừa gáy rộ canh tư. Thằng Cò thì coi bộ chưa thấm tháp gì. Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!

Tía nuôi tôi ngồi tựa lưng vào một gốc cây ngái, nhồi thuốc lá vào tẩu. Con chó săn trung thành bao giờ cũng ngồi bảo vệ bên chân chủ. Thằng Cò bưng vò nước ra, ngửa cổ kề miệng vào vò uống nước ừng ực. Bỗng nó đặt vò nước xuống, thúc vào lưng tôi:

– Đố mày biết con ong mật là con nào?

Hỏi xong, nó đưa tay trỏ lên phía trước mặt. Tôi đảo mắt nhìn khắp nơi vẫn không thấy gì. Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc nào cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vẫn có tiếng chim ở một nơi xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chăng?

Cao quá đầu tôi một với tay, có những chấm đen không nhúc nhích. Đó là ruồi xanh đang bay đứng. Ông ánh lướt những lá bông súng dưới vũng kia là con chuồn chuồn bay ngang với những cánh mỏng và dài. Bé như hạt khế, cứ lắc lư lắc lư từ đất nhoi lên và đáp vào một cành ngải khô trên đầu tía nuôi tôi là điệu bay của con mối cánh.

– Chịu thua mày đó! Tao không thấy con ong mật đâu cả.

Thằng Cò nghe tôi chịu thua, nó bèn vênh mặt lên cười, quay sang tôi:

– Bây giờ mày cứ nhìn kĩ vào khoảng cách giữa hai nhánh chàm cao kia! Ờ! Đúng rồi. Nhìn một chỗ trống ấy thôi nhá. Nó tới liền bây giờ.

Đã lâu lắm mà sao tôi chưa thấy gì cả. Tôi vừa toan đứng dậy thì tía nuôi tôi đã đến cầm tay tôi trỏ lên:

– Đó con thấy nó chưa?

– Thấy rồi!

Tôi kêu khe khẽ. Ờ, phải rồi! Phải hết sức tinh mắt, thính tai mới tìm được những tay sứ giả của bình minh này. Một con... hai con... ba con... Rồi một đàn mười mấy con bay nối nhau như một xâu chuỗi hạt cườm, trong những tầng xanh cây lá, có một cái chấm nâu đen cỡ đầu đũa vụt qua rất nhanh. Trên những ngọn tràm cao, đang lướt qua một đàn li ti như nấm trấu bay, phát ra những tiếng kêu eo... eo... eo... Tiếng kêu thật nhỏ, không chú ý theo dõi thì không thể nào nghe được.

Chúng tôi giở những nắm cơm vắt ra. Ăn xong, bấy giờ bóng nắng mới bắt đầu lên. Gió cũng bắt đầu thổi rao rao theo với khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Một làn hơi nhè nhẹ toả lên phủ mờ những bụi cây cúc áo, rồi nhè nhẹ tan dần theo hơi ấm mặt trời. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi.

Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh... Con Luốc động đậy cánh mũi, rón rén mò tới. Nghe động tiếng chân con chó săn nguy hiểm, những con vật thuộc loại bò sát bốn chân, to hơn ngón chân cái kia, liền quật chiếc đuôi dài chạy tứ tán. Con núp chỗ gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây. Con đeo trên tấm lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái.

Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng. Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên. Chim áo già màu nâu, chim manh manh mỏ đỏ bóng như màu thuốc đánh móng tay, lại có bộ lông xám tro điểm những chấm trắng chấm đỏ li ti rất đẹp mắt... Những con chim nhỏ bay vù vù kêu líu ríu lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.

– Chim đẹp quá, Cò ơi! – Tôi tặc lưỡi, kêu lên.

– Thứ chim cỏ này mà đẹp gì!

– Ở đây, chim nhiều quá. Bữa nào tụi mình đi bắn một bữa đi.

– Thứ đồ bỏ, không ăn thua gì đâu. Mày mà gặp "sân chim" thì mày sẽ biết...

Nó nói cách lo là như vậy rồi cứ cắm cúi đội cái thúng đi. Tôi muốn hỏi về cái "sân chim", nhưng vì tự ái và nghĩ nếu mình gặp cái gì cũng hỏi thì nó sẽ khinh mình dốt, bèn im im đi tới. 2

Theo dõi

2 Chú ý lời thoại và tính cách của hai nhân vật An và Cò.

Lội qua mấy vũng lầy sâu quá gối, chúng tôi đã đến chỗ lấy mật.

Tía nuôi tôi ngồi xuống, dáng rất ung dung. Ông tháo miệng túi da beo ra, bỏ cái tẩu vào. Rồi ông xé mảnh giấy nhật trình cũ, cuộn một điếu thuốc lá to bằng ngón chân cái, bật lửa lên đốt hút.

– Sắp lấy mật đa, này An! – Thằng Cò trỏ điếu thuốc lá to tổ bố đang cháy như cây đuốc kia, bảo tôi.

Tôi chẳng hỏi gì thêm, cứ lặng thinh. Nó cũng không thèm chú ý đến vẻ mặt khó đăm đăm của tôi, cứ nắm tay tôi lôi đi, lại còn khoát tay ra hiệu bảo tôi đi thật khẽ. Tôi nhìn theo ngón tay nó trỏ lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp. Tổ ong kia rồi!

Sự mừng rỡ làm tôi quên phắt cái bực mình vừa qua. Tôi lại hỏi:

– Sao biết nó về cây này mà gác kèo?

– Thằng mau quên hé! Vậy chớ mấy bữa nay, má nói gì cho mày nghe đó? – Nó chành môi ra cười hì hì, trông cái miệng thấy ghét quá.

Tôi ngước nhìn tổ ong như cái thúng, lúc nhúc không biết bao nhiêu ong, dần dần nhớ lại lời má nuôi tôi kể:

– ... Rừng thì mênh mông, biết bao nhiêu cây! Một cây còn biết bao nhiêu nhánh! Biết con ong sẽ đóng tổ ở cây nào, nhánh nào? Có phải bạ chỗ nào nó cũng gởi mật đâu? Nhưng làm nghề nào rồi khắc phải thạo nghề ấy con ạ! – Má nuôi tôi đưa mắt trông ra những cánh rừng tràm lờ mờ khuất sau những bụi cây bình bát dại mọc quanh hè, ngẫm nghĩ một lúc rồi nói tiếp: – Gió thổi có hướng, cây tốt cũng có vùng. Chọn được vùng rừng tốt, biết rằng đến mùa xuân tràm sẽ kết nhiều hoa, mình mới định chỗ gác kèo. Phải xem hướng gió, tính trước đường bay của ong mật. Đó là những chỗ "ấm", cây dày, không bị ngọn gió thốc thẳng vào và ít khi có những dấu chân người đi bắt rắn, người đi đốn củi lội đến.

– Kèo là gì, hở má?

– Ờ, kèo cũng là nhánh tràm thôi. Nó to cỡ cổ tay, mang nhiều nhánh con tua tủa vào quãng giữa. Mình chặt lấy một khúc dài non thước tây, một đầu có cái nhánh con dùng làm cái mấu. Chọn được vùng rồi, còn phải chọn cây nào vừa kín, vừa im, có ít nhiều bóng nắng kia! Con ong không thích đóng chỗ rọp. Ở những nơi đó, bao giờ mật cũng chua, dễ bị ẩm. Gác chiếc kèo chênh chếch lên cây tràm xong, phải "rửa"[1] bớt những nhánh chung quanh để khi lấy mật khỏi vướng. Kèo chặt vào khoảng giữa tháng mười một. Những con mưa muộn sẽ rửa hết mùi sắt ở hai đầu kèo bị dao rựa chặt, và nhánh kèo cũng đủ thời gian khô đi, cũ đi, giống với những nhánh khô khác trên cây. Kèo nào còn mùi sắt của con dao mới chặt thì con ong mật chúa kị, nó không bao giờ đóng tổ đâu... 3

Suy luận

3 Việc làm kèo ong được kể lại qua điểm nhìn của ai?

[...]

Mắt tôi vẫn không rời tổ ong lúc nhúc trên cây tràm thấp kia.

Tía nuôi tôi đã đi lần tới, đứng phía trên hướng gió. Ông hít một hơi cho điếu thuốc đỏ lên, và từ từ đưa đầu khói cháy lại gần tổ ong. Quả thật! Thảo nào người ta hay nói "như ong vỡ tổ"! Ong vỡ tổ là lúc này đây. Không biết cơ man nào là ong. Chúng bay vù vù, đen ngòm, loạn xạ, thành một vầng đen như cái chiếu.

Bỗng thằng Cò kêu "oái" một tiếng hai tay vò trán lia lịa.

– Có ong sắt, tía ơi! Nó đánh con một vết đây nè!

Tôi nhanh trí ngược hướng gió chạy ra xa để tránh bầy ong, và nhân thể bứt vội vàng một nắm cỏ tranh và sậy khô đưa lại cho tía nuôi tôi:

– Tía ơi, đốt nó đi, tía!

Tía nuôi tôi mỉm cười, khoát khoát tay:

[1] *Rửa*: chặt bớt.

– Đừng! Không nên giết ong, con à! Để tía đuổi nó cách khác...

Tía nuôi tôi mở túi da beo, lấy vôi bôi chỗ vết ong đốt trên trán cho thằng Cò. Đoạn ông mở gói giấy, lấy ra cục a nguỳ[1] – cái thứ thuốc dẻo quánh, màu vàng xỉn mà tôi đã thấy dạo trước – véo một miếng gắn vào đầu một cọng sậy. Ông bảo tôi bật lửa lên, rồi đốt cháy miếng thuốc. Khói vị thuốc bắc hôi quá! Tôi chóng mặt oẹ oẹ luôn mấy cái, tưởng đã nôn rồi. Tía nuôi tôi cầm cọng sậy có gắn miếng thuốc bốc khói đưa lên kê vào gần tổ ong. Bầy ong hoảng hốt nối nhau bay mất không còn một con. 4

Suy luận

4 Vì sao tía nuôi khuyên An "không nên giết ong"?

Trên nhánh kèo khô còn trơ lại cái tàn ong sáp trắng to bằng chiếc nón, nặng trĩu những mật vàng. Tía nuôi tôi rướn chân lên, gượng nhẹ đỡ nhánh kèo xuống. Ông vắt mật vào cái gùi của tôi, còn sáp thì ném vào cái thúng của thằng Cò, thấy tôi vét một tí mật dính chỗ miệng gùi đưa lên mũi, thằng Cò cười hì hì:

– Cho mày ăn thả cửa! Cứ uống no đi. Chỉ sợ mày say không đi được thôi!

Mặt nó nhăn nhó, mấy vệt vôi trăng trắng bôi vào giữa trán rúm ró lại coi như mặt hề.

– Mày có thấy khỉ ăn ớt chưa hở Cò? – Tôi hỏi nó.

– Ờ? Cho mày cười tao... Chốc nữa, trời xui đất khiến, gặp con ong lỗ nó táng cho mày một vệt, rồi mày sẽ biết.

Từ sáng sớm đến lúc gần về chiều, tía nuôi tôi đã gỡ hơn năm mươi kèo ong. Mật đầy cả hai gùi. Tôi mang gùi mật óc ách đằng sau lưng mà vẫn cảm thấy nhẹ tênh, và tiếc cái gùi bé quá.

– Một tổ nữa kìa, tía ơi!

– Thôi để mai. Chà, năm nay mật trúng lắm! Sáng mai phải mang vài thùng thiếc nữa mới lấy hết mật. Mình mới lấy chưa được nửa số kèo đã gác mà! – Tía nuôi tôi vừa nói vừa đưa bàn tay dính đầy mật ra cho con chó săn liếm.

Chúng tôi tháo gùi, đặt đồ lề xuống bên một gốc cây. Cần phải nghỉ, ăn cơm cho lại sức trước khi trở về...

[...]

Tôi ngồi nhìn lên kèo ong, thấy nó cũng giống như những tổ ong rừng vẽ trong sách vậy thôi. Nhưng có một điều khác là không phải ngẫu nhiên mà nó đóng trên một cành cây nào đó. Chính tía nuôi tôi đã định sẵn cho chúng nó một nơi về đóng tổ... Theo như lời thầy giáo của tôi bảo, người La Mã xưa kia nuôi ong trong những cái tổ bằng đồng hình chiếc vại, có đục thủng nhiều hàng lỗ con vòng quanh miệng,

[1] *A nguỳ*: một vị thuốc bắc có tác dụng xua đuổi ong.

Chân trời sáng tạo

quanh đáy. Người Mễ Tây Cơ làm tổ nuôi ong bằng đất nung, như một cái ống có hai cái loa hai đầu, giữa lưng ống đắp một hình đầu người nho nhỏ làm vật trang trí, dùng hai sợi thừng treo lên cành cây. Người Ai Cập nuôi ong trong những tổ bằng sành, hình ống dài, xếp chồng lên nhau, đặt trên bãi cỏ. Ở Phi Châu, người ta đục ruỗng ruột một khúc thân cây, vít kín hai đầu, chỉ chừa một lỗ khoét nhỏ nhỏ cho ong ra vào, treo lên bằng một đoạn dây nhỏ có mấu. Ở xứ Tây Âu, tổ ong lại lợp bện bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau... Không có nơi nào, xứ nào có kiểu tổ ong hình nhánh kèo như vùng U Minh này cả. 5

Suy luận

5 Việc liên hệ, so sánh những cách nuôi ong, lấy mật khác nhau này có tác dụng gì?

Những con ong vẫn nối cánh nhau bay đi bay về trên tổ, trước mặt chúng tôi kia. Con nào cũng lượn một vòng tròn trước khi đáp xuống. Người ta bảo rằng đó là vũ điệu báo hiệu của loài ong.

(In trong *Đất rừng phương Nam*, tái bản, NXB Văn học, 2015, tr. 148 – 158)

Sau khi đọc

1. Tóm tắt câu chuyện được kể trong văn bản trên.
2. Quanh câu chuyện "đi lấy mật", cuộc sống của thiên nhiên, con người phương Nam được cảm nhận, tái hiện qua điểm nhìn của những nhân vật nào? Các điểm nhìn này có tác dụng hỗ trợ, bổ sung cho nhau như thế nào? Theo bạn, điểm nhìn của ai là quan trọng nhất? Vì sao?
3. Trong văn bản trên, lời đối thoại giữa An với các nhân vật (Cò, tía nuôi, má nuôi) có tác dụng gì?
4. Phân tích một đoạn trong lời của người kể chuyện có sự kết hợp giữa kể sự việc và miêu tả cảnh vật, thể hiện được phong vị riêng trong cuộc sống của thiên nhiên và con người phương Nam.
5. Xác định chủ đề của văn bản và chỉ ra một số căn cứ để xác định chủ đề.
6. Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai nhân vật Cò và An. Theo bạn, việc làm nổi bật những nét tương đồng và khác biệt ấy có tác dụng thế nào trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?
7. Câu chuyện đi lấy mật giúp bạn hiểu thêm điều gì về thiên nhiên, cuộc sống, tính cách con người Nam Bộ?

Chân trời sáng tạo



Đoàn Giỏi

Đoàn Giỏi (1925 – 1989), sinh tại Mỹ Tho, nay thuộc tỉnh Tiền Giang. Tác phẩm của ông là những bức tranh sinh động về con người và thiên nhiên Nam Bộ: *Đất rừng phương Nam, Cá bống mú, Cuộc truy tầm kho vũ khí, Đồng Tháp Mười,...* Trong đó, *Đất rừng phương Nam* được xem là tác phẩm quan trọng làm nên tên tuổi nhà văn. Tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và dựng thành phim.

VĂN BẢN 2

GIANG

Bảo Ninh

Tập truyện *Bảo Ninh – những truyện ngắn* bao gồm 36 truyện ngắn. Những câu chuyện ở đây được kể bằng một giọng văn nhẹ nhàng, điềm đạm về kỉ niệm trong quá khứ của nhà văn, đặc biệt là kí ức về chiến tranh. Đó là những câu chuyện cảm động về tình người, tình yêu, đau khổ, hạnh phúc. *Giang* là một truyện ngắn thuộc tập truyện này.

Trước khi đọc

Hãy kể tên một số tác phẩm (thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết,...) viết về những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân ta trong thế kỉ XX và chia sẻ cảm nghĩ của bạn về một trong những tác phẩm ấy.

Đọc văn bản

Năm ấy tôi mười bảy tuổi, binh nhì, chiến sĩ của tiểu đoàn 5 tân binh. Tiểu đoàn chúng tôi luyện quân ở Bãi Nai[1]. Bấy giờ đã là vào cuối khoá huấn luyện ba tháng, kiểm tra xạ kích[2], đạt điểm cao nhất đại đội, tôi được thưởng hai ngày phép. Đại đội trưởng linh động cho tôi miễn *bình tuần*[3] tối thứ Sáu. "Đã được lãi một tối càng phải liệu mà về cho khuýp giờ điểm danh đấy nhá". Anh dặn tôi thế, ra ý đe.

[1] *Bãi Nai*: thuộc tỉnh Hoà Bình.

[2] *Xạ kích*: bắn súng.

[3] *Bình tuần*: buổi sinh hoạt hàng tuần của các tiểu đội, thường là vào tối thứ Sáu.

Chân trời sáng tạo

Chuyến về nhờ bám được xe quân sự chạy trên đường 6[1] nên phi cái vù đã tới nhà. Chuyến trở lại phải chen xe khách. Chín giờ tối chủ nhật mới điểm danh mà chỉ dám nấn ná cố cùng tới 12 giờ trưa là phải bứt khỏi nhà chạy nhào ra bến Kim Mã. Chen lên được một chuyến xe vào thời buổi gian khó ấy khổ sở đến thế nào khỏi bàn. Thêm nữa lại ngày giáp Tết. Do may mắn và cũng là do ẩu tả ngồi lèn nhau trên nóc xe nên đến nhập nhoạng tối thì tôi nhảy được xuống thị trấn Lương Sơn. Đói mèm, rét run, lại luớ quớ trượt chân ngã, tuột tung quai dép và lấm be bét.

Trật trưỡng[2] tôi dò tới cái giếng xây ở đầu trấn để rửa ráy qua loa tí chút và xâu lại dép. Chỉ có một người đang múc nước ở giếng. Trời mưa nhưng rất mỏng, như sương, và chưa tối hẳn nên từ khá xa tôi đã nhận ra một cái dáng con gái. Khi tôi tới bên giếng, hai thùng tôn của gánh nước đã được đổ đầy, cô gái cuộn dây gầu, tra đòn gánh vào hai móc xích, và trước khi lên gánh, cô đội lại chiếc nón mà lúc cúi múc nước cô đã bỏ ra để ngửa bên thành giếng. Với con mắt lính 17 tuổi nhanh như chớp, tôi lườm ngay thấy tên cô nàng viết bằng mực tím ở trong vành nón, cả tên, cả họ, cả đệm, và cả lớp học của cô nữa. Phạm Nhật Giang. 10 B[3].

Không để ý đến tôi, cô đặt gánh lên vai. Tôi nói, vội vã, nhưng thản nhiên, như thật:

– Kìa, Giang. Cho anh mượn cái gầu đã nào.

Cô gái hạ gánh, nhìn tôi.

– Chào anh, anh bộ đội... – Cô nói, ngập ngừng, nhưng có lẽ chưa kịp ngạc nhiên – Gầu đây anh.

Tôi xoè hai bàn tay bê bết bùn ra.

– Ôi anh bị lấm hết rồi. – Cô gái khẽ thốt lên – Thôi, để em.

– Ừ. Nhờ Giang vậy, chứ không thì bẩn hết cả dây. 1

Theo dõi

1 Chú ý quá trình làm quen và diễn biến tình cảm giữa hai nhân vật qua lời kể và lời thoại.

Cô gái múc lên một gầu, hai gầu, xối từ từ cho tôi rửa kĩ hai bàn tay. Khi tôi định đón lấy chiếc gầu, cô bảo:

– Cái gầu này khó múc lắm. Để em giúp anh.

Cô lại thòng nhanh sợi chão xuống bóng tối sâu hút bên dưới rồi thoăn thoắt, mềm mại, kéo gầu nước lên. Nhưng sự ân cần của cô còn hơn thế. Mỗi gầu nước múc lên cô không xối cho tôi tự gột mà cúi mình xuống, một tay nghiêng gầu nước dội nhè nhẹ, một tay cô cọ bùn đất ở bàn chân, ngón chân, bắp chân tôi. Ngây ra, tôi đứng yên, sững lặng cảm nhận cái ân tình hồn nhiên và bất ngờ ấy. Rất lâu, hai đứa chẳng nói gì, cô gái lặng lẽ gột rửa cho tôi, tôi thì bất động. Cô cọ kĩ cho tôi cả đôi dép đúc.

---

[1] *Đường 6*: quốc lộ 6, là con đường nối thủ đô Hà Nội với các tỉnh vùng Tây Bắc, đi qua Hà Nội, Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên.

[2] *Trật trưỡng*: đi hoặc đứng không vững.

[3] *Lớp 10*: ở miền Bắc thời kì này thực hiện giáo dục hệ 10 năm, lớp 10 tương đương với lớp 12 hiện nay.

– Tươm rồi đấy, anh – Cô gái nói trong bóng tối.

– Cám ơn nhé, Nhật Giang!

Cô gái trở lại với nỗi ngạc nhiên:

– Ô kìa. Ù nhỉ, sao anh biết tên em?

Tôi cười, không đáp.

– À, em biết rồi. Anh toạ độ chứ gì mà. Các anh bộ đội chuyên thế. Cứ gọi: Lan, Hằng, Liên, Oanh thế nào cũng trúng, chứ gì?

– Nhưng Giang, lại Nhật Giang nữa, chắc không có hai người tên như thế đâu, đoán mò sao được.

– Chắc anh đóng ở gần đây.

– Chả gần lắm, tận xóm Đượm.

– Bao xa anh?

– Giang không phải người đây à?

– Vâng, em mới Hà Nội lên – Giang đáp, và chợt cô rủ tôi:

– Nhà em đang trọ ở ngay kia, anh vào nghỉ một lát.

Tôi do dự:

– Chín giờ, đơn vị điểm danh rồi... mà còn non chục cây.

– Còn sớm, mới sáu giờ kém mà, anh.

Tôi muốn hộ Giang gánh nước, nhưng cô không chịu. Tôi theo sau cô vào sâu một cái ngõ tối. Một mình Giang một túp nhà nhỏ, mái gianh vách đất. Không có đồ đạc gì. Một chiếc giường đơn, một ngọn đèn hoa kì trên chiếc chõng tre, bộ ấm tích, điếu bát. Một chiếc xe đạp Phượng Hoàng dựng ở gần cửa.

Tôi mở túi phòng hoá[1] đeo bên hông lấy gói bít cốt[2] mẹ dúi cho hồi trưa, và rót chè tươi trong ấm tích ra bát. Bít cốt chiêu với chè tươi, định thế. Thấy vậy, đang lúi húi xâu lại quai dép cho tôi, Giang vội kêu lên:

– Ôi em quên. Có cơm mà, để em dọn mời anh.

Tôi gạt đi, nhưng Giang nài tôi chịu khó chờ cô xuống bếp hâm lại cơm canh mà ăn uống cho chắc dạ và nóng sốt.

Trong lúc chờ Giang, tôi ngả phứa ra giường cô [...]. Chợt cửa ra vào mở. Một người đàn ông cao lớn bước mạnh vào. Tôi giật bắn mình, bật chồm dậy. Ông nọ vận đại cán[3] vải dạ xanh sẫm, giầy da Cô-xư-ghin[4], quân hàm ve áo hai sao hai vạch[5].

---

[1] *Túi phòng hoá*: túi dùng trong quân đội có tác dụng chống khí độc.

[2] *Bánh bít cốt*: bánh mì cắt thành miếng, sấy khô.

[3] *Đại cán*: kiểu áo khoác dành cho nam giới may bằng loại vải dày, sẫm màu, tay dài, cổ đứng, đằng trước có bốn túi.

[4] *Giầy da Cô-xư-ghin (Kosygin)*: một loại giày da do nhà nước Liên Xô (cũ) viện trợ cho Việt Nam. Kosygin là tên một vị thủ tướng của Liên Xô.

[5] *Quân hàm ve áo hai sao hai vạch*: cấp trung tá theo quy định cấp bậc trong Quân đội Nhân dân Việt Nam.

– Cậu là ai? Đâu chui vào đây? – Nghiêm sắc mặt, ông trung tá hỏi, chằm chằm nhìn.

Tôi dập gót:

– Báo cáo, tôi...

Vừa khi đó Giang bưng mâm cơm đi từ sân sau vào.

– Bố về rồi đấy ạ – Cô vội vã nói – Bố ơi, đây là Hùng, bạn học lớp 10 với con. Anh ấy đóng quân gần đây. Chúng con tình cờ gặp nhau vừa nãy. 2

Theo dõi

2 Chú ý lời giới thiệu của Giang về nhân vật "tôi" và tác động của nó đến các nhân vật.

Ông trung tá dịu nét mặt, nhưng giọng vẫn nghiêm:

– Đóng gần đây à? Đồng chí đơn vị nào?

– Báo cáo thủ trưởng, tôi ở C7 K5 đoàn 91.

– Thế đồng chí đi đâu, sao giờ này còn tụt tạt ngoài đây?

– Báo cáo thủ trưởng, tôi về phép lên. Đơn vị chín giờ mới điểm danh.

– Thế đồng chí định để đúng điểm danh mới có mặt à? Phải về đơn vị sớm hơn chứ.

– Kìa bố – Giang kêu lên – Bố để cho anh ấy ăn cơm đã. Bố cũng ăn luôn với bọn con đi.

– Không đâu, tớ không ăn đâu! – Tôi hoảng lên – Tớ phải chào đây, Giang!

Ông bố Giang mỉm cười, vỗ nhẹ vai tôi, bảo:

– Từ đây về xóm Đượm sáu cây, còn kịp. Cậu ăn cơm đi, ngồi chơi với Giang. Bạn học lâu ngày gặp nhau. Nhưng rồi phải rảo chân lên. Vẫn phải về kịp trước điểm danh, rõ chưa!

– Thì bố xin hộ cho anh ấy, bố! – Giang nói, nũng nịu – Bố gọi cho cấp chỉ huy của anh ấy. Chúng con học cùng từng ấy năm, gặp nhau chuyện tới khuya chẳng hết.

– Không được, – Ông bố cười, lắc đầu – Bạn hữu gặp gỡ thế này là quý, nhưng con không có được những nhẵng con cà con kê[1] giữ bạn lại quá lâu. Đừng có để bạn phạm kỉ luật.

Ông nhìn đồng hồ.

– Sáu rưỡi rồi, – Ông nói – Hai đứa khẩn trương cơm nước đi. Tối nay bố không ăn với con được. Bố phải qua đơn vị. Phải họp khuya đấy. Con một mình ở nhà cửa giả cho cẩn thận.

Ông bước tới bên cửa, cầm lấy ghi đông chiếc xe đạp, và nhìn tôi, ông nói:

– Hùng ngồi chơi nhá. Nhưng nhớ giờ giấc đấy.

– Kìa bố, bố lấy xe đạp ạ! – Giang kêu lên – Con định đưa anh ấy về đơn vị cơ mà, bố! Bố chịu khó đi bộ, bố nhá. Chỗ bố gần ngay đây mà.

– Không! Đừng mà... – Tôi hãi quá – Giang đừng vậy...

---

[1] *Nhẵng nhẵng con cà con kê: nhẵng nhẵng:* lôi thôi, làm vướng víu, dằng dai; *con cà con kê*: dài dòng, lê thê, kéo dài câu chuyện.

Ông trung tá cười, bảo:

– Con gái con lứa thế đấy. Chiều bạn hơn bố. Nhưng bố nhất trí, bố để xe cho hai đứa. Chứ mà cuốc bộ thì con làm Hùng chậm giờ mất. Có điều đường đồi ban đêm hai đứa lại nhau cho cẩn thận, đừng có phóng nhanh kẻo ngã. Đưa Hùng tới đơn vị rồi lúc quay về một mình con cứ đạp từ từ, nhìn đường. Nhưng cũng gắng đừng có thong dong quá đấy. Trời lạnh thế này. Với lại con về khuya bố không yên tâm đâu.

Tối ấy, tôi lại Giang vào sâu trong Bãi Nai. Đồng rừng tối câm, lạnh lẽo. Con đường đồi quạnh vắng, không ngừng uốn lượn và gấp khúc. Gió bấc lúc thuận lúc ngược, nhưng mà tôi không thấy mệt, tôi đạp mải miết. 3

Suy luận

3 Đây có phải là hoàn cảnh phù hợp để tình cảm thân mật, yêu mến giữa Giang và "tôi" nảy nở?

Tôi chưa khi nào đèo con gái. Cả hồi năm ngoái học lớp 10, được bố mẹ ưu tiên sắm riêng cho hẳn một cái Mi-pha tha hồ tung hoành phá phách, tôi cũng chỉ đạp xe rong phố với những thằng bạn. Chưa từng bao giờ có một nữ nhi ngồi sau xe tôi, áp mình tin cậy vào tôi như thế này. Đây là lần đầu.

Chiếc Phượng Hoàng nặng chịch mà chẳng nặng một chút nào. Tôi guồng cẳng đạp, bám theo vệt trắng mập mờ của con đường, lên dốc, xuống dốc, quành rẽ, lạng tránh, lao rất nhanh và phanh giật cục. Giang ngồi vững và thật êm sau tôi. Thỉnh thoảng chúng tôi mới nói chuyện, mà chỉ Giang nói. Giang là trò Trưng Vương, vừa tốt nghiệp lớp 10 trong năm, hiện giờ đã là sinh viên của trường Tổng hợp. Nhà cô trong ngõ Chợ phố Khâm Thiên. Túp nhà ban nãy là bố cô mượn của một người quen ở thị trấn để đón cô lên ăn Tết cùng ông. Mẹ cô mất năm ngoái, anh trai thì mới vừa đi Bê[1] tháng trước.

– Tết ra chơi với bố con em, anh nhé. Nhà chỉ hai bố con mà cái thị trấn khỉ ho cò gáy này thì buồn ơi là buồn. Em sẽ nói khó để bố vào hẳn đơn vị đón anh. Rồi chúng mình xin phép bố lính về Hà thành vài hôm. Bố em chiều em lắm, sẽ đồng ý thôi. Mà bố đã thuận thì nhất định thủ trưởng đơn vị anh cũng nhất trí.

Chúng tôi chia tay ở chân đồi Gừng, đầu con đường mòn dẫn vào xóm Đượm nơi đơn vị tôi trú quân.

– Hay là Tết em trốn vào đây với anh?

Giang hỏi, và không hiểu sao lại thở dài.

Tôi cứ đứng mãi ở ven đồi. Mặc dù không thể nhìn thấy gì trong màn đen dày đặc đêm cuối năm, tôi vẫn cứ nhìn mãi theo Giang. Chia tay, tôi đã không nói được một điều gì cả, đã không kịp ngỏ một lời nào. Cả địa chỉ của Giang nữa cũng không hỏi rõ. Chỉ biết Khâm Thiên, ngõ Chợ.

---

[1] *Đi Bê*: lên đường làm nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam (từ vĩ tuyến 17 trở vào).

Chân trời sáng tạo

Hai hôm sau, tối ngày 27 Tết, tiểu đoàn tôi nhổ neo rời Bãi Nai. Hành quân qua Thường Tín, lên tàu ngay, không có 15 ngày phép thông lệ của lính Bê dài[1]. Đây là một đợt tăng cường rất lớn cho chiến trường. Cả một Sư cùng lúc lên đường, gấp gáp tiến quân, vượt ngàn dặm Trường Sơn vào Nam. Vừa đặt chân lên đất Tây Nguyên đã vào ngay chiến dịch. Các đơn vị của Sư đoàn phiên hiệu khác đi nhưng vẫn giữ nguyên đội hình từ ngoài Bắc. Tiểu đoàn của tôi đánh trận mở màn, và đại đội của tôi là mũi chủ công. Trước giờ nổ súng, đích thân tham mưu trưởng sư[2] xuống kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của chúng tôi. Mặc dù ông xuống ''kiểng'' cùng với một nhóm khá đông trợ lí và trinh sát, mặc dù ông cũng trang bị và nai nịt như mọi người, tiểu liên AK, dép đúc, mũ cối, áo lính tô châu, nhưng trong bóng rừng nhập nhoạng tôi vẫn nhận ra ông ngay. Ông chính là ''ông bô''[3] của Giang!

Tôi toan lỉnh, song ông trông thấy tôi tức thì. ''Kìa, Hùng, Hùng đấy hả Hùng!''. Giọng ông ngạc nhiên, mừng vui. Ông thân thiết xiết chặt tay tôi và không nén được, ông cảm động ôm lấy tôi. ''Giang nó cứ nhắc cậu mãi, Hùng ạ. Nó cứ buồn vì không gặp lại được cậu trước khi chúng ta lên đường''. Ông bảo: ''Giờ đây Giang nó ở lại ngoài đó có một mình''.

Gặp gỡ trước giờ nổ súng tất nhiên là chỉ thoáng nhanh, chỉ kịp nói mấy câu thế thôi. Tôi thì không nói được gì cả. Tôi chỉ ấp úng. Cả cái tên Hùng do con gái ông phịa vội ra, tôi cũng không thể cải chính.

Thời khắc gấp gáp không thể nấn ná, nhưng trước lúc đi, tham mưu trưởng sực nhớ một điều và vội vội ông nói với tôi: ''Giang nó có gởi cháu tấm ảnh của nó, nhưng tiếc quá, lại không mang theo đây. Để bữa sau vậy, Hùng nhé...'' 4

Theo dõi

4 Lời nói, thái độ của bố Giang khi gặp Hùng lần này có gì khác so với lần trước?

Không có "bữa sau" ấy. Tôi không còn có dịp được gặp lại tham mưu trưởng. Cả tới mùa khô sau, được điều lên trinh sát sư đoàn, tôi vẫn không thể nào gặp lại được ông. Tham mưu trưởng của chúng tôi đã hi sinh vào cuối mùa khô năm đầu tiên sư đoàn chúng tôi lâm trận.

Chiến tranh, đời lính, tuổi trẻ, mọi sự là như thế, chỉ thế thôi, thoảng nhanh. Thoảng nhanh nhưng không tắt lịm. Chỉ thế thôi nhưng để rồi sau này cứ nhớ mãi. Trở thành nỗi đau. Những nỗi đau mất mát âm thầm.

Chắc là bây giờ Nhật Giang vẫn còn nhớ đến tôi, người lính trẻ vô danh hơn ba chục năm về trước. Tôi thì không bao giờ quên cô ấy, mặc dù thực ra là có gì đâu một tình cờ như thế, một gặp gỡ vẩn vơ, lưu luyến mơ hồ gần như không có thật mà năm tháng cuộc đời cứ mãi chồng chất lên muốn xoá nhoà. 5

Suy luận

5 Hai đoạn văn này là lời của ai nói với ai?

(In trong *Bảo Ninh – những truyện ngắn*, tái bản, NXB Trẻ, 2021, tr. 25 – 35)

---

[1] Lính *Bê dài*: *Bê dài*: khu vực chiến trường vùng xa, vùng sâu phía cực Nam của Tổ quốc trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ (như Tây Nguyên, miền Đông, miền Tây Nam Bộ,...); *lính Bê dài*: chỉ những người lính trong Quân đội Nhân dân Việt Nam thời chống đế quốc Mỹ làm nhiệm vụ chi viện cho các vùng chiến trường vừa nêu.

[2] *Tham mưu trưởng sư*: tham mưu trưởng sư đoàn, cũng là một trong các sĩ quan cấp phó cho Sư đoàn trưởng theo quy định trong Quân đội Nhân dân Việt Nam.

[3] "Ông bô": ông bố.

Sau khi đọc

1. Chỉ ra một số câu văn, đoạn văn có sự đan xen giữa lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong văn bản trên.

2. Liệt kê những cuộc gặp gỡ giữa các nhân vật trong văn bản. Những cuộc gặp gỡ ấy cho thấy cách đối xử của con người với nhau, nhất là với những người lính trong hoàn cảnh chiến tranh như thế nào?

3. Đặc điểm, tính cách của một nhân vật trong truyện thường được thể hiện qua các hành vi, lời nói của nhân vật ấy trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, gắn với một hay một số điểm nhìn nhất định (của người kể chuyện, của chính nhân vật hoặc của một nhân vật khác,...). Hãy phân tích tính cách của nhân vật Giang theo gợi ý trong bảng dưới đây (làm vào vở):

Hình ảnh của Giang (1)	Qua điểm nhìn (2)	Nét tính cách nổi bật (3)
Tại giếng nước công cộng, khi tình cờ gặp anh tân binh.		
Tại nhà cùng với anh tân binh và bố Giang.		
Tại chiến trường qua lời của bố Giang.		

4. Nhận xét về cách lựa chọn và sử dụng ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm.

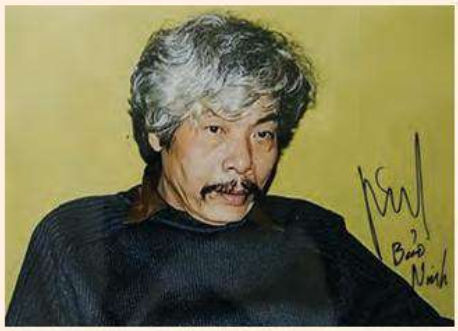
5. Xác định chủ đề của tác phẩm và cho biết dựa vào đâu để bạn xác định như vậy.

6. Theo bạn, tư tưởng của tác phẩm *Giang* là gì? Hai đoạn văn cuối có vai trò như thế nào trong việc thể hiện tư tưởng của tác phẩm?

7. Xung quanh việc Giang đột nhiên nhận "anh bộ đội" mới gặp lần đầu là bạn học của cô và "phịa" ra cái tên Hùng để giới thiệu anh với bố của mình, sau đó lại dùng xe đạp của bố để đưa anh về đơn vị,... có những ý kiến khác nhau. Một số người cho rằng Giang xử sự như thế là phù hợp với tình huống, hoàn cảnh cụ thể; một số khác lại phủ nhận điều đó. Hãy cho biết ý kiến của bạn.

❋ **Bài tập sáng tạo:** Giả sử sau ba mươi năm, "anh bộ đội" năm xưa và Giang tình cờ gặp lại nhau, câu chuyện giữa hai người cần được kể thêm một đoạn. Nếu được tác giả uỷ quyền, bạn sẽ viết tiếp câu chuyện như thế nào? Bạn có thể triển khai ý tưởng bằng nhiều hình thức dưới dạng một tranh vẽ, một bài thơ, một đoạn văn tự sự,...

Bảo Ninh (sinh năm 1952) tên thật là Hoàng Ấu Phương (ngoài ra còn có những bút danh khác như Nhật Giang, Mã Pí Lèng,...), là nhà văn quân đội, từng trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam trước năm 1975. Trong số những tác phẩm của ông, cuốn tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* được dịch ra khoảng 15 thứ tiếng và đạt nhiều giải thưởng quốc tế.



Bảo Ninh

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

XUÂN VỀ

Nguyễn Bính

Đọc văn bản

Đã thấy xuân về với gió đông,
Với trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn giời[1], đôi mắt trong.

Từng đàn con trẻ chạy xun xoe[2],
Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.
Lá nõn, ngành non ai tráng bạc?
Gió về từng trận, gió bay đi...

Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung.
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Tay lần tràng hạt miệng nam vô[3].

1937

(In trong *Tuyển tập Nguyễn Bính*, NXB Văn học, 1986, tr. 66)

[1] *Giời*: trời, phương ngữ Bắc Bộ.
[2] *Chạy xun xoe*: chạy nhanh, vồn vã, tỏ vẻ háo hức.
[3] *Nam vô*: như nam mô.

Chân trời sáng tạo

Sau khi đọc

1. Liệt kê một số hình ảnh gợi tả không khí "xuân về" trong bài thơ.
2. Phát biểu cảm nhận về một hình ảnh đặc trưng cho bức tranh mùa xuân làng quê Việt Nam trong bài thơ.
3. Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ và cho biết nhan đề *Xuân về* đã góp phần thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo ấy như thế nào.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Hãy chỉ ra biện pháp tu từ chêm xen và nêu tác dụng của biện pháp ấy trong các trường hợp dưới đây:

a. *"– Có một nàng Bạch Tuyết các bạn ơi*
Với lại bảy chú lùn rất quấy!"
"– Mười chú chứ, nhìn xem, trong lớp ấy"
(Ôi những trận cười trong sáng đó lao xao).

(Hoàng Nhuận Cầm)

b. *Đoạn ông mở gói giấy, lấy ra cục a nguỳ – cái thứ thuốc dẻo quánh, màu vàng xỉn mà tôi đã thấy dạo trước – véo một miếng gắn vào đầu một cọng sậy.* (Đoàn Giỏi)

c. *Tôi thì không bao giờ quên cô ấy, mặc dù thực ra là có gì đâu một tình cờ như thế, một gặp gỡ vẩn vơ, lưu luyến mơ hồ gần như không có thật mà năm tháng cuộc đời cứ mãi chồng chất lên muốn xoá nhoà.* (Bảo Ninh)

2. Chỉ ra biện pháp tu từ liệt kê và nêu tác dụng của biện pháp ấy trong các trường hợp sau:

a. *Cái lành lạnh của hơi nước sông ngòi, mương rạch, của đất ẩm và dưỡng khí thảo mộc thở ra từ bình minh.* (Đoàn Giỏi)

b. *Mấy con kì nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh...* (Đoàn Giỏi)

c. *Bà con xem, Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán.* (Trích sử thi *Đăm Săn*)

d. *Tôi đã cầm cây chà gạc phát rẫy mới này, tôi rạch rừng, tôi giết tê giác trong thung, giết cọp beo trên núi, giết kên kên, quạ dữ trên ngọn cây, chém ma thiêng quỷ ác trên đường đi.* (Trích sử thi *Đăm Săn*)

3. *Một ngôn ngữ được đánh giá là phát triển khi nó ngày càng có tính chất trí tuệ hoá và quốc tế hoá. Điều này rất quan trọng khi ta đặt tiếng Việt trong bối cảnh thời đại ngày nay: thời đại của thông tin, của trí tuệ; thời đại của hội nhập khu vực, hội nhập toàn cầu,...*

(Phạm Văn Đồng)

Thử đảo thứ tự các bộ phận trong những phép liệt kê trong đoạn văn trên rồi rút ra kết luận: xét về ý nghĩa, các phép liệt kê ấy có gì khác nhau?

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) trong đó có sử dụng biện pháp liệt kê và chêm xen về một trong hai nội dung dưới đây:

a. Kể lại ấn tượng của bạn về một vùng đất mà bạn đã đi qua.

b. Nêu cảm nghĩ về một nhân vật đã để lại cho bạn ấn tượng rõ rệt khi đọc hai văn bản *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi) và *Giang* (Bảo Ninh).

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

(Trích)

An-phông-xơ Đô-đê

Lược dẫn: Câu chuyện diễn ra ở vùng An-dát (Alsace) nước Pháp. Sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ (1870 – 1871), Pháp thua phải cắt vùng đất này cho Phổ. Em bé Phrăng (Frantz) như thường lệ lại đi học trễ, nhưng không khí buổi học hôm nay thật sự khác biệt so với mọi ngày...

Tôi còn đang ngạc nhiên về tất cả những điều đó thì thầy Ha-men (Hamel) đã bước lên bục, rồi vẫn với giọng dịu dàng và trang trọng như lúc tôi mới vào, thầy nói với chúng tôi:

– Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc-lin (Berlin) là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An-dát và Lo-ren (Lorraine)... Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. Thầy mong các con hết sức chú ý.

Mấy lời đó làm tôi choáng váng. A! Quân khốn nạn, thì ra đó là điều chúng vừa niêm yết[1] ở trụ sở xã.

Bài học Pháp văn cuối cùng của tôi!...

Mà tôi thì mới biết viết tập toạng! Vậy là sẽ chẳng bao giờ được học nữa ư, phải dừng ở đó ư!... Giờ đây tôi tự giận mình biết mấy về thời gian bỏ phí, về những buổi trốn học đi bắt tổ chim hoặc trượt trên hồ. Những cuốn sách vừa nãy tôi còn thấy chán ngán đến thế, mang nặng đến thế, quyển ngữ pháp, quyển thánh sử của tôi giờ đây dường như những người bạn cố tri mà tôi sẽ rất đau lòng phải giã từ. Cũng giống như thầy Ha-men. Cứ nghĩ thầy sắp ra đi và tôi không còn được gặp thầy nữa, là tôi quên cả những lúc thầy phạt, thầy vụt thước kẻ.

Tội nghiệp thầy!

Chính để tôn vinh buổi học cuối cùng này mà thầy đã vận y phục đẹp ngày chủ nhật và bây giờ tôi hiểu vì sao các cụ già trong làng lại đến ngồi ở cuối lớp học. Điều đó như nói rằng các cụ tiếc đã không lui tới ngôi trường này thường xuyên hơn. Dường như đó cũng là một cách để tạ ơn thầy giáo chúng tôi về bốn mươi năm phụng sự hết lòng, và để trọn đạo với Tổ quốc đang ra đi...

[1] *Niêm yết*: dán lên để báo cho mọi người biết.

Tôi đang suy nghĩ mung lung thì bỗng nghe gọi tên mình. Đến lượt tôi đọc bài. Giá mà tôi đọc được trót lọt cái quy tắc về phân từ hay ho ấy, đọc thật to, thật dõng dạc, không phạm một lỗi nào thì dù có phải đánh đổi gì cũng cam; nhưng tôi lúng túng ngay từ đầu và tôi cứ đứng đung đưa người trước chiếc ghế dài, lòng rầu rĩ, không dám ngẩng đầu lên. Tôi nghe thấy thầy Ha-men bảo tôi:

– Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu, con bị trừng phạt thế là đủ rồi... con thấy đó. Ngày nào người ta cũng tự nhủ: "Chà! Còn khối thì giờ. Ngày mai ta sẽ học". Và rồi con thấy điều gì xảy đến... Ôi! Tai hoạ lớn của xứ An-dát chúng ta là bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai. Giờ đây những kẻ kia có quyền bảo chúng ta rằng: "Thế nào! Các người tự nhận là dân Pháp, vậy mà các người chẳng biết đọc, biết viết tiếng của các người!...". Dù thế nào, thì Phrăng tội nghiệp của thầy ạ, con vẫn chưa phải là người đáng tội nhất! Mà tất cả chúng ta ai cũng có phần đáng tự chê trách.

Cha mẹ các con không thiết tha lắm với việc thấy các con có học thức. Cha mẹ thích cho các con làm việc đồng áng hoặc vào làm nhà máy sợi để kiếm thêm dăm xu. Cả thầy cũng không có gì để trách mình ư? Thầy đã chẳng sai các con tưới vườn thay vì học hành đó sao? Và khi thầy muốn đi câu cá hương, thầy có ngại ngùng cho các con nghỉ học đâu?...

Thế rồi, từ điều này sang điều khác, thầy Ha-men nói với chúng tôi về tiếng Pháp, bảo rằng đó là ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất: phải giữ lấy nó trong chúng ta và đừng bao giờ quên lãng nó, bởi vì khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù...

Rồi thầy cầm một quyển ngữ pháp và đọc bài học cho chúng tôi. Tôi kinh ngạc thấy sao mình hiểu đến thế. Tất cả những điều thầy nói, tôi thấy thật dễ dàng, dễ dàng. Tôi cũng cho là chưa bao giờ mình chăm chú nghe đến thế, và cả thầy giáo nữa, chưa bao giờ thầy kiên nhẫn giảng giải đến thế. Cứ như thể trước khi ra đi, con người tội nghiệp muốn truyền thụ toàn bộ tri thức của mình, muốn đưa ngay một lúc tri thức ấy vào đầu óc chúng tôi.

Xong bài giảng, chuyển sang viết tập. Thầy Ha-men đã chuẩn bị cho ngày hôm đó những tờ mẫu mới tinh, trên có viết bằng "chữ rông"[1] thật đẹp: Pháp, An-dát, Pháp, An-dát. Những tờ mẫu treo trước bàn học trông như những lá cờ nhỏ bay phấp phới khắp xung quanh lớp. Ai nấy đều chăm chú hết sức và cứ im phăng phắc! Chỉ nghe thấy tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy. Có lúc những con bọ dừa bay vào nhưng chẳng ai để ý, ngay cả những trò nhỏ nhất cũng vậy, chúng đang cặm cụi vạch những nét sổ với một tấm lòng, một ý thức, như thể cái đó cũng là tiếng Pháp... Trên mái nhà trường, chim bồ câu gù thật khẽ, và tôi vừa nghe vừa tự nhủ:

– Liệu người ta có bắt cả chúng nó cũng phải hót bằng tiếng Đức không nhỉ?

[1] *"Chữ rông"*: kiểu chữ viết có nét tròn và đậm nét, thường dùng để viết văn bằng, giấy khen.

Chốc chốc, ngước mắt khỏi trang giấy, tôi thấy thầy Ha-men đứng lặng im trên bục và đăm đăm nhìn những đồ vật quanh mình như muốn mang theo trong ánh mắt toàn bộ ngôi trường nhỏ bé của thầy... Bạn nghĩ mà xem! Từ bốn mươi năm nay, thầy vẫn ngồi ở chỗ ấy, với khoảng sân trước mặt và lớp học y nguyên không thay đổi. Có chăng những chiếc ghế dài, những bàn học dùng nhiều đã nhẵn bóng, những cây hồ đào ngoài sân đã lớn, và cây hu-blông[1] tự tay thầy trồng giờ đây quấn quýt quanh các khung cửa sổ lên tận mái nhà. Con người tội nghiệp hẳn phải nát lòng biết mấy khi giã từ tất cả những vật ấy, khi nghe thấy tiếng người em gái đi đi lại lại, đóng hòm xiểng, ở gian phòng bên trên, vì ngày mai họ phải ra đi, rời khỏi xứ sở này mãi mãi.

Tuy nhiên, thầy vẫn đủ can đảm dạy chúng tôi cho đến hết buổi. Sau tiết viết tập đến bài Lịch sử, rồi những trò nhỏ cất tiếng đọc đồng thanh như hát Ba Be Bi Bo Bu[2]. Đằng kia, cuối phòng học, cụ Hô-de (Hauser) đã đeo kính lên, và nâng cuốn sách vỡ lòng bằng hai tay, cụ đánh vần từng chữ theo bọn trẻ. Cả cụ cũng chăm chú, giọng cụ run run vì xúc động; nghe cụ đọc thật kì cục, đến nỗi tất cả chúng tôi muốn cười và cũng muốn khóc... Ôi! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này!

Bỗng đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ, rồi đến chuông cầu nguyện buổi trưa. Cùng lúc đó, tiếng kèn của bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ... Thầy Ha-men đứng dậy trên bục, người tái nhợt. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế.

– Các bạn, thầy nói, hỡi các bạn, tôi... tôi...

Nhưng cái gì đó khiến thầy nghẹn ngào, không nói được hết câu.

Thầy bèn quay về phía bảng, cầm một hòn phấn và dằn mạnh hết sức, thầy cố viết thật to:

"NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!".

Rồi thầy đứng đó, đầu dựa vào tường, và chẳng nói, giơ tay ra hiệu cho chúng tôi:

"Kết thúc rồi... đi đi thôi!".

(In trong *Những vì sao*, An-phông-xơ Đô-đê, Trần Việt – Anh Vũ dịch, NXB Hội Nhà văn, 2006, tr. 280 – 286)

Hướng dẫn đọc

1. Tóm tắt câu chuyện trong văn bản trên.
2. Xác định chủ đề và thông điệp của văn bản. Theo bạn, nhan đề *Buổi học cuối cùng* có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của văn bản?
3. Câu chuyện về buổi học cuối cùng được kể qua điểm nhìn của ai? Việc sử dụng điểm nhìn ấy mang lại ưu thế gì cho việc kể lại câu chuyện?
4. Phân tích nhân vật thầy Ha-men trong *Buổi học cuối cùng*.
5. Kết thúc câu chuyện gợi cho bạn suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa ngôn ngữ dân tộc và lòng yêu quê hương, đất nước?

[1] *Hu-blông (houblon)*: cây thân leo, hoa dùng làm hương liệu trong công nghệ làm bia, có nơi gọi là cây hoa bia.

[2] *Ba Be Bi Bo Bu*: âm tiết tiếng Pháp với phụ âm "B" ở đầu, dùng để học vần tiếng Pháp.



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM TỰ SỰ HOẶC TÁC PHẨM KỊCH

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài:

Phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch là kiểu bài nghị luận văn học sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự (sử thi, truyện kể, truyện ngắn, tiểu thuyết, kí,...) hoặc tác phẩm kịch (chèo, tuồng, hài kịch, bi kịch,...).

Yêu cầu đối với kiểu bài:

Ngoài những yêu cầu về nội dung nghị luận và kĩ năng nghị luận như đã trình bày, khi thực hiện bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự/ kịch, bạn cần phân tích, nhận xét về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật theo đặc trưng thể loại.

• Với các tác phẩm truyện ngắn, tiểu thuyết hay sử thi thì cần tập trung vào *cách xây dựng tình huống truyện, miêu tả nhân vật, sử dụng ngôi kể, điểm nhìn, lời của người kể chuyện, đối thoại, độc thoại của nhân vật,...*

• Với các tác phẩm truyện kí, hồi kí, du kí, nhật kí, phóng sự,... thì cần tập trung vào *các yếu tố tạo nên tính xác thực của sự kiện, chi tiết,... góc nhìn, thái độ, quan điểm, cảm xúc và ngôn từ của tác giả.*

• Với các tác phẩm kịch (chèo, tuồng; bi kịch, hài kịch, chính kịch) thì cần tập trung vào các yếu tố như *mâu thuẫn, xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại,...*

•Bố cục bài viết gồm các phần:

Mở bài: giới thiệu tác phẩm tự sự/ tác phẩm kịch (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...); nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.

Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm phân tích, đánh giá tác phẩm theo một trình tự nhất định (chủ đề trước, nghệ thuật sau; nghệ thuật trước, chủ đề sau hoặc kết hợp cả hai).

Kết bài: khẳng định lại một cách khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm; nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức tác phẩm.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Thực tế và mộng tưởng trong *Cô bé bán diêm* (Andersen)[1]

[...]

Lối kể xen kẽ này có tác dụng rất lớn để đưa người đọc xâm nhập vào thế giới mộng tưởng của nhân vật. Sự chuyển biến từ thế giới bên ngoài vào thế giới tâm trạng của em bé được dẫn dắt dần dần. Người kể đôi lúc dừng lại, nhắc về cảnh ngộ thực tại của em bé: "Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em đi bán diêm". Thực tế đó càng tăng thêm phần nghiệt ngã với em bé và vì thế càng thôi thúc em tìm đến với chốn bình yên: cõi mộng ảo. [1] Ngay sau khi que diêm cháy hết, "lò sưởi biến mất", em lại tiếp tục quẹt diêm để được sưởi ấm, để được sống trong bầu không khí ấm áp dễ chịu. Các lần quẹt diêm và hiệu quả mà nó mang lại được miêu tả như sau: [2a]

Lần	Thế giới mộng tưởng	Thực tế
1	Lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng.	Em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất... Đêm nay về nhà thế nào cũng bị cha mắng.
2	Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa bằng sứ quý giá và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kì diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa... tiến về phía em bé.	Trước mặt em chỉ còn là những bức tường dày đặc và lạnh lẽo... chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả,... phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xoá, gió bấc vi vu,... khách qua đường hoàn toàn lãnh đạm với em.
3	Một cây thông Nô-en lộng lẫy hàng ngàn ngọn nến sáng rực, nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ.	Diêm tắt và ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.
4	Bà em đang mỉm cười với em. Em xin được đi cùng bà.	Diêm tắt và ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biến mất.
5	Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà nắm tay em rồi hai bà cháu bay vụt lên.	Em bé chết.

"Truyện có nhiều hơn năm lần quẹt diêm bởi bốn lần đầu, mỗi lần em chỉ quẹt một que. Riêng lần thứ năm em quẹt liên tục hết cả bao diêm. Mục đích của lần quẹt cuối cùng này là để giữ ảo ảnh lại. Vì qua ánh sáng của que diêm, em bé được gặp bà, bởi "em muốn níu bà lại".

[1]: Nêu nhận định chung về tác dụng của lời kể đan xen thực tế và mộng tưởng.

[2a]: Khảo sát và phân tích các lần quẹt diêm của cô bé như là cách tạo ra thế giới mộng tưởng mong bù lấp thực tế.

[1] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Như thế, ánh sáng từ ngọn lửa que diêm đảm nhận hai chức năng: vừa sưởi ấm (chức năng này không quan trọng vì ngọn lửa diêm thì quá nhỏ nhoi trước trời tuyết mênh mông), vừa thắp sáng lên thế giới mộng ảo, cái thế giới mang lại hạnh phúc cho em. Nhưng rồi khi cháy hết, que diêm tắt, em bé chỉ còn lại bóng đêm và nỗi ngỡ ngàng, hiu quạnh. Những trạng từ được sử dụng kèm theo trạng từ "tắt" càng làm tăng thêm nỗi hụt hẫng kia: "lửa vụt tắt", "que diêm vụt tắt", "que diêm tắt phụt". Bốn lần thắp lửa, bốn lần lửa tắt, bốn lần ảo ảnh hạnh phúc vụt qua nhanh. Để níu giữ hư ảnh, diêm phải liên tục được đốt lên toả sáng. Niềm hạnh phúc của em bé cũng chỉ nhỏ nhoi như ngọn lửa diêm trong mịt mùng số phận của đêm giao thừa buốt giá. Điều nghịch lí ở đây là: hư ảnh càng được giữ lại, càng rõ nét bao nhiêu thì linh hồn em bé (nếu có linh hồn), sự sống của em bé càng leo lét, càng rời xa thể xác, xa sự sống bấy nhiêu. [2b]

Toàn bộ câu chuyện là bức tranh sáng tối của một cuộc đời. Điểm khép mở hay cũng chính là vùng giao thoa kia chập chờn theo ngọn lửa diêm toả sáng. Trước khi quẹt diêm, em bé đã ở vào cảnh ngộ mất bà, mất nhà, mất đêm giao thừa với cây thông Nô-en, phải lang thang dưới trời giá lạnh. Sau khi quẹt diêm, quá trình mất mát đó lại được bù đắp theo chiều ngược lại: diêm sáng, lò sưởi hiện lên, ngỗng quay hiện lên, cây thông Nô-en hiện lên, người bà em hiện lên,...

Theo lô-gíc của dòng vận động ấy, ta cứ ngỡ em bé sẽ tìm được hạnh phúc, sẽ thấy được phép màu của câu chuyện cổ tích hiện ra. Nhưng có một sự thật nghiệt ngã hơn bao sự thật đấy là trong niềm hạnh phúc hoang tưởng đó, em bé bán diêm vĩnh viễn ra đi.

[...]

(Lê Huy Bắc, "*Nghệ thuật kể chuyện trong Cô bé bán diêm*", in trong *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 10-2021, tr.10 – 12)

[2b]: Sự lấn át qua lại giữa mộng ảo (khi diêm sáng) và thực tế (khi diêm tắt).

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài, hãy cho biết:

1. Ngữ liệu trên đã là một bài viết hoàn chỉnh hay chưa? Những dấu hiệu nào giúp bạn xác định như vậy?
2. Luận điểm được tập trung phân tích, đánh giá trong ngữ liệu là gì?
3. Chỉ ra sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng trong ngữ liệu.
4. Người viết đã có những nhận xét gì về tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong tác phẩm?

Chân trời sáng tạo

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Đề 1: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

Đề 2: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một màn kịch mà bạn đã học hoặc đã đọc.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

Tham khảo các bài trước (Bài 1, Bài 6) để xác định đề tài cho phù hợp. Với hai đề bài nêu trên, phạm vi cho phép bạn lựa chọn rất rộng. Bạn có thể chọn một tác phẩm truyện hoặc một màn kịch nào đó để phân tích, đánh giá. Xem danh mục tác phẩm dưới đây.

Truyện: *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Giang* (Bảo Ninh), *Buổi học cuối cùng* (An-phông-xơ Đô-đê), *Hai vạn dặm dưới đáy biển* (Giuyn Véc-nơ), *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần),...

Kịch: *Xã trưởng – Mẹ Đốp* (trích *Quan Âm Thị Kính*, chèo cổ); *Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến* (trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*, tuồng đồ); *Lời nói dối cuối cùng; Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ),...

Việc xác định mục đích viết, người nghe, thu thập tư liệu, bạn thực hiện như đã tiến hành ở các bài học trước.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Để xác định các nội dung chính của bài phân tích, bạn có thể đặt và trả lời các câu hỏi: *Chủ đề của tác phẩm này là gì? Những tác phẩm nào có cùng chủ đề? Chủ đề của tác phẩm cần phân tích, đánh giá đó có gì sâu sắc, mới mẻ? Chủ đề đó bao gồm các khía cạnh nào và được khơi sâu nhờ bút pháp thế nào?*,... (Tìm ý cho việc phân tích, đánh giá chủ đề).

Hoặc các câu hỏi: *Tác phẩm được sáng tác theo thể loại nào (truyện, kịch)? Thể loại ấy có những điểm gì đáng lưu ý (trong cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, điểm nhìn, lời kể, lời thoại,...)? Các yếu tố hình thức nghệ thuật của tác phẩm có gì đặc sắc và đã góp phần thể hiện chủ đề thế nào?* (Tìm ý cho việc phân tích, đánh giá các nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật).

Chân trời sáng tạo

Lập dàn ý

Sắp xếp, trình bày các ý đã tìm thành một dàn ý (theo bố cục nêu trong *Tri thức về kiểu bài*). Riêng với dàn ý phần thân bài, bạn cần:

• Lần lượt chi tiết hoá các luận điểm.

• Thân bài cần trình bày ít nhất hai luận điểm, một luận điểm phân tích, đánh giá chủ đề và một luận điểm phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (gắn với đặc trưng thể loại), hoặc trong mỗi luận điểm, kết hợp phân tích, đánh giá chủ đề với phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề.

Ví dụ: dàn ý cho bài phân tích, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện trong truyện *Cô bé bán diêm*, các luận điểm đã được sắp xếp như sau:

1. **Lời kể theo dòng tâm trạng** (Lí lẽ và bằng chứng)

2. **Lời kể xen kẽ thực tế và mộng tưởng** (Lí lẽ và bằng chứng)

3. **Nhiều kiểu lời văn** (Lí lẽ và bằng chứng)

Một ví dụ khác: nếu đề bài là phân tích đánh giá một màn kịch (chẳng hạn: *Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến*), các luận điểm chính trong phần thân bài có thể sắp xếp như sau:

1. **Màn kịch đã phơi bày bộ mặt gian trá, nhũng nhiễu và háo sắc của các nhân vật "tai to mặt lớn" như quan huyện, thầy đề, kẻ đội lốt thầy tu; khẳng định sự khôn ngoan, sắc sảo của những người đàn bà goá, nạn nhân của sự nhũng nhiễu ở thôn quê ngày xưa.** (Lí lẽ và bằng chứng)

2. **Màn kịch sử dụng tình huống hài kịch quen thuộc ("gài bẫy" và "mắc lõm") với sự dẫn dắt mâu thuẫn khéo léo, bất ngờ, hành động giàu kịch tính.** (Lí lẽ và bằng chứng)

3. **Màn kịch sử dụng thủ pháp đối lập và ngôn ngữ đối thoại của hài kịch để khắc hoạ nổi bật tính cách của các nhân vật: Thị Hến, Thầy Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trìa.** (Lí lẽ và bằng chứng)

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, bạn hãy viết thành một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần:

• Thể hiện được các đặc điểm của kiểu bài *Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch* nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt.

• Chú ý cách diễn đạt sáng rõ, khúc chiết, linh hoạt.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Bạn hãy đọc lại bài viết và tự đánh giá theo bảng kiểm:

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu tác phẩm tự sự/ kịch (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...).		
	Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.		
Thân bài	Xác định chủ đề của tác phẩm.		
	Phân tích, đánh giá chủ đề của tác phẩm.		
	Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.		
	Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.		
	Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về tác phẩm.		
	Có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
Kết bài	Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của tác phẩm.		
	Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức tác phẩm.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Sắp xếp luận điểm (lí lẽ và bằng chứng) hợp lí.		
	Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng đúng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng được các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ.		



NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM TỰ SỰ HOẶC TÁC PHẨM KỊCH

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài là xác định tên tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch cụ thể mà bạn chọn để giới thiệu. Bạn có thể chọn giới thiệu tác phẩm mà mình đã thực hiện bài viết hoặc một tác phẩm khác.

• Các khâu **xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói**, bạn tiến hành như đã thực hiện ở Bài 1, Bài 6.

• Bước *tìm ý* của bài nói về cơ bản không khác với bước tìm ý cho bài viết. Tuy nhiên, với bài nói này, bạn cần ghi lại:

– Tên tác phẩm, tên tác giả, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.

– Một số ý về nhân vật, cốt truyện, chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm.

– Những biện pháp nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm và tác dụng của chúng.

– Nhận xét, đánh giá của bạn về tác phẩm.

• Bước *lập dàn ý*: thực hiện như khi lập dàn ý cho bài viết. Nếu đề tài trùng với đề tài bài viết, bạn có thể tận dụng dàn ý của bài viết. Tuy vậy, vẫn cần chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài nói với các thông tin chuẩn xác để sử dụng khi nói:

– Thông tin về tác phẩm, tác giả, bối cảnh,...

– Tóm tắt cốt truyện: mâu thuẫn, sự kiện gắn với các nhân vật chính, cách giải quyết mâu thuẫn.

– Nêu những điểm nổi bật về nghệ thuật: người kể chuyện, nhân vật, không gian, thời gian, ngôn ngữ, điểm nhìn,... (truyện ngắn, tiểu thuyết), tính xác thực của sự kiện, chi tiết (truyện kí, hồi kí, du kí,...), mâu thuẫn, xung đột, hành động, lời thoại (kịch),... kết hợp với một số bằng chứng tiêu biểu trong tác phẩm để chứng minh.

– Nêu một số nhận định quan trọng khi đánh giá, nhận xét về tác phẩm.

• Bước *luyện tập*: thực hiện như ở các bài trước.

Bước 2: Trình bày bài nói

Để tăng sức thuyết phục, truyền cảm và tương tác hiệu quả trong khi nói, bạn cần lưu ý:

• Trình bày rõ ràng, mạch lạc, từ tốn và tập trung nhấn mạnh vào những đánh giá về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm; nên triển khai luận điểm ý kiến từ khái quát đến cụ thể.

• Đưa ra lí lẽ và các bằng chứng tin cậy (trích dẫn từ văn bản).

• Sử dụng ngữ điệu linh hoạt, cử chỉ phù hợp, kết hợp sử dụng một số hình ảnh trực quan (nếu có).

• Di chuyển hợp lí trong không gian nói để có tương tác với người nghe, kết hợp tương tác bằng ánh mắt,...

Bước 3: Trao đổi và đánh giá

• **Trao đổi:** Tiến hành như đã thực hiện ở các bài trước.

• **Đánh giá:** Cần tự đánh giá kĩ năng nói và nghe của bạn trong cả vai trò người nói lẫn vai trò người nghe.

Chân trời sáng tạo

Trong vai trò người nói, bạn sử dụng các gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu tác phẩm tự sự/ kịch: tên tác phẩm, thể loại, tác giả (nếu có).		
	Nêu khái quát nội dung bài nói (có thể điểm qua các phần/ ý chính).		
Nội dung chính	Trình bày ý kiến đánh giá về chủ đề của tác phẩm.		
	Trình bày ý kiến đánh giá về nghệ thuật của tác phẩm.		
	Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.		
	Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận của người nói về tác phẩm.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

Trong vai trò người nghe, bạn sử dụng các gợi ý trong bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm kĩ năng nghe giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Dự kiến những điều cần trao đổi về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm tự sự/ kịch.		
	Đọc tác phẩm, tìm hiểu những tài liệu liên quan, chủ đề bài nói.		
	Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép.		

Lắng nghe và ghi chép	Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khoá, sơ đồ.		
	Ghi chép tóm tắt đánh giá của người nói về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.		
	Ghi lại câu hỏi liên quan đến nội dung và nghệ thuật của tác phẩm nảy sinh trong quá trình nghe.		
Trao đổi, nhận xét, đánh giá	Xác nhận lại quan điểm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân.		
	Khẳng định sự đồng tình với những ý kiến, quan điểm của người nói.		
	Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất ý kiến với người nói.		
	Nhận xét về cách trình bày bài nói.		
Thái độ và ngôn ngữ	Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá.		
	Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói.		

ÔN TẬP

1. Lập bảng đối chiếu chủ đề, thông điệp, tư tưởng, điểm nhìn trần thuật của các văn bản truyện đã đọc trong Bài 8 *Đất nước và con người*.
2. Nêu nhận xét của bạn về một nhân vật trong văn bản *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi) hoặc *Giang* (Bảo Ninh).
3. Cho biết tác dụng của thành phần chêm xen và thành phần liệt kê trong đoạn văn mà bạn đã viết ở mục *Từ đọc đến viết*.
4. Việc viết một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch có những điểm khác biệt đáng lưu ý nào so với việc viết một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình?
5. Bạn rút ra được kinh nghiệm gì trong việc trình bày bài giới thiệu, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch?
6. Các văn bản *Đất rừng phương Nam*, *Giang* và *Xuân về* gợi cho bạn những suy nghĩ và tình cảm gì đối với quê hương đất nước, con người Việt Nam?

BÀI 9

KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP VÀ TỰ DO

(VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản; nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả; vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội (qua văn bản và từ văn bản); nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.
- Nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.
- Viết được một bài luận về bản thân.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Chân trời sáng tạo

Mục đích và quan điểm của người viết trong văn bản nghị luận

Mỗi văn bản được viết ra đều nhằm một mục đích nhất định. *Mục đích của văn bản nghị luận* là thuyết phục người đọc về ý kiến, tư tưởng của người viết trước một vấn đề, hiện tượng trong đời sống.

Quan điểm của người viết là cách người viết nhìn nhận, đánh giá vấn đề, hiện tượng cần bàn luận; thể hiện ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối trước vấn đề, hiện tượng ấy.

Yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận

Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận biểu hiện qua những từ ngữ, hình ảnh, những câu văn có sức truyền cảm, truyền tải tình cảm, cảm xúc của người viết. Nhằm tăng sức thuyết phục, văn nghị luận cần sử dụng yếu tố biểu cảm để tác động vào tình cảm của người đọc. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận cần chân thực, đảm bảo sự mạch lạc, chặt chẽ của bài nghị luận.

Lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa

Tương tự như các câu trong một đoạn văn, các đoạn văn trong một văn bản cũng cần liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức. Ngoài những lỗi giống như lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn (xem *Tri thức tiếng Việt*, bài *Tạo lập thế giới*), trong văn bản còn có những lỗi khác như:

• *Lỗi không tách đoạn*

Các ý không được tách ra bằng cách chấm xuống dòng (dấu hiệu hình thức).

Ví dụ:

(1) Không gian và thời gian của thần thoại có những nét đặc biệt. (2) Không gian là thế giới đang trong quá trình tạo lập, không xác định nơi chốn cụ thể. (3) Thời gian mang tính cổ sơ, vĩnh hằng và không xác định. (4) Nhân vật thần thoại là các vị thần có hình dáng khổng lồ, sức mạnh phi thường để thực hiện công việc sáng tạo thế giới. (5) Các nhân vật này thường có tính cách đơn giản, một chiều.

Cách chỉnh sửa: Tách đoạn bắt đầu từ câu (4).

• *Lỗi tách đoạn tuỳ tiện*

Ví dụ:

(1) Dịch Covid-19 bùng phát khiến cho cuộc sống của những người nghèo càng thêm chật vật. (2) Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn này, đã có nhiều hành động thiết thực, ý nghĩa để chia sẻ gánh nặng với họ.

(3) Đó là sự xuất hiện của "cây ATM gạo", quán ăn từ thiện, điểm cấp phát khẩu trang và nước sát khuẩn miễn phí,... (4) Chưa bao giờ truyền thống "lá lành đùm lá rách" của dân tộc Việt Nam lại được thể hiện rõ như lúc này.

Cách chỉnh sửa: Không tách đoạn mà chỉ viết một đoạn, tức là viết câu (3) ngay sau câu (2).



ĐỌC

Độc lập, tự do là khát vọng chính đáng của mỗi đất nước, mỗi dân tộc, mỗi cá nhân. Trong bài học này, qua việc học các văn bản nghị luận, bạn sẽ hiểu thêm về những trang sử vẻ vang bảo vệ chủ quyền đất nước của dân tộc ta, giá trị của độc lập, tự do.

VĂN BẢN 1

HỊCH TƯỚNG SĨ

Trần Quốc Tuấn

Hịch là thể văn nghị luận thời trung đại, thường được vua chúa, tướng lĩnh, hoặc thủ lĩnh một phong trào viết để khích lệ, kêu gọi, thuyết phục mọi người đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.

Hịch tướng sĩ (Dụ chư tì tướng hịch văn) được Trần Quốc Tuấn viết vào trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần hai (1285).

Trước khi đọc

Bạn hãy sưu tầm tư liệu, hình ảnh, phim tài liệu, giai thoại,... để chia sẻ với các thành viên trong lớp về chủ đề:

1. *Hào khí Đông A*[1] của quân dân nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
2. Tài và đức của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.

Đọc văn bản

1. Ta thường nghe: Kỷ Tín[2] đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu[3] chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dự Nhượng[4] nuốt than báo thù cho chủ; Thân Khoái[5] chặt tay cứu nạn cho nước; Kính Đức[6] một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung; Cảo Khanh[7], một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!

---

[1] *Hào khí Đông A*: Đông A là chiết tự từ chữ Trần, hào khí Đông A là hào khí Đại Việt thời nhà Trần, một thời đại với nhiều thành tựu rực rỡ trong công cuộc giữ nước và dựng nước.

[2] *Kỷ Tín:* bầy tôi trung thành của Hán Cao Tổ (tức Lưu Bang, Trung Quốc). Khi Lưu Bang bị Hạng Vũ (vua nước Sở) vây bắt, Kỷ Tín giả làm Lưu Bang ra hàng, bị Hạng Vũ giết. Lưu Bang nhờ thế mà thoát nạn.

[3] *Do Vu:* một viên tướng của Sở Chiêu Vương (thời Xuân Thu). Sở Chiêu Vương lánh nạn, ở trọ, bị kẻ cướp đâm, Do Vu đã đưa lưng đỡ mũi giáo cứu Chiêu Vương thoát chết.

[4] *Dự Nhượng:* người đời Tần (thời Chiến Quốc), gia thần của Trí Bá. Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dự Nhượng nuốt than cho khác giọng, giả làm người hủi, mưu giết Tương Tử báo thù cho chủ. Điển tích Dự Nhượng thường được nêu làm tấm gương về lòng tận trung của kẻ bề tôi quyết tâm báo thù cho chủ.

[5] *Thân Khoái:* viên quan giữ ao cá của Tề Trang Công (thời Xuân Thu). Khi Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái chặt tay bày tỏ lòng trung thành rồi chết theo chủ.

[6] *Kính Đức:* tức Uất Trì Cung, viên tướng phò tá Đường Thái Tông (thời Sơ Đường). Khi Đường Thái Tông (lúc còn là Tần Vương) bị Vương Thế Sung vây, Kính Đức đã lấy mình che chở cho Thái Tông thoát nạn.

[7] *Cảo Khanh:* tức Nhan Cảo Khanh, làm chức Thái thú dưới đời Đường Huyền Tông. Khi An Lộc Sơn làm loạn, Nhan Cảo Khanh dấy binh đánh lại. Bị bắt, ông không chịu hàng mà chửi mắng An Lộc Sơn, dù bị cắt lưỡi vẫn không sợ.

Các ngươi con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi những chuyện xa xưa, ta không nói đến nữa. Nay ta chỉ kể chuyện Tống, Nguyên mới đây.

Vương Công Kiên là người thế nào, tì tướng của ông là Nguyễn Văn Lập lại là người thế nào, mà giữ thành Điếu Ngư nhỏ như cái đấu, đường đường chống với quân Mông Kha đông đến hàng trăm vạn, khiến cho nhân dân đời Tống đến nay còn đội ơn sâu![1]

Cốt Đãi Ngột Lang[2] là người thế nào, tì tướng của ông là Xích Tu Tư[3] lại là người thế nào, mà xông vào chỗ lam chướng[4] xa xôi nghìn trùng, đánh bại được quân Nam Chiếu[5] trong vài tuần, khiến cho quân trưởng[6] đời Nguyên đến nay còn lưu tiếng tốt! 1

Suy luận

1 Những nhân vật lịch sử được nêu ở phần 1 có điểm gì chung?

2. Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ[7], thác mệnh Hốt Tất Liệt[8] mà đòi ngọc lụa, để thoả lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương[9] mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau!

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa[10], ta cũng vui lòng. 2

Suy luận

2 Trong phần 2, tác giả đã sử dụng từ ngữ, hình ảnh, câu văn nào để bày tỏ tình cảm của bản thân?

3. Các ngươi ở cùng ta coi giữ binh quyền lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng; đi thuỷ thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa; lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì.

---

[1] Đời Tống, Vương Công Kiên cùng tì tướng là Nguyễn Văn Lập đóng giữ thành Điếu Ngư (ở Tứ Xuyên, Trung Quốc); tướng Mông Kha (Mông Cổ) đem quân tới đánh, bốn tháng không hạ được thành, phải rút lui.

[2] *Cốt Đãi Ngột Lang:* một tướng giỏi của Mông Cổ, từng đem quân đi đánh Nam Chiếu.

[3] *Xích Tu Tư:* tướng Mông Cổ.

[4] *Lam chướng:* khí độc bốc lên ở vùng rừng núi khiến người dễ sinh bệnh.

[5] *Nam Chiếu:* một nước nhỏ ở vào khoảng giữa hai tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam, Trung Quốc.

[6] *Quân trưởng:* chức quan trên ở trong quân đội.

[7] *Tể phụ:* bậc quan đầu triều, giúp vua trị nước. Ở đây muốn nhắc đến sự việc Sài Thung (Lễ bộ thượng thư nhà Nguyên) sang sứ nước ta, nghênh ngang cưỡi ngựa đi qua cửa Dương Minh (chỉ dành cho vua đi) thẳng vào đại điện; khi Thái sư Trần Quang Khải đến gặp, y không thèm tiếp.

[8] *Hốt Tất Liệt:* tức Nguyên Thế Tổ.

[9] *Vân Nam Vương:* tước hiệu của Thoát Hoan, con thứ chín của Hốt Tất Liệt, trực tiếp cầm đầu quân Mông – Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ hai.

[10] *Nghìn xác này gói trong da ngựa:* mượn ý câu nói của Mã Viện đời Hán chép trong sách *Sử kí*: "Thân nam nhi phải chết ở nơi biên dã, lấy da ngựa bọc thây đem về"; ý nói làm trai phải xả thân nơi chiến trường vì nghĩa lớn.

Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức; nghe nhạc thái thường[1] để đãi yến nguỵ sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển; hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con; hoặc lo làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh; hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát[2] tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý hơn nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bìu con díu, việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khoẻ khôn đuổi được quân thù; chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những thái ấp[3] của ta không còn, mà bổng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tiếng xấu còn lưu, mà đến gia thanh[4] các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được không?

Nay ta bảo thật các ngươi: nên nhớ câu "đặt mồi lửa vào dưới đống củi"[5] là nguy cơ, nên lấy câu "kiềng canh nóng mà thổi rau nguội"[6] làm răn sợ. Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên; khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ[7]; có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết[8], làm rữa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai[9]. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền, mà bổng lộc các người cũng đời đời hưởng thụ; chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn, mà vợ con các ngươi cũng được bách niên giai lão; chẳng những tông miếu của ta sẽ được muôn đời tế lễ, mà tổ tông các ngươi cũng được thờ cúng quanh năm; chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà đến các ngươi trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền; chẳng những danh hiệu ta không bị mai một, mà tên họ các ngươi cũng sử sách lưu thơm. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi không muốn vui vẻ phỏng có được không? 3

Suy luận

3 Giọng điệu ở phần 3 là người trên nói với kẻ dưới hay là lời người đồng cảnh ngộ?

---

[1] *Nhạc thái thường:* nhạc của triều đình trong những dịp tế lễ quan trọng ở tông miếu. Bấy giờ, trong những buổi yến tiệc tiếp sứ giặc, triều đình nhà Trần phải dùng đến nhạc thái thường để giúp vui, Trần Quốc Tuấn coi đó là điều nhục nhã.

[2] *Giặc Mông Thát:* chỉ quân Nguyên.

[3] *Thái ấp:* phần đất vua ban cho quý tộc.

[4] *Gia thanh:* thanh danh của một dòng họ.

[5] *Đặt mồi lửa vào dưới đống củi:* ý nói phải cảnh giác như nằm trên đống củi mà có mồi lửa ở dưới (lấy ý một câu văn của *Hán thư*).

[6] *Kiềng canh nóng mà thổi rau nguội:* theo một câu của *Sở từ*, ý nói: người từng bị bỏng vì canh nóng, trong lòng e sợ, gặp rau nguội cũng lấy miệng thổi. Ở đây, Trần Quốc Tuấn mượn điển tích này để phê phán sự hèn nhát, sợ hãi đến mất tỉnh táo.

[7] *Bàng Mông, Hậu Nghệ:* hai nhân vật bắn cung rất giỏi trong thần thoại Trung Quốc.

[8] *Cửa khuyết:* cửa lớn ở cung đình.

[9] *Cảo Nhai:* nơi trú ngụ của các vua chư hầu khi vào chầu vua Hán ở Trường An, Trung Quốc.

4. Nay ta chọn binh pháp các nhà họp làm một quyển gọi là *Binh thư yếu lược*[1]. Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ[2]; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây sau khi giặc dã dẹp yên, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa? Ta viết ra bài hịch này để các ngươi biết bụng ta.

(Theo bản dịch trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỉ X – thế kỉ XVII*, in lần thứ hai, NXB Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 131 – 335)

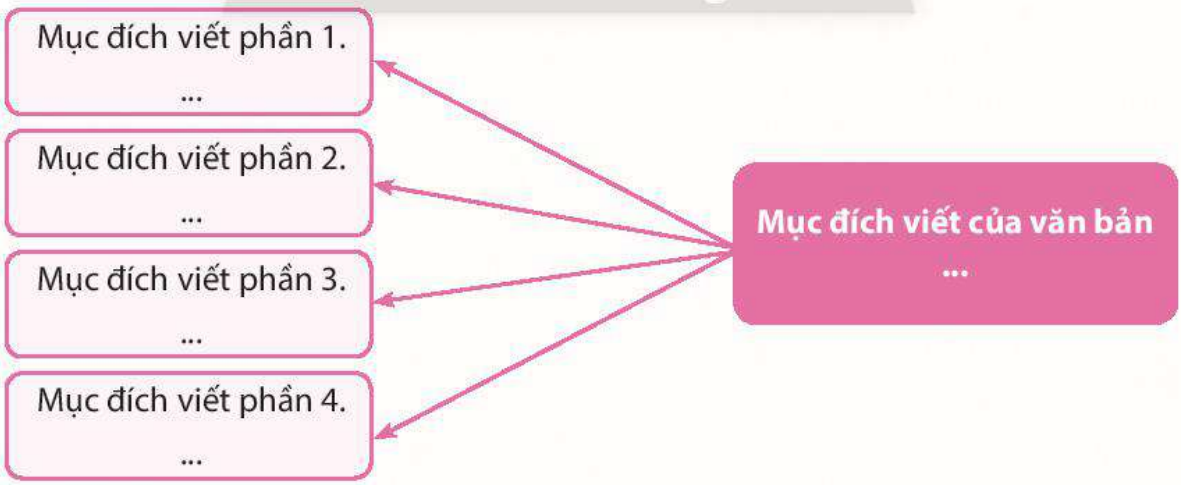
Sau khi đọc

1. Tóm tắt các phần của *Hịch tướng sĩ* và chỉ ra hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản theo mẫu sau (làm vào vở):

TT	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
1	...	...
2	...	...
3	...	...
4	...	...

2. Chỉ ra một số yếu tố biểu cảm được sử dụng trong văn bản *Hịch tướng sĩ* (chú ý đến giọng văn, hình ảnh so sánh, ẩn dụ, cấu trúc điệp, tương phản,...). Theo bạn, các yếu tố biểu cảm này có tác dụng gì?

3. Hãy chỉ ra mục đích viết của từng phần và mục đích viết của văn bản theo sơ đồ sau (làm vào vở):



[1] *Binh thư yếu lược:* những điều cốt yếu nhất trong binh thư, bộ sách do Trần Quốc Tuấn biên soạn về binh pháp, nhằm mục đích chống giặc ngoại xâm.

[2] *Đạo thần chủ:* đạo nghĩa giữa gia tướng, gia nô (thần) với lãnh chúa (chủ).

Chân trời sáng tạo

4. Cách sắp xếp các luận điểm có tác dụng như thế nào trong việc thực hiện mục đích của văn bản *Hịch tướng sĩ*?

5. Qua văn bản, Trần Quốc Tuấn đã thể hiện quan điểm như thế nào về trách nhiệm của các tướng sĩ với đất nước trong việc chống quân Mông – Nguyên xâm lược?

6. Theo bạn, *hào khí Đông A* đã thể hiện như thế nào trong văn bản *Hịch tướng sĩ*?

7. Văn bản *Hịch tướng sĩ* gợi cho bạn suy nghĩ gì về tình yêu nước? Hãy thực hiện một sản phẩm sáng tạo (tranh minh hoạ, áp phích, clip ngắn,...) để thể hiện suy nghĩ của mình.

Trần Quốc Tuấn (1231? – 1300), tước Hưng Đạo Đại Vương, là một danh tướng kiệt xuất thời nhà Trần. Khi quân Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (năm 1285) và lần thứ ba (năm 1287), Trần Hưng Đạo được Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh các đạo quân và đều thắng lợi vẻ vang. Ông được nhân dân tôn thờ là Đức Thánh Trần, lập đền thờ ở nhiều nơi trên đất nước.

Một số tác phẩm của ông là *Hịch tướng sĩ*, *Binh thư yếu lược*.

VĂN BẢN 2

NAM QUỐC SƠN HÀ[1] – BÀI THƠ THẦN[2] KHẲNG ĐỊNH CHÂN LÍ ĐỘC LẬP CỦA ĐẤT NƯỚC[3]

Theo **Nguyễn Hữu Sơn**

Trước khi đọc

Ghi lại những suy nghĩ, cảm nhận của bạn về bài thơ *Nam quốc sơn hà*.

Chân trời sáng tạo

---

[1] *Nam quốc sơn hà*: bài thơ thất ngôn tứ tuyệt viết bằng chữ Hán, tương truyền của Lý Thường Kiệt, dân gian tin rằng bài thơ này do thần linh đọc để giúp Lý Thường Kiệt chống quân Tống.

Phiên âm:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Dịch thơ:

Sông núi nước Nam vua Nam ở,
Vằng vặc sách trời chia xứ sở.
Giặc dữ cớ sao phạm đến đây,
Chúng mày nhất định phải tan vỡ.

(Bản dịch của Lê Thước và Nam Trân, in trong *Ngữ văn 7*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2014, tr.63)

[2] *Bài thơ Thần*: theo quan niệm của người xưa, đó là bài thơ do thần sáng tác nhưng theo kiến giải của các nhà nghiên cứu thực chất đó là bài thơ do trí thức đương thời viết ra, lưu truyền, chỉnh sửa rồi đưa vào các huyền thoại, huyền sử, truyền thuyết,...

[3] Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

Đọc văn bản

Chân lí độc lập chủ quyền của đất nước đã được tác giả khẳng định từ đầu bài thơ. Ngay từ câu thơ mở đầu, người đọc đã bắt gặp tiếng nói khẳng định sông núi nước Nam là "vua Nam ở" (Nam đế cư). Trong chữ Hán, chữ "đế" và chữ "vương" đều dịch là "vua", đều là đại diện cho nước cho dân. Tuy nhiên "đế" bao giờ cũng cao hơn "vương". Trong xã hội phong kiến Trung Hoa thường tồn tại vị hoàng đế có uy quyền tuyệt đối trong một triều đại chính thống, còn lại người đứng đầu các nước nhỏ yếu bốn phương nếu quy phục sẽ được phong vương. Tại Việt Nam dưới thời Bắc thuộc, ngay cả thủ lĩnh các cuộc khởi nghĩa cũng chỉ gắn với chữ "vương" như "Trưng Nữ Vương" (Trưng Trắc – Trưng Nhị), "Triệu Việt Vương" (Triệu Quang Phục), Bố Cái Đại Vương (Phùng Hưng) "Tiền Ngô Vương" (Ngô Quyền). [...] Rõ ràng với sự trưởng thành của ý thức dân tộc và quyền độc lập dân tộc, câu thơ đã nhấn mạnh việc nước Nam có quyền tự chủ, có hoàng đế riêng, khác biệt với người phương Bắc. Cần lưu ý thêm, các triều đại ở Việt Nam về sau này vẫn tôn vinh ngôi "đế" nhưng trong chiếu biểu, thư từ với nước lớn lại vẫn xưng "vương", thực hiện kế sách ngoại giao mềm dẻo nhằm tới mục đích "hàng phục giả vờ, độc lập thật".

Theo dõi

Xác định những câu văn cho thấy tác giả đã liên hệ với bối cảnh văn hoá, xã hội để hiểu câu thơ sâu sắc hơn.

Câu thơ thứ hai tiếp tục khẳng định quyền độc lập và tính chất chính nghĩa của việc phân chia lãnh thổ. Mỗi quốc gia, dân tộc tồn tại và phát triển đều có cội nguồn truyền thống và mang tính quy luật tất yếu. Cách nói "định phận tại thiên thư" (định phận tại sách trời) của người xưa thể hiện nhận thức chung về sự phân định rõ ràng, dứt khoát về bờ cõi nước Nam phải là của người Nam. Trên thực tế, không thể có một thứ "sách trời" nào nhưng cách hiểu, cách nói mang tính biểu tượng này thể hiện được chân lí về quyền được sống của mỗi dân tộc. Cùng với câu mở đầu, cả hai câu thơ tạo nên sự hô ứng và đều hướng tới khẳng định bờ cõi núi sông riêng, khẳng định truyền thống văn hiến dân tộc, khẳng định chân lí tồn tại vĩnh hằng của cả một quốc gia, đất nước.

Tiếp đến câu thơ thứ ba nêu lên hiện tượng, sự việc "nghịch lỗ lai xâm phạm" (kẻ thù lại dám đến xâm phạm), trong đó chỉ rõ sự đối lập, đối nghịch của loại người bị coi là "kẻ thù", xác định rõ dã tâm và mục đích của hành vi xâm lấn, xâm lược, xâm phạm,... Điều này như được nhấn mạnh bởi câu thơ mở đầu bằng ngữ khí[1] phản vấn[2], đặt câu hỏi "Như hà" (Có sao?...), chỉ rõ sự phi lí, phi nghĩa của ngoại bang, đồng thời gián tiếp khẳng định thế đứng và tính chất chính nghĩa của vua tôi nước Nam trong cuộc chiến đấu chống kẻ xâm lược. Câu thơ cũng có ý nghĩa khơi gợi tinh thần yêu nước, chỉ cho người nghe, người đọc hiểu được hành động ngang ngược của quân giặc và liên hệ đến ý thức trách nhiệm của mỗi người trước hiện tình[3] đất nước.

---

[1] *Ngữ khí*: âm hưởng ngôn từ thể hiện khí chất, khí khái của người nói (người viết).

[2] *Phản vấn*: hỏi ngược lại.

[3] *Hiện tình*: tình hình hiện tại.

Câu kết của bài thơ vang lên như một lời cảnh báo, lời hiệu triệu, lời tiên tri khẳng định quân ta nhất định thắng, quân giặc nhất định thua. Cách ứng đối, cách gọi quân giặc là "nhữ đẳng" (bọn chúng bay, chúng mày,...) bộc lộ thái độ khinh khi, căm thù không đội trời chung, phân biệt rạch ròi giữa hai chiến tuyến ta và kẻ xâm lược. Một kết cuộc tất yếu sẽ đến, sẽ xảy ra. Kẻ nuôi tham vọng xâm lược sẽ phải trả giá, gieo gió phải gặt bão, phải chứng kiến và chấp nhận chuốc lấy bại vong "thủ bại hư" (nhận lấy sự thất bại tan tành)... Như vậy, nếu câu thơ thứ ba xác định chủ thể xâm lược là "nghịch lỗ" (quân giặc) thì đến câu kết, chính bọn chúng lại trở thành đối tượng của quá trình thất bại, vừa là kẻ gây xâm lược vừa là kẻ bại trận, chấp nhận bại vong hứng chịu hậu quả "bại hư" do chúng gây nên.

Bài thơ *Nam quốc sơn hà* thuộc hệ thống thơ Đường luật, thể thơ tứ tuyệt. Với niêm luật chặt chẽ, các câu một, hai, bốn hiệp vần thanh bằng với nhau ở chữ cuối ("cư", "thư", "hư") đã tạo nên một âm hưởng hùng tráng, giọng thơ đanh thép. Đặt trong tương quan chung, hai câu đầu thiên về tiếng nói khái quát, tiếng nói khẳng định quyền độc lập dân tộc; hai câu thơ sau thiên về phản ánh hiện tình đất nước và lời cảnh báo, cảnh cáo của cả một dân tộc trước giặc ngoại xâm. Bài thơ, vì thế, xứng đáng được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, vừa khẳng định chủ quyền về cương giới, lãnh thổ vừa thể hiện ý chí bảo vệ toàn vẹn nền độc lập, tự chủ và quyết tâm đánh tan mọi kẻ thù xâm lược.

(In trong *Giảng văn Văn học Việt Nam Trung học cơ sở*,
NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010, tr. 142 – 146)

Sau khi đọc

1. Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của văn bản trên dựa vào bảng sau (làm vào vở):

Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
Luận điểm 1: ...	...
Luận điểm 2: ...	...
Luận điểm ...	...

2. Văn bản trên được viết ra nhằm mục đích gì? Tác giả đã thể hiện quan điểm như thế nào khi bàn về bài thơ *Nam quốc sơn hà*?
3. Các luận điểm trong văn bản được sắp xếp theo trình tự nào? Cách sắp xếp ấy có tác dụng gì?
4. Ở đoạn văn đầu tiên, tác giả đề cập đến sự phân biệt "đế" và "vương" trong xã hội phong kiến Trung Hoa nhằm mục đích gì?
5. Tác giả cho rằng bài thơ *Nam quốc sơn hà* "xứng đáng được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc". Bạn có đồng ý với ý kiến này hay không? Vì sao?

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ĐẤT NƯỚC

(Trích)

Nguyễn Đình Thi

Đọc văn bản

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may[1]
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

(In trong tập *Tia nắng*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983, tr. 33 – 35)

[1] *Hơi may*: hơi của gió heo may, loại gió lạnh và khô, thổi vào mùa thu.

Chân trời sáng tạo

Sau khi đọc

1. Không gian của "những ngày thu đã xa" được tái hiện qua những hình ảnh nào trong văn bản trên? Hãy ghi lại những hình dung, tưởng tượng mà các hình ảnh thơ ấy gợi ra cho bạn.
2. Hình ảnh "mùa thu nay" khác gì với "những ngày thu đã xa"? Theo bạn, điều gì làm nên sự khác biệt đó?
3. Xác định và nêu hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa

4. Đọc lại bốn dòng cuối của đoạn trích và cho biết: tiếng của "những buổi ngày xưa vọng nói về" gửi gắm thông điệp gì đến chúng ta?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra và nêu cách sửa lỗi không tách đoạn và lỗi tách đoạn tuỳ tiện trong các trường hợp dưới đây:

a.

Xuân Diệu quan niệm thời gian, mùa xuân, tuổi trẻ là một đi không trở lại.

Vì thế, ông luôn lo âu khi thời gian trôi mau, bởi mỗi khắc trôi qua sẽ mất đi vĩnh viễn. Cách sử dụng các cặp từ ngữ đối lập, tương phản "tới – qua", "non – già" đã cho thấy sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước bước đi của thời gian, khẳng định cho quan niệm thời gian đặc sắc, mới mẻ của ông. Dưới lăng kính rất riêng của mình, Xuân Diệu nhìn thấy cái kết thúc ngay từ khi mới bắt đầu, sự tàn tạ ngay trong sự phôi thai. Đối diện với sự thật hiển nhiên rằng xuân sẽ qua, sẽ già, sẽ hết và tuổi trẻ cũng mất, Xuân Diệu không khỏi thảng thốt viết nên những câu thơ ngậm ngùi, nghẹn ngào đầy nuối tiếc: "Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật". "Lòng tôi" và "lượng trời" vốn là hai thái cực tương phản của cái hữu hạn và vô hạn, nay cái hữu hạn được đẩy lên làm trung tâm càng khiến cho tâm trạng tiếc nuối trước cuộc đời của nhà thơ được tô đậm.

b.

Cái dữ dội, nguy hiểm của dòng sông còn được nhà văn tạo hình ở đoạn miêu tả mặt ghềnh Hát Loóng. Bằng kiến thức địa lí sâu rộng, vốn từ ngữ phong phú, Nguyễn Tuân đã tái hiện thành công vẻ đẹp hung bạo của dòng sông: "Lại như quãng mặt ghềnh… lật ngửa bụng thuyền ra". Câu văn trải dài, chia làm nhiều vế ngắn, có sự trùng điệp về cấu trúc tạo nên nhịp nhanh, mạnh, gấp gáp để diễn tả phản ứng dây chuyền giữa sóng, gió, nước và đá, chứa đựng đầy sự hiểm nguy. Sự nguy hiểm còn thể hiện qua những cái hút nước trên sông với âm thanh ghê rợn "ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào". Âm thanh ấy vừa dữ dội, vừa kì quái như phát ra từ cổ họng của một con quái vật. Trường liên tưởng được đẩy đến giới hạn xa nhất khi Nguyễn Tuân vẽ ra cảnh một anh bạn quay phim táo tợn ngồi vào thuyền thúng để thả mình vào cái hút nước xoáy kinh dị ấy.

2. Chỉ ra lỗi về mạch lạc trong trường hợp dưới đây và nêu cách sửa:

Ở dạng nguyên chất, nước không màu, không mùi, không vị. Nước bao phủ 70% diện tích trái đất. Vì thế, phải chăng chúng ta có thể thoải mái sử dụng nước mà không lo chúng bị cạn kiệt không? Đừng vội mừng, chỉ có 0.3% tổng lượng nước trên trái đất là con người có thể dùng được, phần còn lại là nước mặn ở các đại dương. Vậy, chúng ta cần phải sử dụng như thế nào để bảo vệ nguồn nước ít ỏi và quý giá này?

Vì nước là thứ quý hiếm nhất hành tinh nên nhiều quốc gia đang xung đột với nhau khi cùng sử dụng những "con sông chung" như sông Mê Kông (Mekong), sông Ấn, sông A-ma-dôn (Amazon),... Khi những bất đồng về việc chia sẻ nguồn nước giữa các quốc gia không được giải quyết thoả đáng bằng biện pháp hoà bình thì rất có thể sẽ xảy ra chiến tranh. Chẳng hạn, lịch sử đã ghi lại cuộc chiến dai dẳng giữa người I-xra-en (Israel) và người Pa-lét-xơ-tin (Palestine) được cho là một phần do tranh giành nguồn nước.

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Bạn hãy sưu tầm 5 hình ảnh về chủ đề *Tuổi trẻ và đất nước*, viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) giới thiệu những hình ảnh ấy đến các bạn trong lớp. Hãy chỉ ra sự mạch lạc và liên kết trong đoạn văn của bạn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

TÔI CÓ MỘT GIẤC MƠ

(Trích)

Mác-tin Lu-thơ Kinh



Hình: *Mác-tin Lu-thơ Kinh (Martin Luther King) đọc bài diễn thuyết "Tôi có một giấc mơ"*[1] *tại Đài tưởng niệm Lin-cơn ngày 28-8-1963*

(Nguồn: Bốp A-đen-man (Bob Adelman))

[1] *Bối cảnh sáng tác văn bản*: Vào ngày 28-8-1963, tác giả Mác-tin Lu-thơ Kinh đã tham gia tổ chức cuộc tuần hành tại Oa-sinh-tơn (Washington) với hơn 20 000 người tham gia. Cuộc tuần hành nhằm mục đích kêu gọi thông qua *Đạo luật Dân quyền* năm 1964 – đạo luật công nhận quyền bình đẳng cho người da đen. Tác giả Mác-tin Lu-thơ Kinh đọc bài diễn thuyết này trong cuộc tuần hành, dưới Đài Tưởng niệm Tổng thống Áp-ra-ham Lin-cơn (Abraham Lincoln) tại Oa-sinh-tơn, Mỹ.

Tôi vui mừng được sát cánh bên các bạn ngày hôm nay, trong một sự kiện mà lịch sử sẽ ghi nhận là cuộc tuần hành vì tự do vĩ đại nhất trong lịch sử đất nước chúng ta.

Một trăm năm trước, một người Mỹ vĩ đại mà ngày hôm nay chúng ta đang đứng dưới bóng tượng đài của Người, đã kí bản *Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ*[1]. Văn kiện trọng đại này đã xuất hiện như một ngọn đuốc hi vọng soi đường cho hàng triệu nô lệ da đen, những con người bị thiêu đốt trong lò lửa của bất công, bạo tàn. Văn kiện ấy đã đến như ánh bình minh rực rỡ kết thúc đêm trường tù ngục.

Nhưng rồi, một trăm năm sau, người da đen vẫn chưa được tự do. Một trăm năm sau, cuộc sống của người da đen vẫn còn bị thít chặt trong gông cùm của luật cách li[2] và xiềng xích của óc kì thị. Một trăm năm sau, người da đen vẫn phải sống trong một hoang đảo nghèo đói giữa đại dương bao la của sự phồn thịnh vật chất. Một trăm năm sau, người da đen vẫn phải sống mòn trong những góc khuất của xã hội Mỹ và thấy mình chỉ là kẻ lưu vong ngay trên quê hương mình. Chính vì thế nên ngày hôm nay chúng ta đến đây để quyết liệt lên tiếng về thảm trạng này. [...]

Ngọn lửa mùa hè mang bao căm phẫn chính đáng của người da đen sẽ không bao giờ tắt nguội nếu như làn gió mùa thu của tự do và công bằng không thổi tới. Năm 1963 không phải là một kết cục, mà là một khởi đầu. Nước Mỹ sẽ không có bình an, sẽ không có yên tĩnh, nếu như người da đen chưa giành được quyền công dân. Bão lốc của những cuộc nổi dậy sẽ vẫn tiếp tục rung chuyển nền móng quốc gia cho đến khi nào mặt trời công lí trỗi dậy.

Nhưng có một điều mà tôi phải nói với những đồng chí của tôi, những con người đang đứng trước ngưỡng cửa của lâu đài công lí. Trong quá trình chiến đấu giành lấy lại địa vị xứng đáng của mình, chúng ta không được phép hành động sai lầm. Đừng làm dịu cơn khát tự do của mình bằng cách uống li oán hận và thù hằn. Cuộc đấu tranh của chúng ta bao giờ cũng phải dựa trên nền tảng cao quý của nhân phẩm và kỉ cương. Chúng ta không được để cho cuộc phản kháng đầy sáng tạo của chúng ta sa vào bạo loạn. Qua từng buổi tuần hành, chúng ta sẽ phải tự nâng bản thân lên đến tầm cao mới, để đáp trả sức mạnh bạo lực bằng sức mạnh tâm hồn. Tinh thần chiến đấu quật cường mới vừa trào sôi trong cộng đồng người da đen không được đẩy chúng ta đến chỗ ngờ vực tất cả người da trắng, bởi lẽ, như ta thấy đang hiện diện ở đây hôm nay, có rất nhiều người anh em da trắng đã nhận ra rằng vận mệnh của họ gắn liền với vận mệnh của chúng ta, rằng tự do của họ không thể tách rời với tự do của chúng ta. Chúng ta không thể bước đi một mình.

---

[1] *Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ*: văn bản hành pháp do Tổng thống Áp-ra-ham Lin-cơn ban hành lần đầu ngày 22-9-1862, tuyên bố trả tự do cho tất cả nô lệ da đen thuộc các bang miền Nam ở Mỹ.

[2] *Luật cách li*: đạo luật quy định người da đen phải ở trong những khu nhà ở riêng, làm việc ở các cơ sở riêng và sử dụng các dịch vụ giáo dục, y tế, vận chuyển riêng so với người da trắng.

Và khi bước đi, chúng ta phải đảm bảo rằng mình luôn tiến về phía trước. Chúng ta không thể quay lại vị trí cũ. Đã có những câu hỏi đặt ra cho những người đấu tranh đòi bình đẳng: "Đến bao giờ các người mới hài lòng?". Chúng ta sẽ không bao giờ hài lòng một khi người da đen vẫn còn là những nạn nhân câm lặng của vấn nạn bạo lực từ cảnh sát. Chúng ta sẽ không bao giờ hài lòng một khi, sau chặng đường dài mệt mỏi, ta vẫn không thể tìm được chốn nghỉ chân trong quán trọ ven xa lộ hay khách sạn trong thành phố. Chúng ta sẽ không hài lòng khi nào con cái chúng ta bị tước đoạt nhân phẩm và lòng tự trọng bởi những tấm biển đề "Chỉ dành cho người da trắng". Chúng ta sẽ không bao giờ hài lòng khi người da đen ở Mi-xi-xi-pi[1] không có quyền bầu cử, khi người da đen ở Niu Oóc (New York), tin rằng có đi bầu cũng chẳng để làm gì[2]. Không, không, chúng ta không hài lòng, và chúng ta sẽ không hài lòng cho đến khi nào "mưa công lí tuôn rơi cùng với dòng sông của chính nghĩa"[3].[...]

Đừng bao giờ rơi vào vực sâu tuyệt vọng. Các bạn của tôi, hôm nay tôi xin chia sẻ với các bạn rằng, mặc dù chúng ta vẫn đang phải đối mặt với bao khó khăn của hiện tại và tương lai, tôi vẫn có một giấc mơ. Đó là một giấc mơ bắt nguồn sâu thẳm từ trong giấc mơ của nước Mỹ[4].

Tôi mơ rằng một ngày nào đó, đất nước của chúng ta sẽ trỗi dậy và sống chân thực với niềm tin của mình: "Chúng tôi coi sự thật này là điều hiển nhiên: rằng tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng"[5].

Tôi mơ rằng một ngày nào đó, trên những ngọn đồi đất đỏ ở Gioóc-giơ[6], con cái của những nô lệ ngày xưa cùng con cái của những chủ nô ngày xưa sẽ ngồi bên nhau trong tình anh em bằng hữu.

Tôi mơ rằng một ngày nào đó, ngay cả bang Mi-xi-xi-pi, nơi dồn nén hầm hập bao sức nóng của bất công và áp bức, rồi cũng sẽ chuyển mình thành một ốc đảo của tự do và công bằng.

Tôi mơ rằng bốn đứa con nhỏ của tôi, một ngày nào đó, sẽ được sống ở một đất nước nơi người ta không phán xét chúng bằng màu da, mà phán xét bằng nhân cách của chúng.

Ngày hôm nay, tôi có một giấc mơ. [...]

(Trích *Những bài diễn văn bất tử: những bài diễn văn vĩ đại của những người vĩ đại*, Hat-sơ-va-han Đớt-tơ (Harshvardhan Dutt), NXB Iu-ni-con Búc-xơ (Unicorn Books), Niu Đê-li (New Delhi), 2007, bản dịch của Phạm Ngọc Lan.
Nguồn: Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến, số 7 (4), 2021, tr. 142 – 148)

---

[1] *Mi-xi-xi-pi* (Mississippi): một bang miền Nam nước Mỹ, nơi các đạo luật phân biệt chủng tộc được thực thi gay gắt.

[2] Mặc dù ở Niu Oóc người da đen được quyền đi bầu, nhưng không có đại biểu nào đại diện cho người da đen.

[3] Trích *Kinh Thánh*, bản in của Mỹ.

[4] *Giấc mơ của nước Mỹ*: niềm tin rằng nước Mỹ luôn tạo ra cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người, bất kể xuất thân, hoàn cảnh, địa vị xã hội,... Đây là niềm tin quan trọng, có ảnh hưởng sâu rộng đến người dân Mỹ.

[5] Trích *Tuyên ngôn Độc lập Mỹ*, được Quốc hội Mỹ ban hành ngày 4-7-1776.

[6] *Những ngọn đồi đất đỏ ở Gioóc-giơ (Georgia)*: vùng đồi đất đỏ ở bang Gioóc-giơ, miền Nam nước Mỹ, là nơi tập trung nhiều đồn điền trồng bông lớn của các điền chủ da trắng trước khi nổ ra Nội chiến Nam – Bắc Mỹ (1861 – 1865).

Hướng dẫn đọc

1. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì? Quan điểm của Mác-tin Lu-thơ Kinh là gì?
2. Xác định các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tác giả nêu trong văn bản và vẽ sơ đồ chỉ ra mối liên hệ giữa các yếu tố ấy.
3. Có thể thay đổi trật tự các luận điểm trong văn bản trên được không? Từ đó, bạn hãy nhận xét về cách sắp xếp luận điểm trong văn bản.
4. Bạn hãy tìm hiểu thêm về "giấc mơ của nước Mỹ". Từ đó, hãy lí giải nguyên nhân tác giả chọn "Tôi có một giấc mơ" làm ý tưởng chủ đạo xuyên suốt văn bản.
5. Bạn hãy xác định và phân tích vai trò của một số yếu tố biểu cảm được sử dụng trong văn bản.

❋ **Bài tập sáng tạo:** Chỉ ra một số điểm giống nhau, khác nhau về bối cảnh ra đời các bản "tuyên ngôn độc lập" trong văn học Việt Nam: *Nam quốc sơn hà* (tương truyền của Lý Thường Kiệt), *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi).



VIẾT

VIẾT BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN

Kiểu bài:

Bài luận về bản thân là kiểu bài người viết sử dụng lí lẽ và bằng chứng để trình bày những đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của mình (tính cách, đam mê, quan điểm sống,...), nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn về mình, đồng tình với hành động, giải pháp của mình.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Người viết trình bày được đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân.
- Bài viết đưa ra được những bằng chứng để làm rõ cho những đặc điểm của bản thân.
- Các thông tin đưa ra trong bài viết cần xác thực, đáng tin cậy.
- Bài viết có thể triển khai theo bố cục:

Mở bài: giới thiệu đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân.

Thân bài: giới thiệu khái quát thông tin về bản thân; phân tích các đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân; đưa ra những bằng chứng để làm rõ cho những đặc điểm ấy. Các ý được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

Kết bài: khẳng định lại các đặc điểm của bản thân; nêu một thông điệp có ý nghĩa.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Bài luận về đam mê của bản thân

Gắn bó với con chữ từ ngày đầu tập đọc, học viết, tôi đã say sưa với những câu chuyện cổ tích, nhiều lần được cùng khóc cùng cười trong thế giới văn chương, từ những bài học bổ ích về giá trị sống trong cuộc hành trình của Rê-mi (Remi) trong *Không gia đình* đến những trang văn dữ dội của một "thế hệ mất mát" với Hê-minh-uây (Hemingway), Gat-xơ-bi (Gatsby),... Những trải nghiệm trong thế giới văn chương đã thắp lên trong tôi niềm đam mê văn học và gợi ra cho tôi những ý tưởng thực hiện những kế hoạch đưa văn học gần hơn với cuộc sống [1]. Tôi tên là N.Đ.L.T, mười lăm tuổi, hiện đang học tại trường L.H.P. Như các nội dung đã nêu trong hồ sơ đính kèm, tôi đã theo đuổi niềm đam mê văn chương từ khi học Trung học cơ sở.

Niềm đam mê văn học trong tôi đến từ việc viết. Từ sự vui thú khi được đọc sách, tôi đã bắt đầu thói quen viết lách: viết về mình, về cuộc sống xung quanh, viết để tìm kiếm bản thân và để được là chính mình [2]. Tôi đã lập một trang bờ-lóc (blog) mang tên "Ngày ngày đọc sách" để chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân về những cuốn sách mình đã đọc. Độc giả của tôi chủ yếu là người trẻ, những bạn học sinh cùng lứa tuổi, có cả những anh, chị sinh viên. Việc viết lách đã giúp tôi mở rộng thế giới của riêng mình để kết nối với mọi người. Có những em học sinh trung học cơ sở nhắn tin cảm ơn tôi vì nhờ những bài viết trên bờ-lóc, các em đã tìm đọc được những cuốn sách hay, phù hợp với lứa tuổi. Cũng có những độc giả chia sẻ sự đồng cảm, thấu hiểu với những bài viết của tôi. Tôi cũng nhận được nhiều ý kiến phản hồi, tranh luận về những cuốn sách nổi tiếng, thu hút sự quan tâm của cộng đồng. Trang "Ngày ngày đọc sách" đã mang đến cho tôi những đối thoại văn chương thú vị, giúp tôi có cơ hội gặp gỡ, quen biết nhiều người bạn có cùng đam mê với văn chương. [3]

Sau hơn một năm thành lập bờ-lóc, với mục tiêu đem đến nhiều giá trị thực tiễn hơn cho cộng đồng, vào tháng 3 năm 2020, tôi và nhóm bạn đã phát động chiến dịch quyên góp sách cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong thành phố mang tên "Thắp sáng" trên chính trang bờ-lóc này. Sau một tháng diễn ra chiến dịch, chúng tôi đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình từ cộng đồng mạng với hơn 500 đầu sách đa dạng về thể loại gửi đến các em học sinh. Những dự định, kế hoạch thành công là tín hiệu tốt giúp củng cố niềm tin của tôi vào sự phát triển của văn hoá đọc, giúp đưa văn chương đến gần hơn với các bạn trẻ. [4]

Những hoạt động trên chỉ là bước đầu trên hành trình chinh phục đam mê với văn chương của mình. Tôi có ước mơ trở thành một biên tập viên giỏi. Và hành trình chinh phục đam mê của tôi vẫn đang tiếp diễn với những kế hoạch cụ thể. Tôi vẫn tiếp tục trau dồi kiến thức văn học qua việc đọc sách. Những năm vừa qua, tôi đã tham gia dự

[1]: Giới thiệu đặc điểm ấn tượng, tiêu biểu về bản thân.

[2], [3]: Phân tích đặc điểm của bản thân và đưa ra những bằng chứng làm rõ cho đặc điểm ấy.

[4]: Những thông tin cụ thể về thời gian, địa điểm sự việc trong đoạn này giúp tăng tính xác thực, đáng tin cậy của bài viết.

án "Dấu ấn Truyện Kiều" (2018) trình diễn sản phẩm sân khấu hoá một số đoạn trích *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) được giảng dạy trong nhà trường, dự án "Nhật kí đọc sách" (2020) giúp rèn luyện kĩ năng đọc sách cho các bạn học sinh khối 10. Trong năm 2020, tôi cũng đã có cơ hội trở thành cộng tác viên trong ban biên tập kỉ yếu kỉ niệm 20 năm thành lập trường. Trong quá trình làm việc, tôi được rèn luyện thêm về kĩ năng viết cũng như được đào tạo qua công việc thực tiễn để khắc phục những nhược điểm như chưa tiết chế khi viết, bài viết còn lan man, dàn trải,... Trong tương lai, tôi dự định sẽ thi vào ngành Văn học và ngôn ngữ để tiếp tục học hỏi, trau dồi và theo đuổi ước mơ trở thành biên tập viên. [5]

Ở tuổi mười sáu, đam mê văn chương luôn cháy bỏng trong tôi. Tôi luôn tâm niệm: văn học cần gắn với cuộc sống, và việc đọc sách là nhịp cầu kết nối những tâm hồn. Tôi tin rằng niềm đam mê, kiến thức và những kinh nghiệm thực tế mà mình tích luỹ được sẽ giúp tôi tiếp tục tiến xa trên hành trình chinh phục những mục tiêu, dự định phía trước. [6]

(Bài viết của học sinh)

[5]: Bài luận có thể nêu mục tiêu của bản thân và kế hoạch thực hiện.

[6]: Khẳng định lại đặc điểm ấn tượng, tiêu biểu của bản thân, truyền một thông điệp có ý nghĩa.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Bố cục bài viết đã đáp ứng được yêu cầu đối với kiểu bài viết *bài luận về bản thân* hay chưa?
2. Các bằng chứng được nêu trong bài luận có đặc điểm gì?
3. Người viết đã làm gì để bài luận xác thực, đáng tin cậy?
4. Bạn có nhận xét gì về giọng điệu, ngôn ngữ của bài luận?
5. Ở kết bài, thông điệp mà người viết nêu lên là gì? Bạn có nhận xét gì về thông điệp ấy?

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Các câu lạc bộ ở trường bạn đang tổ chức tuyển thành viên. Bạn hãy viết bài luận giới thiệu bản thân để ứng tuyển vào câu lạc bộ bạn yêu thích.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

Đề tài của bài luận là những đặc điểm tiêu biểu, nổi bật về bản thân. Để lựa chọn được đề tài phù hợp, trước tiên bạn cần dành thời gian suy ngẫm về những đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân mình và liệt kê ra nháp.

Bạn cũng có thể hỏi ý kiến từ những người thân, bạn bè, thầy cô để có được cái nhìn khách quan về bản thân mình, thực hiện theo bảng sau (làm vào vở):

TT	Người cho ý kiến	Ưu điểm của tôi	Những điểm tôi cần hoàn thiện	Ấn tượng đặc biệt về tôi
1	Bố			
2	Mẹ			
3	Bạn thân			
4	Giáo viên chủ nhiệm			
5	….	….	…..	…..

Những ý kiến được lặp lại trong bảng trên là những nhận xét đáng tin cậy về bản thân bạn.

Trên cơ sở các thông tin đã thu nhận được, bạn lựa chọn đặc điểm tiêu biểu, nổi bật để triển khai bài luận bằng cách trả lời một số câu hỏi:

- Đặc điểm nào sẽ giúp tôi hoà nhập với môi trường tôi muốn tham gia?
- Đặc điểm nào của tôi phù hợp với những yêu cầu, tiêu chí xét tuyển?
- Đặc điểm nào của tôi khiến tôi trở nên đặc biệt?
- Đặc điểm nào của tôi gắn với những câu chuyện, thông điệp giàu ý nghĩa?

Sau đây là một số đề tài gợi ý:

- Châm ngôn sống của tôi.
- Mục tiêu dài hạn, ngắn hạn của tôi và kế hoạch thực hiện.
- Những trải nghiệm đã giúp tôi thay đổi cách nhìn về cuộc sống.
- …

Xác định mục đích viết và người đọc

- Bạn viết bài này nhằm mục đích gì?
- Người đọc của bạn có thể là ai?

Thu thập tư liệu

Bạn thu thập và xem lại các tư liệu về bản thân như nhật kí, sơ yếu lí lịch, lời phê của thầy cô trong sổ liên lạc, trong học bạ,... Thông thường, bài luận giới thiệu bản thân sẽ hướng đến một đối tượng cụ thể, nhằm một mục đích nhất định như là ứng tuyển một vị trí, chức vụ, đăng kí xét học bổng, tham gia xét tuyển đại học,

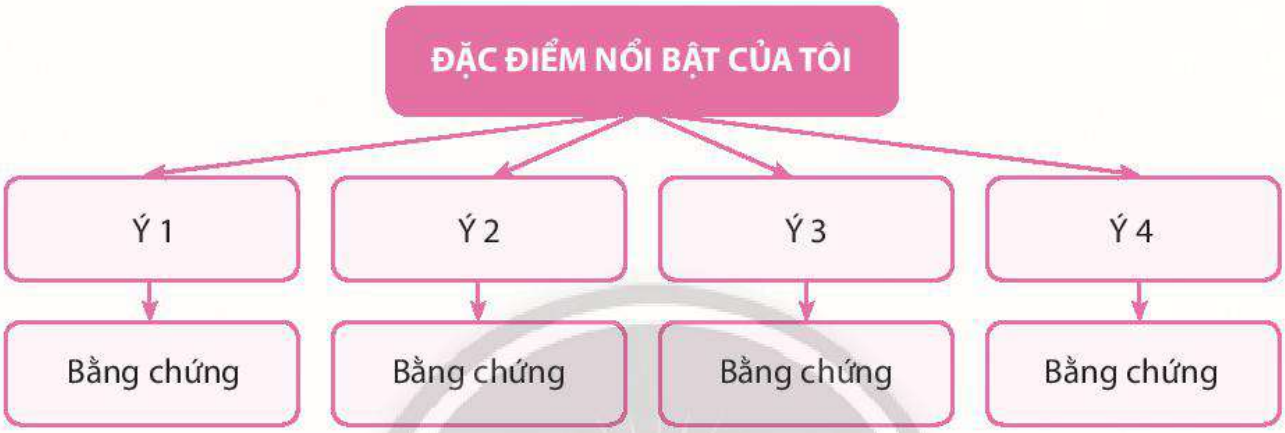
Chân trời sáng tạo

cao đẳng,... Do đó, bạn cần tìm hiểu thông tin về người đọc, môi trường, vị trí bạn muốn ứng tuyển, các tiêu chí, điều kiện xét tuyển bằng cách truy cập trang web, đọc kĩ các thông báo, áp phích, tờ rơi của đơn vị hoặc liên hệ trực tiếp để có thông tin cụ thể.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Khi đã xác định được đặc điểm nổi bật của bản thân, bạn cần phân tích đặc điểm ấy bằng cách tìm ý và bằng chứng phù hợp, dựa vào sơ đồ sau:



Lập dàn ý

Bạn lập dàn ý bằng cách sắp xếp xác ý tưởng tìm được theo một trình tự hợp lí. Chẳng hạn, với bài luận tham khảo ở trên, dàn ý đã được triển khai là:

• Mở bài: giới thiệu niềm đam mê văn học và những mong muốn đưa văn học gần hơn với cuộc sống.

• Thân bài: lần lượt phân tích niềm đam mê văn học của bản thân, gắn với các ý tưởng, hoạt động bản thân đã thực hiện để đưa văn học đến gần hơn với cuộc sống.

• Kết bài: khẳng định đam mê của bản thân, đưa ra thông điệp về hành trình chinh phục đam mê.

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn viết bài luận hoàn chỉnh dựa vào một số gợi ý sau:

• Bài luận nên có giọng điệu chân thành, ngôn ngữ chuẩn mực.

• Để đảm bảo tính xác thực, đáng tin cậy của bằng chứng, nên có các thông tin cụ thể về không gian, thời gian, nhân vật, sự kiện. Khi trình bày bằng chứng, cần xoáy vào những sự việc, chi tiết có ý nghĩa, góp phần làm nổi bật đặc điểm của bản thân.

• Gắn kết thông tin cá nhân với trải nghiệm, câu chuyện của bản thân.

• Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ.

Chân trời sáng tạo

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, hãy đọc lại và chỉnh sửa bài luận theo gợi ý sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài luận về bản thân

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu khái quát đặc điểm của bản thân sẽ triển khai trong bài viết.		
Thân bài	Nêu được mục đích của bài viết.		
	Phân tích được các đặc điểm tiêu biểu của bản thân.		
	Đưa ra được những bằng chứng thuyết phục để làm rõ từng đặc điểm của bản thân.		
	Đưa ra các thông tin xác thực, đáng tin cậy.		
Kết bài	Khẳng định lại đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân.		
	Nêu thông điệp có ý nghĩa.		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Giọng điệu chân thành, phù hợp với mục đích và đối tượng của bài viết.		
	Ngôn ngữ chuẩn mực, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.		

Bạn có thể nhờ những người thân đọc và góp ý cho bài luận, ý kiến của họ sẽ cho bạn những gợi ý khách quan để bài luận thêm sinh động, thuyết phục.

Bạn hãy ghi lại những kinh nghiệm rút ra khi viết bài luận về bản thân.

Chân trời sáng tạo



NÓI VÀ NGHE

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ SỬ DỤNG KẾT HỢP PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ VỚI CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ

Đề bài:

Thuyết trình về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian thời gian nói

• **Đề tài bài nói:** Bàn về vấn đề này, bạn có thể trình bày những quan điểm sau:

+ Giới trẻ hiện nay lựa chọn nghề nghiệp chủ yếu dựa trên năng lực và sở thích cá nhân.

+ Giới trẻ hiện nay lựa chọn nghề nghiệp chủ yếu dựa trên nhu cầu của thị trường lao động.

+ Giới trẻ hiện nay lựa chọn nghề nghiệp theo sự tư vấn của gia đình.

Hãy chọn một trong những quan điểm nêu trên (hoặc một quan điểm khác) mà bạn cho là đúng đắn hoặc sai lầm để bày tỏ sự đồng tình hoặc không đồng tình của bạn.

• **Mục đích nói:** để thuyết phục người nghe đồng tình với quan điểm của bạn.

• **Đối tượng người nghe:** có thể là bạn học cùng lớp, thầy cô hoặc những người khác.

• **Không gian và thời gian nói:** có thể trình bày bài nói ở lớp học trong một thời gian quy định.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Trong trường hợp này ý tưởng chính là quan điểm của bạn *về vấn đề sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay*, chẳng hạn quan điểm: giới trẻ hiện nay lựa chọn nghề nghiệp dựa trên năng lực và sở thích cá nhân. Ý tưởng này chính là vấn đề được nêu ra để bàn bạc, thảo luận nhằm đem lại nhận thức đúng đắn, từ đó dẫn đến hành động phù hợp cho cả người nghe và người nói. Để thu thập thông tin, bạn cần vận dụng hiểu biết, trải nghiệm của bản thân về vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay; sử dụng một số thông tin từ các văn bản đọc và tìm thêm thông tin trên sách báo, Internet,...

Lập dàn ý

Thông tin đã thu thập cần được chọn lọc, sắp xếp thành dàn ý chi tiết. Việc phác thảo dàn ý chi tiết có thể dựa vào một số câu hỏi sau:

Chân trời sáng tạo

– Quan điểm của tôi về vấn đề này là gì?

– Những lí lẽ nào cần có để làm rõ cho quan điểm của tôi?

– Những bằng chứng nào sẽ củng cố cho quan điểm của tôi?

– Có thể có những quan điểm nào trái ngược với quan điểm của tôi? Tôi cần trao đổi lại như thế nào?

– Thông điệp/ Lời kêu gọi hành động chính mà tôi muốn gửi đến người nghe qua bài thuyết trình là gì?

Luyện tập

Bạn hãy đối chiếu với bảng kiểm để tập thuyết trình cho khoa học. Cần lưu ý thêm một số nội dung sau:

– Luyện tập một mình bằng cách đứng trước gương hoặc luyện tập với bạn.

– Tập thói quen điều chỉnh giọng điệu (cao độ, âm lượng, tốc độ), kết hợp giọng điệu với ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... sao cho phù hợp.

– Kết hợp sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như tranh ảnh, video clip, sơ đồ, biểu bảng, số liệu,... sao cho phù hợp với nội dung bài nói.

– Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể thắc mắc và luyện tập trả lời sao cho thuyết phục.

Bước 2: Trình bày bài nói

– Cần trình bày theo hệ thống dàn ý đã chuẩn bị.

– Khi trình bày cần có thái độ tự tin, tự nhiên và thân thiện.

– Giọng nói cần rõ ràng, rành mạch; ngữ điệu cần linh hoạt, phù hợp.

– Kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để giúp bài nói thêm thu hút.

– Trong khi trình bày, có thể dừng lại tương tác với người nghe bằng cách nêu câu hỏi để mọi người cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

Trong vai trò là người nói: lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý; làm rõ những điều người nghe còn thắc mắc. Khi tiếp nhận các câu hỏi và ý kiến phản biện, bạn cần có thái độ cầu thị, nghiêm túc. Có thể lựa chọn một số câu hỏi quan trọng để phản hồi trong khuôn khổ thời gian cho phép.

Trong vai trò là người nghe: bạn có thể nêu câu hỏi hoặc góp ý cho bạn mình về nội dung, hình thức trình bày. Có thể yêu cầu bạn giải thích, làm rõ những điều mình chưa hiểu hoặc có ý kiến khác. Khi trao đổi với nhau, cần tôn trọng các ý kiến khác biệt.

Đánh giá

Lần lượt đóng hai vai: người nói và người nghe. Dựa vào bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá và góp ý cho bạn.

Bảng kiểm kĩ năng thuyết trình về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu (tự giới thiệu, nếu cần).		
	Nêu quan điểm của bản thân về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.		
Nội dung chính	Nêu những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để bảo vệ quan điểm mà bản thân đã lựa chọn.		
	Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.		
Kết thúc	Tóm tắt được quan điểm của bản thân về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.		
	Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ phía người nghe.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Bố cục bài nói rõ ràng.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP

1. Xác định luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, mục đích và quan điểm của người viết trong các văn bản nghị luận đã học dựa vào bảng sau (làm vào vở):

Yếu tố \ Văn bản	*Hịch tướng sĩ*	*Nam quốc sơn hà – bài thơ Thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước*	*Tôi có một giấc mơ*
Luận điểm			
Lí lẽ và bằng chứng			
Mục đích viết			
Quan điểm			

2. Các yếu tố biểu cảm có tác dụng như thế nào trong các văn bản nghị luận đã học trong bài?

3. Việc nhận biết, liên hệ bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội có tác dụng gì trong việc đọc hiểu các văn bản nghị luận trong bài?

4. Khi viết bài luận về bản thân, bạn cần lưu ý điều gì? Ghi lại kinh nghiệm rút ra sau khi viết bài luận về bản thân.

5. Hãy trình bày một số lỗi liên kết văn bản thường gặp và cách chỉnh sửa.

6. Ghi lại một số kinh nghiệm bạn rút ra được sau khi thực hiện bài thuyết trình về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.

7. Bạn hãy tham quan một bảo tàng, di tích lịch sử ở địa phương, sưu tầm hình ảnh, tư liệu và viết bài thu hoạch ngắn để trả lời câu hỏi: Độc lập, tự do có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi quốc gia, dân tộc và mỗi cá nhân?

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

1. Kẻ vào vở hai cột A, B theo mẫu dưới đây, sau đó nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm phù hợp được nêu ở cột B; giải thích lí do bạn tạo ra các đường nối giữa hai cột.

A	B
Truyện	có cốt truyện.
Sử thi	sáng tạo nhân vật, sự việc liên quan đến lịch sử theo trí tưởng tượng dân gian.
Thơ	đề cập đến người thật, việc thật.
Văn bản thông tin tổng hợp	bộc lộ trực tiếp tình cảm cảm xúc của tác giả; ngôn ngữ cô đọng.
	có miêu tả, kể chuyện, biểu cảm.
	thường kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.
Văn bản nghị luận	coi trọng lí lẽ, bằng chứng.

2. Theo bạn, cần lưu ý những điều gì khi đọc hiểu văn bản thuộc các thể loại dưới đây (có thể dùng bảng để tóm lược các điều cần lưu ý)?

a. Văn nghị luận b. Thơ c. Truyện

3. Nhận xét về tư tưởng nhân nghĩa trong *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi) và cho biết chất "hùng văn" của tác phẩm này chủ yếu toát ra từ đâu.

4. Văn bản *Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ* (A-ma-đu Ma-ta Mơ Bâu) giúp bạn hiểu thêm những gì về con người anh hùng và con người nghệ sĩ ở Nguyễn Trãi? Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả bài viết này.

5. Qua việc đọc ba văn bản nghị luận *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), *Nam quốc sơn hà – bài thơ Thần khẳng định chân lí độc lập của đất nước* (theo Nguyễn Hữu Sơn), nêu một số điểm khác biệt giữa:

a. Văn bản nghị luận văn học và văn bản nghị luận xã hội.

b. Văn bản nghị luận trung đại với văn bản nghị luận hiện đại.

6. Nhận xét về cách quan sát, miêu tả thiên nhiên và cảnh sinh hoạt của Nguyễn Trãi trong bài thơ *Dục Thuý sơn* hoặc *Bảo kính cảnh giới* – bài 43.

7. Chỉ ra một vài điểm khác nhau trong cách ngắt nhịp, gieo vần, dùng biện pháp tu từ,... tạo âm điệu thể hiện niềm thương nhớ giữa hai bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Chiếc lá đầu tiên* của Hoàng Nhuận Cầm.

8. Nhận xét về cách sử dụng vai kể, điểm nhìn của hai trong số các văn bản truyện sau đây: *Đất rừng phương Nam, Giang, Buổi học cuối cùng, Dưới bóng hoàng lan,...*

9. Từ một số tác phẩm truyện và trích đoạn chèo/ tuồng đã học, hãy chỉ ra ít nhất 3 điểm khác nhau về cách xây dựng nhân vật giữa hai thể loại này (có thể sử dụng mẫu bảng sau, làm vào vở):

STT	Nhân vật trong tác phẩm truyện	Nhân vật trong tác phẩm kịch (chèo/ tuồng)
1	...	...
2	...	...
3	...	...
...	...	...

10. Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

(1) Thứ nhất, đọc sách giúp chúng ta mở mang kiến thức. (2) Sách là kho tàng trí thức vô tận của nhân loại. (3) Sách cung cấp cho chúng ta những hiểu biết ở nhiều lĩnh vực như toán học, vật lí, lịch sử, địa lí, văn học,... (4) Sách làm cho tâm hồn ta phong phú, trí óc ta rộng mở và cuộc sống của chúng ta ý nghĩa hơn. (5) Đọc sách giúp chúng ta phát triển kĩ năng ngôn ngữ. (6) Chúng ta có thể mở rộng vốn từ vựng thông qua việc đọc sách. (7) Ngoài ra, chúng ta còn có thể cải thiện khả năng viết của mình thông qua việc đọc sách. (8) Thêm vào đó, khi đọc sách thường xuyên, bạn sẽ được trau dồi các từ vựng mới cũng như cải thiện khả năng viết lách mà đôi khi chính bạn cũng không hề nhận ra điều đó.

a. Chỉ ra lỗi dùng từ trong câu (2) và sửa lại cho đúng.

b. Có thể viết lại các câu (6), (7), (8) như thế nào để văn bản ngắn gọn, súc tích hơn?

c. Chỉ ra lỗi liên kết trong đoạn trích trên và sửa lại cho đúng.

11. Lập bảng tóm tắt yêu cầu đối với các kiểu bài: *Viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm* (Bài 7); *Viết một bài luận về bản thân* (Bài 9).

12. Tìm ý, lập dàn ý cho một trong hai đề dưới đây:

Đề a. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về nội dung và hình thức nghệ thuật của một trong các bài thơ mà bạn đã đọc theo yêu cầu đọc mở rộng.

Đề b. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về nội dung và hình thức nghệ thuật của một trong những tác phẩm truyện mà bạn đã đọc theo yêu cầu đọc mở rộng.

13. Tập trình bày các nội dung chính đã thực hiện ở câu 12.

14. Tóm tắt nội dung của ít nhất một văn bản theo yêu cầu đọc mở rộng với mỗi thể loại: *thần thoại, sử thi, chèo/ tuồng, truyện, văn bản nghị luận, văn bản thông tin* (nếu là tác phẩm lớn, nhiều chương/ khúc: tóm tắt tối thiểu 1 chương/ khúc), trong đó có sử dụng biện pháp chêm xen hoặc liệt kê.

15. Đọc diễn cảm (theo trí nhớ) một số đoạn văn, đoạn thơ/ bài thơ mà bạn yêu thích và mới tìm hiểu được trong năm học lớp 10.

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Bài	Trang
B	Bối cảnh lịch sử, văn hoá xã hội trong văn bản nghị luận	9	31
C	Cảm hứng	6	4
	Cảm hứng chủ đạo trong thơ	6	4
	Câu chuyện	8	59
	Chêm xen	8	60
D	Dùng từ không đúng hình thức ngữ âm	7	32
	Dùng từ không đúng nghĩa	7	32
	Dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp	7	32
	Dùng từ không phù hợp với phong cách	7	32
Đ	Đặc điểm, tính cách nhân vật	8	59
	Điểm nhìn	8	60
L	Liệt kê	8	61
	Lỗi không tách đoạn	9	91
	Lỗi tách đoạn tuỳ tiện	9	91
	Lỗi về trật tự từ trong câu	6	5
N	Người kể chuyện	8	60
M	Mục đích của văn bản nghị luận	9	90
Q	Quan điểm của người viết trong văn bản nghị luận	9	90
T	Thông điệp của tác phẩm văn học	8	59
	Tình cảm, cảm xúc trong thơ	6	4
	Tư tưởng của tác phẩm văn học	8	59
V	Văn nghị luận	7	31
Y	Yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận	9	90

Chân trời sáng tạo

BẢNG TRA YẾU TỐ HÁN VIỆT

TT	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt	Trang
1	*Doanh*	6	Nơi đóng quân	*Doanh* trại (B6)	9
2	*Biên*	6	Bờ, rìa, cạnh	*Biên* giới, *biên* cương (B6)	9
3	*Viễn*	6	Xa	*Viễn* xứ (B6)	9
4	*Độc*	6	Một mình	*Độc* hành (B6)	9
5	*Kỉ*	6	Ghế	Trường *kỉ* (B6)	11
6	*Tịch*	6	Vắng vẻ	Trầm *tịch*, *tịch* mịch (B6)	11
7	*Thiếu*	6	Trẻ tuổi	*Thiếu* nữ (B6)	12
8	*Mật*	6	Khăng khít, gần gũi	Thân *mật* (B6)	12, 13
9	*Lự*	6	Suy tính	Lưỡng *lự* (B6)	13
10	*Cần*	6	Kĩ càng, chu đáo	Ân *cần* (B6)	14
11	*Văn*	7	Vẻ đẹp	*Văn* hiến (B7)	34
12	*Tục*	7	Thói quen	Phong *tục* (B7)	34
13	*Độc*	7, 9	Một mình	*Độc* lập (B7, 9)	34, 90
14	*Đế*	7, 9	Vua một nước	Xưng* *đế* (B7), hoàng *đế* (B9)	34, 97
15	*Kiệt*	7	– Người tài giỏi hơn người – Cạn hết	– Hào *kiệt* (B7) – Lực *kiệt* (B7)	34 37
16	*Bại*	7, 9	Thua	Thất *bại*, *bại* vong (B7), *bại* hư (B9)	34, 37 96
17	*Vong*	7	Mất, chết	Tiêu *vong*, bại *vong* (B7)	34, 37
18	*Chính*	7 9	– Việc của nhà nước – Đúng đắn, ngay thẳng	– *Chính* sự (B7) – *Chính* thống, *chính* nghĩa (B9)	34 97
19	*Phiền*	7	Gây khó chịu	*Phiền* hà (B7)	34
20	*Oán*	7	Giận sâu sắc	*Oán* hận (B7)	34
21	*Cuồng*	7	Điên	Quân* *cuồng* Minh (B7)	34
22	*Cơ*	7	Dịp	Thừa *cơ* (B7)	34
23	*Hoạ*	7	Việc xấu gây hại	Gây* *hoạ* (B7)	34
24	*Gian*	7 7, 8 8	– Dối trá, không ngay thẳng – Khó khăn – Ở trong khoảng	– *Gian* tà, *gian* thần (B7) – *Gian* nan (B7), *gian* khó* (B8) – Dân *gian* (B8)	34 36, 70 76
25	*Vinh*	7	Vẻ vang	Cầu *vinh* (B7)	34

Chân trời sáng tạo

26	*Hung*	7	Dữ	*Hung* tàn (B7)	34
27	*Tai*	7	Nạn, việc rủi ro	*Tai* vạ* (B7)	34
28	*Hại*	7	Làm tổn thương	Tàn *hại* (B7)	35
29	*Nghĩa*	7	Lẽ phải, việc hợp lẽ phải, hợp đạo lí	Dấy* *nghĩa*, *nghĩa* binh (B7), *nghĩa* sĩ, chính *nghĩa* (B9)	35, 41 41, 97
30	*Hưng*	7	Mạnh lên	*Hưng* phế, phục *hưng* (B7)	35, 41
31	*Bôn*	7	Chạy vội vã	*Bôn* tẩu (B7)	35, 45
32	*Hiền*	7	Người tài đức	Cầu *hiền* (B7)	36, 45
33	*Tuần*	7	Đơn vị tính thời gian ngày xưa, tương đương mười ngày	Mấy* *tuần* (B7)	36
34	*Tướng*	7, 9	Người chỉ huy quân đội	*Tướng* sĩ (B7, 9)	36, 92
35	*Phụ*	7	Cha	*Phụ* tử (B7)	36
36	*Kì*	7	Lạ, không lường trước được	Xuất *kì* (B7)	36
37	*Phục*	7	– Ẩn nấp – Trở lại	– Mai *phục* (B7) – *Phục* hưng (B7)	36 41
38	*Đại*	7, 8	lớn, lớn lao	*Đại* nghĩa, *đại* nhân, *đại* nghiệp, *đại* trượng phu (B7), *đại* đội (B8)	36, 40, 41, 41, 69
39	*Chí*	7	Rất mực	*Chí* nhân (B7)	36
40	*Nhân*	7 9	– Lòng yêu thương – Người	– Chí *nhân* (B7) – *Nhân* tài (B7)	36 35
41	*Tàn*	7	Làm hại	Hung *tàn* (B7)	34, 36
42	*Bạo*	7	Dữ và ác	Cường *bạo* (B7)	36
43	*Khí*	7	– Tinh thần – Đồ dùng	– Sĩ *khí* (B7) – *Khí* giới (B7)	36 42
44	*Thanh*	7, 9	Tiếng tăm	Quân *thanh* (B7), gia *thanh* (B9)	36, 94
45	*Thừa*	7	Nhân (dịp)	*Thừa* cơ, *thừa* thắng (B7)	34, 36
46	*Tuyển*	7	Lựa chọn	*Tuyển* binh (B7)	36
47	*Phúc*	7	Bụng	*Phúc* tâm (B7)	37
48	*Cùng*	7	Cuối (đường), không còn lối thoát	Trí *cùng* (B7)	37
49	*Danh*	7, 9	Tên tuổi	Công *danh* (B7)	37
50	*Điều*	7, 8	Phân phối	*Điều* binh (B7), *điều* lên* trinh sát sư đoàn (B8)	37, 74

Chân trời sáng tạo

51	*Thủ*	7 8, 9	– Giữ – Đầu, đứng đầu	– *Thủ* hiểm (B7) – *Thủ* trưởng (B8), *thủ* lĩnh (B9)	97, 92 72, 73
52	*Tuyệt*	7	Cắt đứt	*Tuyệt* nguồn* lương thực (B7)	37
53	*Vẫn*	7	Chết	Tự *vẫn* (B7)	37
54	*Phong*	7	Gió	*Phong* vân (B7)	38
55	*Vân*	7	Mây	Phong *vân* (B7)	38
56	*Nhật*	7 8	– Mặt trời – Ngày	– *Nhật* nguyệt (B7) – *Nhật* trình (B8)	38 65
57	*Nguyệt*	7	Mặt trăng	Nhật *nguyệt* (B7)	38
58	*Hiếu*	7	Yêu thích	*Hiếu* sinh (B7)	38
59	*Xã tắc*	7	Thần Đất và thần Lúa, chỉ quốc gia	*Xã tắc* (B7)	38
60	*Nhung*	7	Quân đội	*Nhung* y (B7)	39
61	*Oanh*	7	Vang dội	*Oanh* liệt (B7)	39
62	*Tân*	7	Mới	Duy *tân* (B7)	39
63	*Cáo*	7, 9	Thông báo	Bá *cáo* (B7), cảnh *cáo* (B9)	39, 98
64	*Trang*	7	Làm đẹp	*Trang* sức (B7)	40, 43
65	*Thất*	7	Tầm thường, thấp kém	*Thất* phu (B7)	40
66	*Viện*	7	Cứu giúp	*Viện* binh (B7)	40
67	*Tích*	7	Dấu vết	Tâm *tích* (B7)	40
68	*Bạch*	7	Rõ ràng	Minh *bạch* (B7)	40
69	*Cổ*	7	Xưa	*Cổ* nhân (B7)	40
70	*Thôn*	7	Nuốt	*Thôn* tính (B7)	40
71	*Chế*	7	Ngăn cấm	*Chế* ngự (B7)	40
72	*Hà*	7	Khắt khe	*Hà* khắc (B7)	41
73	*Nội*	7	Trong	*Nội* loạn (B7)	41
74	*Đồ*	7	Toan tính	Mưu *đồ* (B7)	41
75	*Trượng*	7	10 thước Trung Quốc, thường chỉ người đàn ông có khí tiết vững chãi	Đại *trượng* phu (B7)	41
76	*Tiện*	7	Thấp kém	Bần *tiện* (B7)	41
77	*Tiểu*	7	Nhỏ mọn	*Tiểu* nhân (B7)	41
78	*Man*	7	Lạc hậu, kém văn minh	*Man* rợ (7)	41
79	*Phi*	7, 9	Không phải	*Phi* nghĩa (B7, 9), *phi* lí (B9)	97
80	*Thần*	7, 9	Bề tôi	Trung *thần* (B7, 9)	41, 92

Chân trời sáng tạo

81	*Sĩ*	7, 9	Người có học vấn	Nghĩa *sĩ* (B7, 9)	41, 45, 92
82	*Bất*	7	Không	*Bất* nghĩa (B7)	41
83	*Hàng*	7	Chịu thua	Ra* *hàng* (B7)	41
84	*Bộ*	7	Phần (của một toàn thể)	*Bộ* hạ (B7)	41
85	*Khốn*	7	Gian nan, khổ sở	*Khốn* khổ (B7)	41
86	*Hiến*	7	Dâng	*Hiến* kế (B7)	41
87	*Cụ*	7	Đồ dùng	Chiến *cụ* (B7)	41
88	*Vọng*	7	Mong chờ	Thất *vọng* (B7)	42
89	*Chuyên*	7	Chỉ có một	*Chuyên* chính (B7)	42
90	*Cốt*	7	Xương	*Cốt* nhục (B7)	42
91	*Biến*	7	Thay đổi, rối loạn	Sinh *biến* (B7)	42
92	*Ngược*	7, 9	Tàn ác	Bạo *ngược* (B7), ngang *ngược* (B9)	42, 97
93	*Thán*	7	Than thở	Oán *thán* (B7)	42
94	*Can qua*	7	Tấm khiên và lưỡi mác, chỉ chuyện chiến tranh	*Can qua* (B7)	42
95	*Thuỷ*	7	Nước, đường nước	*Thuỷ* bộ (B7)	42
96	*Cống*	7	Dâng nộp	Chức *cống* (B7)	42
97	*Giao*	7	Tiếp xúc, cùng nhau, lẫn nhau	*Giao* chiến (B7)	42
98	*Liên*	7	Hoa sen	Hồng *liên* (B7)	44
99	*Ngư*	7	Cá, người đánh cá	*Ngư* phủ (B7)	44
100	*Tịch*	7	Chiều tà	*Tịch* dương (B7)	44
101	*Cầm*	7	Đàn	Ngu *cầm* (B7)	44
102	*Thảo*	8	Cỏ	*Thảo* mộc (B8)	63
103	*Sứ*	8	Người vâng lệnh đi làm nhiệm vụ quan trọng (thường là ngoại giao)	*Sứ* giả (B8)	64
104	*Trình*	8	Đưa ra	Nhật *trình* (B8)	65
105	*Vũ*	8	Múa	*Vũ* điệu (B8)	68
106	*Tân*	8	Mới	*Tân* binh (B8)	69
107	*Ân*	8	Ơn	*Ân* tình (B8)	70
108	*Độ*	8	Mức, chỉ số đo lường	Toạ *độ* (B8)	71
109	*Hàm*	8	Cấp bậc	Quân *hàm* (B8)	71

110	*Trấn*	8	Đơn vị hành chính thuộc huyện	Thị *trấn* (B8)	70, 73
111	*Sư*	8	(Thuộc về) quân đội	*Sư* đoàn (B8)	74
112	*Bị*	8	Sửa soạn, sắp đặt sẵn	Trang *bị* (B9)	74
113	*Hiệu*	8	Tên gọi	Phiên *hiệu* (B8)	74
114	*Công*	8	Đánh (giặc)	Mũi* chủ *công* (B8)	74
115	*Trợ*	8	Giúp	*Trợ* lí (B8)	74
116	*Trinh*	8	Thăm dò	*Trinh* sát (B8)	74
117	*Sát*	8	Xem xét	Trinh *sát* (B8)	74
118	*Lâm*	8	Ở vào lúc	*Lâm* trận (B8)	74
119	*Tặc*	9	Giặc	Nghịch *tặc* (B9)	92
120	*Trung*	9	Hết lòng	*Trung* thần (B9)	92
121	*Hủ*	9	Mục nát	Bất *hủ* (B9)	92
122	*Tì*	9	Giúp đỡ, phụ tá	*Tì* tướng (B9)	93
123	*Nội*	9	Đồng ruộng	*Nội* cỏ* (B9)	93
124	*Bổng*	9	Khoản tiền thưởng ngoài lương	*Bổng, bổng* lộc (B9)	93, 94
125	*Trận mạc*	9	Vùng đất rộng nơi quân đội hai bên đánh nhau	*Trận mạc* (B9)	93
126	*Hạ*	9	Rảnh rỗi	Nhàn *hạ* (B9)	93
127	*Yến*	9	Tiệc	Đãi *yến* (B9)	94
128	*Nguỵ*	9	Dối trá, không chân chính	*Nguỵ* sứ (B9)	94
129	*Khiển*	9	Cởi bỏ (phiền muộn)	Tiêu *khiển* (B9)	94
130	*Phỏng*	9	Hỏi	*Phỏng* có* được* không*? (B9)	94
131	*Giai*	9	Cùng, đều	Bách niên *giai* lão (B9)	94
132	*Miếu*	9	Đền thờ	Tông *miếu* (B9)	94
133	*Đắc*	9	Được	*Đắc* chí (B9)	94
134	*Mai*	9	Chôn lấp	*Mai* một (B9)	94
135	*Pháp*	9	Phép, cách thức	Binh *pháp* (B9)	95
136	*Nhược*	9	Nếu, nếu như	*Nhược* bằng (B9)	95
137	*Điềm*	9	Bình tĩnh, lặng lẽ	*Điềm* nhiên (B9)	95
138	*Chân*	9	Thật, sự thật	*Chân* lí (B9)	97

Chân trời sáng tạo

139	*Quy*	9	Theo về	*Quy* phục (B9)	97
140	*Phong*	9	Ban tặng (thường dùng nói về vua ban tặng cho người dưới chức tước, danh hiệu,...)	*Phong* kiến, *phong* vương (B9)	97
141	*Sách*	9	Mưu kế	Kế *sách* (B9)	97
142	*Phận*	9	Phần	Định *phận* (B9)	97
143	*Định*	9	Sắp xếp chắc chắn, không thay đổi	*Định* phận, phân *định*, quyết *định* (B9)	97
144	*ứng*	9	Đáp lại, hoà theo	Hô *ứng* (B9)	97
145	*Hằng*	9	Lâu bền	Vĩnh *hằng* (B9)	97
146	*Đối*	9	Chọi lại, quay (mặt) lại	*Đối* lập, *đối* nghịch (B9)	97
147	*Xâm*	9	Lấn vào, động chạm đến	*Xâm* lấn, *xâm* lược, *xâm* phạm (B9)	97
148	*Bang*	9	Nước	Ngoại *bang* (B9)	97
149	*Cảnh*	9	Răn bảo, nhắc nhở	*Cảnh* báo, *cảnh* cáo (B9)	98
150	*Triệu*	9	Kêu gọi	Hiệu *triệu* (B9)	98
151	*Tuyến*	9	Đường, bên	Chiến *tuyến* (B9)	98
152	*Tất*	9	Đương nhiên, chắc chắn	*Tất* yếu (B9)	98
153	*Chứng*	9	Bằng cớ rõ ràng	*Chứng* kiến (B9)	98
154	*Hưởng*	9	Tiếng vang	Âm *hưởng* (B9)	98
155	*Tráng*	9	Khoẻ mạnh, mạnh mẽ	Hùng *tráng* (B9)	98
156	*Tương*	9	Cùng nhau	*Tương* quan (B9)	98
157	*Khẳng*	9	Xác nhận, đồng ý	*Khẳng* định (B9)	98
158	*Khái*	9	Bao quát, tóm tắt	*Khái* quát (B9)	97, 98
159	*Cương*	9	Bờ cõi	*Cương* giới (B9)	98
160	*Tuyên*	9	Phô bày cho mọi người cùng biết	*Tuyên* ngôn (B9)	104
161	*Sa*	9	Cát	Phù *sa* (B9)	99, 100

(Kí hiệu * chỉ yếu tố không phải là Hán Việt)

BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Abraham Lincoln	Áp-ra-ham Lin-cơn	101, 102
	Alsace	An-dát	78, 79
	Amadou – Mahtar M' Bow	A-ma-đu Ma-ta Mơ Bâu	2, 47, 114
	Amazon	A-ma-dôn	101
	Andersen	An-đéc-xen	82
	Anfonse Daudet	An-phông-xơ Đô-đê	3, 61, 78, 80, 84, 86
B	Berlin	Béc-lin	78
	Bob Adelman	Bốp A-đen-man	101
	Blog	bờ-lóc	105
C	Charles Duhigg	Sác-lơ Điu-hít	51
F	Frantz	Phrăng	78, 79
G	Gatsby	Gat-xơ-bi	105
	Georgia	Giooc-giơ	104
H	Hamel	Ha-men	78, 79, 80
	Harshvardhan Dutt	Hat-sơ-va-han Đớt-tơ	103
	Hauser	Hô-de	80
	Hemingway	Hê-minh-uây	105
	Houblon	hu-blông	80
I	Israel	I-xra-en	101
K	Kosygin	Cô-xư-ghin	71
L	Lorraine	Lo-ren	78
M	Martin Luther King	Mác-tin Lu-thơ Kinh	3, 101, 104
	Mekong	Mê Kông	101
	Mifa	Mi-pha	73
	Mississippi	Mi-xi-xi-pi	103
N	New Delhi	Niu Đê-li	104
	New York	Niu Óc	103
P	Palestine	Pa-lét-xơ-tin	101
R	Remi	Rê-mi	105
U	UNESCO	U-nét-cô	29
	Unicorn Books	Iu-ni-con Búc-xơ	103
W	Washington	Oa-sinh-tơn	101

Chân trời sáng tạo

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN VĂN THƯƠNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN
Biên tập mĩ thuật: PHẠM HOÀI THƯƠNG
Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA
Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG
Minh hoạ: TRẦN THỊ THANH THẢO
Sửa bản in: NGUYỄN VĂN THƯƠNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 10 – TẬP HAI (Chân trời sáng tạo)
Mã số: G2HHXV002M22
In……bản, (QĐ in số….) Khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:……..
Cơ sở in:……
Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/59-397/GD
Số QĐXB:..... ngày…. tháng…. năm 20….
In xong và nộp lưu chiểu tháng…. năm 20….
Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-32017-9
Tập 2: 978-604-0-32018-6



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 10, Tập một
2. Toán 10, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 10
4. Ngữ văn 10, Tập một
5. Ngữ văn 10, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
7. Tiếng Anh 10
   Friends Global - Student Book
8. Lịch sử 10
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 10
10. Địa lí 10
11. Chuyên đề học tập Địa lí 10
12. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
13. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
14. Vật lí 10
15. Chuyên đề học tập Vật lí 10
16. Hoá học 10
17. Chuyên đề học tập Hoá học 10
18. Sinh học 10
19. Chuyên đề học tập Sinh học 10
20. Âm nhạc 10
21. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10
22. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (BẢN 1)
23. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (BẢN 2)
24. Giáo dục quốc phòng và an ninh 10

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

ISBN 978-604-0-32018-6

9 786040 320186

Giá: 20.000 đ

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.